Sở GD&ĐT Thành phố Đà Nẵng
Trường THPT Đỗ Đăng Tuyển
Tổ: Ngữ văn 12(T55-66)
GV: Phạm Thị Hà
Ngày soạn: 20/12/2025
Thời gian thực hiện: Tuần 20,21,22,23
Lớp dạy: 12/3

BÀI 6. HỒ CHÍ MINH - "VĂN HOÁ PHẢI SOI ĐƯỜNG CHO QUỐC DÂN ĐI" (12 tiết)

A. NỘI DUNG VÀ THỜI LƯỢNG THỰC HIỆN

I. CÁC NỘI DUNG CẦN THỰC HIỆN

1. Đọc:

VB1: Tác gia Hồ Chí Minh
VB2: *Tuyên ngôn độc lập* (Hồ Chí Minh)
VB3,4: *Mộ* (*Chiều tối* - Hồ Chí Minh), *Nguyên tiêu* (*Rằm tháng giêng* - Hồ Chí Minh)
VB5: *Những trò lố hay là Va-ren và Phan Bội Châu* (Nguyễn Ái Quốc)
Thực hành đọc: *Vọng nguyệt* (*Ngắm trăng* - Hồ Chí Minh)
Cảnh khuya (Hồ Chí Minh)

2. Thực hành tiếng Việt: Một số biện pháp làm tăng tính khẳng định, phủ định trong văn bản nghị luận

3. Viết: Viết báo cáo kết quả bài tập dự án

4. Nói và nghe: Trình bày kết quả của bài tập dự án

II. THỜI LƯỢNG THỰC HIỆN: … tiết – KHGD

B. MỤC TIÊU KHI XÂY DỰNG CHỦ ĐỀ BÀI HỌC

I. NĂNG LỰC	
Năng lực chung	Bài học góp phần phát triển năng lực chung. - **Tự chủ và tự học:** Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, giải quyết vấn đề học tập của bản thân và các bạn. - **Giao tiếp và hợp tác:** Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm, khi thực hiện nhiệm vụ hợp tác. - **Giải quyết vấn đề và sáng tạo:** Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lí linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.
Năng lực đặc thù	*Năng lực ngôn ngữ (*đọc – viết – nói và nghe*); năng lực văn học.* - Vận dụng được những hiểu biết về tác gia Hồ Chí Minh để đọc hiểu một số tác phẩm của Người; nhận biết và phân tích được quan điểm của tác giả về lịch sử, văn hoá được thể hiện trong văn bản. - Nhận biết và phân tích được vai trò của cách lập luận và ngôn ngữ biểu cảm trong văn bản nghị luận. - Vận dụng được kiến thức về lịch sử văn học và kĩ năng tra cứu để sắp xếp một số tác giả, tác phẩm lớn theo tiến trình lịch sử văn học; biết đặt tác phẩm trong bối cảnh sáng tác và bối cảnh hiện tại để có đánh giá phù hợp. - Phân tích và đánh giá được hiệu quả của việc dùng biện pháp tu từ và cách diễn đạt thể hiện tính khẳng định, phủ định trong văn bản nghị luận.

	- Viết được báo cáo bài tập dự án; có sử dụng sơ đồ, bảng biểu, có thuyết minh các hình ảnh minh hoạ, có sử dụng trích dẫn, cước chú và biết trình bày phần tài liệu tham khảo. - Biết trình bày kết quả của bài tập dự án, sử dụng các phương tiện hỗ trợ phù hợp.
II. PHẨM CHẤT Biết thể hiện lòng tôn kính đối với vị lãnh tụ vĩ đại của đất nước và có ý thức học tập, phấn đấu noi theo tấm gương sống vì dân, vì nước của Người.	

C. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học

- Máy tính, ti vi (hoặc máy chiếu), tranh ảnh, sơ đồ, bảng biểu được sử dụng để dạy học đọc, viết và thực hành tiếng Việt.
- Phiếu bài tập, phiếu củng cố mở rộng, phiếu ghi chép, rubric đánh giá bài viết, bài nói (nếu có).

2. Học liệu

- Sách giáo khoa, sách giáo viên.
- Các video tư liệu, văn bản đọc hiểu.
- Bài giảng điện tử.

D. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

❤️

ĐỌC HIỂU VĂN BẢN

Tiết:55

VĂN BẢN 1: TÁC GIA HỒ CHÍ MINH

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. Năng lực chung: Bài học góp phần phát triển các năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của bản thân và các bạn**.**

- Giao tiếp và hợp tác: Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm khi thực hiện nhiệm vụ hợp tác.

- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lý linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

b. Năng lực đặc thù: Bài học góp phần phát triển năng lực văn học và năng lực ngôn ngữ. Thông qua quá trình dạy **đọc, giúp HS:**

- Nắm được tiểu sử cuộc đời Hồ Chí Minh
- Nhận biết và hiểu được quan điểm sáng tác, thành tựu sáng tác, phong cách nghệ thuật của Hồ Chí Minh.
- Vận dụng được những hiểu biết về tác gia Hồ Chí Minh để đọc hiểu một số tác phẩm của Người; nhận biết và phân tích được quan điểm của tác giả về lịch sử, văn hoá được thể hiện trong văn bản.

2. Phẩm chất: Biết thể hiện lòng tôn kính đối với vị lãnh tụ vĩ đại của đất nước và có ý thức học tập, phấn đấu noi theo tấm gương sống vì dân, vì nước của Người.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị: Ti vi (hoặc máy chiếu), máy tính, Giấy A0, A3 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

2. Học liệu: SGK, STK, kế hoạch bài dạy, video liên quan, phiếu học tập, rubric đánh giá.

III. TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu:
- Kết nối tri thức
- Tạo hứng thú
- Tạo ra mâu thuẫn nhận thức

b. Nội dung hoạt động: HS quan sát tranh/ hình ảnh thực hiện trò chơi đoán tên tác giả, tác phẩm và tìm chủ đề liên quan đến bài học.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

TỔ CHỨC THỰC HIỆN	SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ HS xem video từ đầu đến 4,0 phút và nêu cảm xúc của em khi xem video. Em có cảm nhận như thế nào về Chủ tịch Hồ Chí Minh https://youtu.be/VxYc2QY1jU4?si=GQAv2ELxXKqrY6vc **Bước 2 + 3: Thực hiện nhiệm vụ và báo cáo** - HS nghe câu hỏi, đưa ra câu trả lời **Bước 4: Đánh giá, kết luận**. Nhắc đến Chủ tịch Hồ Chí Minh là nhắc đến vị lãnh tụ vĩ đại của cách mạng Việt Nam, người Anh hùng dân tộc, Danh nhân văn hóa thế giới. Nhắc đến Người, trong trái tim mỗi chúng ta dâng lên niềm xúc động, tự hào, biết ơn và niềm thành kính thiêng liêng vô hạn. Bởi Người là một nhân cách vĩ đại, đúng như nhà thơ Tố Hữu từng viết: "*Người là cha, là bác, là anh* *Quả tìm lớn lọc trăm dòng máu nhỏ*" (Trích *"Sáng tháng năm"*) *"...Bác để tình thương cho chúng con* *Một đời thanh bạch, chẳng vàng son* *Mong manh áo vải hồn muôn trượng* *Hơn tượng đồng phơi những lối mòn..."* (Trích *"Bác ơi!"*) Người đã để lại cho chúng ta một gia tài văn chương đồ sộ, dù sinh thời Người không nhận mình là nhà thơ, nhà văn. Hôm nay, cô trò ta cùng tìm hiểu về cuộc đời và sự nghiệp văn chương của Người để cảm nhận những giá trị tinh thần to lớn mà Người đã dành cho nhân dân như thế nào!	- Câu trả lời của HS: + Cảm xúc: xúc động, tự hào, khâm phục, ngưỡng mộ, ... về Bác. + Cảm nhận về Bác: là một con người giản dị, sống nghĩa tình, nhân hậu, chan chứa tình yêu đối với quê hương, ...

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

2.1: Tìm hiểu tri thức Ngữ văn

a. Mục tiêu: Tìm hiểu chung về quan điểm sáng tác; đánh giá một tác giả, tác phẩm văn học.

b. Nội dung hoạt động: Đọc và thu thập thông tin điền vào PHT.

c. Sản phẩm: Câu trả lời chính xác của các đội chơi.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

PHT 01: **Tìm hiểu về quan điểm sáng tác và đánh giá một tác giả, tác phẩm văn học**

Điền từ còn thiếu vào dấu '…" trong các mục (1), (2), (3) và thực hiện yêu cầu ở mục (4):

1. Là hệ thống …tư tưởng.., nguyên tắc chi phối hoạt động sáng tác của nhà văn, do chính nhà văn xác định dựa trên những ..trải nghiệm.. đời sống và nghệ thuật của mình.

2. Quan điểm sáng tác có thể được chính ..nhà văn..phát biểu một cách tường minh nhưng nhiều khi được..độc giả.. khái quát lên dựa vào sự ổn định trong cách nhà văn lựa chọn đề tài, xác định chủ đề, bày tỏ thái độ trước đối tượng miêu tả và vận dụng các phương thức, phương tiện nghệ thuật.

3. Khi đánh giá một tác giả, tác phẩm văn học, cần huy động trải nghiệm, ..kiến thức.. nhiều mặt và phải dựa trên những tiêu chuẩn …thẩm mĩ..,..nhân văn.., tư tưởng phù hợp. Điều quan trọng là biết đặt đối tượng vào đúng ..bối cảnh sáng tác..để nhận ra mức độ đóng góp của tác giả, tác phẩm đó cho đời sống và tiến trình văn học.

4. Nêu một số ví dụ minh hoạ về quan điểm sáng tác của các nhà văn mà em biết.

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV cho HS hoạt động cá nhân trong 2 phút. HS đọc mục tri thức Ngữ văn và hoàn thành PHT 01: Điền từ còn thiếu vào dấu "…" vào các mục (1), (2), (3) và thực hiện yêu cầu ở mục (4) trong PHT 01. **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** HS đọc Tri thức Ngữ văn và hoàn thành PHT 01. **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** GV mời 1 - 2 HS trả lời. HS khác nhận xét, bổ sung. **Bước 4: Đánh giá, kết luận** GV nhận xét, chuẩn kiến thức.	**I. Tìm hiểu Tri thức Ngữ văn** **1. Quan điểm sáng tác** - Là hệ thống tư tưởng, nguyên tắc chi phối hoạt động sáng tác của nhà văn, do chính nhà văn xác định dựa trên những trải nghiệm đời sống và nghệ thuật của mình. - Quan điểm sáng tác có thể được: + Chính nhà văn phát biểu một cách tường minh. + Độc giả khái quát lên dựa vào sự ổn định trong cách nhà văn lựa chọn đề tài, xác định chủ đề, bày tỏ thái độ trước đối tượng miêu tả và vận dụng các phương thức, phương tiện nghệ thuật - Đối với nhà văn cách mạng, quan điểm sáng tác thường được công bố công khai, gắn với sự lựa chọn một thái độ chính trị dứt khoát, do đặc điểm của thời đại cách mạng quy định. Chẳng hạn: - Quan điểm sáng tác của Nam Cao: + Ông theo quan điểm "nghệ thuật vị nhân sinh" ": "Nghệ thuật không nên là ánh trăng lừa dối, không cần là ánh trăng lừa dối, nghệ thuật chỉ có thể là tiếng đau khổ kia thoát ra từ những kiếp lầm than". + Ông quan niệm: Tác phẩm "phải chứa đựng được một cái gì lớn lao, mạnh mẽ, vừa đau đớn, lại vừa phấn khởi; ca tụng tình yêu, bác ái, công bằng" và "Văn chương không cần đến sự khéo tay, làm theo một cái khuôn mẫu. Văn chương chỉ dung nạp những người biết đào sâu, biết tìm tòi, khơi những nguồn chưa ai khơi và sáng tạo ra cái gì chưa có".

	- Quan điểm của Thạch Lam: Văn chương là một thứ khí giới thanh cao và đắc lực, nó tác động sâu sắc đến tư tưởng, tình cảm của con người. Ông quan niệm: "Đối với tôi văn chương không phải là một cách đem đến cho người đọc sự thoát ly hay sự quên, trái lại văn chương là một thứ khí giới thanh cao và đắc lực mà chúng ta có, để vừa tố cáo và thay đổi một cái thế giới giả dối và tàn ác, làm cho lòng người được thêm trong sạch và phong phú hơn". - Quan điểm của Hồ Chí Minh: + Hồ Chí Minh coi văn học là một vũ khí chiến đấu lợi hại phụng sự cho sự nghiệp cách mạng: mỗi nhà văn là một nhà chiến sĩ. + Hồ Chí Minh luôn chú trọng tính chân thật và tính dân tộc của văn học + Khi cầm bút bao giờ Bác cũng xuất phát từ mục đích, đối tượng tiếp nhận để quyết định nội dung và hình thức của tác phẩm. **3. Đánh giá một tác giả, tác phẩm văn học** Khi đánh giá một tác giả, tác phẩm văn học, cần: + Huy động trải nghiệm, kiến thức nhiều mặt. + Dựa trên những tiêu chuẩn thẩm mĩ, nhân văn, tư tưởng phù hợp. + Đặt đối tượng vào đúng bối cảnh sáng tác.

2.2: Tìm hiểu chung về văn bản

a. Mục tiêu: Giúp HS nhận biết được những nét chung về văn bản: nội dung chính, bố cục,...

b. Nội dung hoạt động: Vận dụng kĩ năng đọc, thu thập thông tin trình bày nội dung đã chuẩn bị về văn bản để thực hiện mục tiêu đề ra.

c. Sản phẩm: Câu trả lời cá nhân tìm hiểu khái quát về văn bản.

d.Tổ chức thực hiện:

TỔ CHỨC THỰC HIỆN	SẢN PHẨM
2.2. Đọc và tìm hiểu chung về văn bản. **2.2.1 Đọc** **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ** GV nêu yêu cầu: - GV hướng dẫn HS cách đọc văn bản: giọng đọc to, rõ ràng, chú ý các mốc thời gian và các trích dẫn về tác phẩm của Hồ Chí Minh - Gọi một vài HS đọc theo từng đoạn/phần và tìm hiểu các chú thích SGK, giải thích các từ khó. **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** - HS đọc VB - GV quan sát, khích lệ HS.	**II. ĐỌC- TÌM HIỂU CHUNG** **1. Đọc,** **2. Xác định bố cục, nội dung chính của văn bản** - Nhan đề của văn bản nêu bật được nội dung chính mà VB đề cập: Những thông tin về tác gia Hồ Chí Minh - Các thông tin trong văn bản thuộc các lĩnh vực lịch sử, nghiên cứu và phê bình văn học… - Bố cục văn bản: Gồm 2 phần: **+ Phần I – Tiểu sử**

Bước 3: Báo cáo sản phẩm: HS trình bày kiến thức đã tiếp nhận được (1-2 HS) **Bước 4: Đánh giá, kết luận** - GV nhận xét, chốt kiến thức **2.2.2 Đọc, xác định bố cục và nội dung chính** **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ** GV nêu yêu cầu: - Làm việc theo nhóm bàn - Đọc lướt văn bản, hoàn thiện PHT 02: **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 03** **Tìm hiểu chung về văn bản** + Dựa vào nhan đề cho biết văn bản đề cập đến vấn đề gì? + Các thông tin trong văn bản được thu thập/lấy từ các lĩnh vực nào? + Văn bản *Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh – Cuộc đời và sự nghiệp* gồm mấy phần, mỗi phần giới thiệu cho người đọc nội dung gì? **Bước 2 + 3. Thực hiện nhiệm vụ** - HS đọc lướt SGK, đọc bảng kiến thức, suy nghĩ - GV gọi 01 HS trình bày, gọi 01 khác nhận xét, bổ sung. **Bước 4. Đánh giá, kết luận** - GV chốt kiến thức, yêu cầu HS kẻ bảng điền thông tin vào vở.	++ Những sự kiện nổi bật, quan trọng trong cuộc đời hoạt động cách mạng của tác gia Hồ chí Minh ++ Đánh giá khái quát về Hồ Chí Minh. **+ Phần II – Sự nghiệp văn học.** ++ Quan điểm sáng tác ++ Thành tựu sáng tác ++ Phong cách nghệ thuật

2.3. Khám phá văn bản

a. Mục tiêu :

- Học sinh nắm được những nét chính về tiểu sử, cuộc đời, sự nghiệp của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

- Thấy được những đóng góp to lớn của Hồ Chí Minh trên phương diện văn hóa, văn học.

- Thấy được mối liên hệ giữa bài học về tác gia với các bài học đọc hiểu văn bản tiếp theo.

b. Nội dung hoạt động: HS làm việc nhóm, báo cáo sản phẩm đã chuẩn bị trước tiết học.

c. Sản phẩm: Câu trả lời cá nhân, PHT.

d.Tổ chức thực hiện:

TỔ CHỨC THỰC HIỆN	SẢN PHẨM

Hình thức; Trao đổi, tọa đàm về ***"NGUYỄN ÁI QUỐC – HỒ CHÍ MINH – CUỘC ĐỜI VÀ SỰ NGHIỆP"*** **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:** (1) Dựa vào văn bản trên, em hãy trình bày những điểm nổi bật về cuộc đời và sự nghiệp của Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh bằng một sơ đồ. (2) Từ nội dung bài học, phân tích và làm sáng tỏ hai điểm sau: a) Sự nghiệp văn học của Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh luôn gắn chặt với sự nghiệp cách mạng của Người b) Đó là một sự nghiệp văn học lớn lao và phong phú. (3) Phong cách nghệ thuật của Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh là một phong cách đa dạng mà thống nhất? (4) Em hiểu như thế nào về nhận xét: "Sự nghiệp văn học của Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh là tài sản tinh thần vô giá đối với dân tộc Việt Nam"? **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** GV chia lớp thành 5 nhóm - 01 MC sẽ được GV hỗ trợ trực tiếp - Nhóm 1 – Nhà sử học: HS hóa thân thành nhà sử học để trình bày những điểm nổi bật về tiểu sử của Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh và nêu cảm xúc, suy nghĩ khi đọc những tri thức về tiểu sử đó. - Nhóm 2 – Nhà nghiên cứu văn hoá 1: được mời tham gia phân tích và làm sáng tỏ vấn đề: Trình bày quan điểm sáng tác của Hồ Chí Minh, Khi nêu công khai quan điểm sáng tác của mình, Hồ Chí Minh muốn hướng tới điều gì? Dựa trên sự suy luận và những kiến thức đã học, hãy cho biết quan điểm sáng tác của Hồ Chí Minh có tác động như thế nào đến xu hướng phát triển của nền văn học cách mạng Việt Nam? - Nhóm 3 – Nhà nghiên cứu văn hoá 2: được mời tham gia phân tích và làm sáng tỏ vấn đề: Vì sao có thể nói Hồ Chí Minh đã để lại cho hậu thế một di sản lớn? Trong di sản văn học đó, bộ phận nào chiếm ưu thế về khối lượng? Em hiểu như thế nào về sự thống nhất giữa sự nghiệp cách mạng và sự nghiệp văn học ở tác gia Hồ Chí Minh?	**III. KHÁM PHÁ VĂN BẢN** **1. Tiểu sử (1890 - 1969)** + Tên thủa nhỏ Nguyễn Sinh Cung, lớn lên lấy tên là Nguyễn Tất Thành, Nguyễn Ái Quốc, Hồ Chí Minh. + Quê hương, gia đình: Làng Sen, Kim Liên, Nam Đàn, Nghệ An. Cha là cụ phó bảng Nguyễn Sinh Sắc, mẹ là cụ Hoàng Thị Loan. + Quá trình đi tìm đường cứu nước ở nước ngoài: từ 1911 đến 1941, Người ở Pháp, Nga, Trung Quốc, Thái Lan, ...Năm 1930, người đã sáng tập ra Đảng cộng sản Việt Nam. + Năm 1941, Người về nước, trực tiếp lãnh đạo phong trào cách mạng, tổ chức lực lượng tổng khởi nghĩa cách mạng tháng Tám thành công, lập ra nước Việt Nam dân chủ cộng hòa (1945); lãnh đạo nhân dân tiến hành hai cuộc khánh chiến chống Pháp và Mỹ. => Hồ Chí Minh là nhà yêu nước và nhà cách mạng vĩ đại của dân tộc Việt Nam. Hồ Chí Minh có uy tín quốc tế rất cao, thường được đánh giá là một trong những nhà cách mạng hay chính khách tạo nên nhiều ảnh hưởng nhất trên thế giới trong thế kỉ XX. Năm 1990, Tổ chức giáo dục, Khoa học và Văn hoá Liên hợp quốc (UNESCO) đã suy tôn Hồ Chí Minh là *Anh hùng giải phóng dân tộc Việt Nam, nhà văn hoá lớn.* **2. Sự nghiệp văn học** **a. Quan điểm sáng tác** - Hồ Chí Minh đòi hỏi mỗi tác phẩm phải trở thành mỗi tác phẩm phải trở thành vũ khí, mang tính chiến đấu cao, đạt hiệu quả thiết thực, dễ tiếp nhận với đại chúng, có thể "soi đường cho quốc dân đi". - Khi cầm bút bao giờ Bác cũng xuất phát từ đối tượng tiếp nhận, xác định sáng rõ mục đích hướng tới; lựa chọn được nội dung phù hợp; từ đó tìm được hình thức truyền tải thông tin, thông điệp có hiệu quả. => Hồ Chí Minh nêu công khai quan điểm sáng tác của mình nhằm hướng tới:

- Nhóm 4 - Nhà nghiên cứu, phê bình văn học: được mời tham gia phân tích và làm sáng tỏ vấn đề: Phong cách nghệ thuật của Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh là một phong cách đa dạng mà thống nhất. + Tổ chức cho HS thảo luận. + GV quan sát, khích lệ HS. **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** + Tổ chức buổi học thành buổi toạ đàm với chủ đề "*Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh – cuộc đời và sự nghiệp*": Nhóm 1 - MC: (1) Chào các bạn! Hôm nay nhóm phóng viên chúng tôi sẽ đưa các bạn đến Làng Sen (Kim Liên, Nam Đàn, Nghệ An), hoặc một khu di tích lịch sử về Người (gắn với địa phương cụ thể) Các bạn có đoán được vì sao chúng tôi có mong muốn dẫn các bạn về nơi này không? - MC: phỏng vấn các bạn trả lời nhanh (Nhóm 5 – Độc giả) - Dự kiến: có lẽ là nơi giúp ta hiểu rõ hơn về Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh, vì nơi đây là.... (gắn với sự kiện lịch sử về Bác như quê hương, nơi Bác ra đi tìm đường cứu nước, nơi Bác hoạt động cách mạng, nơi Bác ghé thăm, ...) - MC: Thuyết minh đôi nét về địa danh được lựa chọn buổi tọa đàm để tạo không khí lịch sử... Tham gia buổi nói chuyện với chúng ta ngày hôm nay còn có những nhà nghiên cứu sử học, nghiên cứu văn hoá, văn học – những người sẽ giúp chúng ta hiểu hơn về cuộc đời và những đóng góp tinh hoa về văn hoá, văn học mà mà Hồ Chí Minh đã để lại cho đời. (2) *Xin ông/bà cho biết, những điểm nổi bật về tiểu sử của Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh Những tri thức về tiểu sử về Hồ Chí Minh trong văn bản đã đem lại cho bạn cảm xúc, suy nghĩ gì?*(Nhóm 1 – Nhà sử học)? (3) Sinh thời, Hồ Chí Minh không tự nhận mình là nhà văn, nhà thơ, nhưng thục tiễn toàn bộ sáng tác thơ văn của Người với hàng trăm tác phẩm ở nhiều thể loại khác nhau. Đó là bằng chứng hùng hồn về một sự nghiệp phong phú và lớn lao. - Xin nhà nghiên cứu văn hóa cho biết: *Tại sao có thể nói sự nghiệp văn học của*	+ Xây dựng một nền văn hoá, văn học mới phục vụ quần chúng lao động và đấu tranh vì những mục tiêu cao cả của cách mạng. + Trong bối cảnh lịch sử đặc biệt của lịch sử, việc ưu tiên "đưa nghệ thuật vào chính trị" đã cho thấy sự toàn tâm, toàn ý của Hồ Chí Minh đối với sự nghiệp cách mạng và giải phóng dân tộc. - Quan điểm sáng tác của Hồ Chí Minh có tác động đến xu hướng phát triển của nền văn học cách mạng Việt Nam: + Quan điểm sáng tác của Hồ Chí Minh vừa có ý nghĩa soi tỏ bản chất cách mạng của những tác phẩm được Người viết ra, vừa có ý nghĩa định hướng phát triển cho cả một nền văn học phục vụ sự nghiệp xây dựng xã hội mới. + Tạo nên nền tảng tư tưởng - nhận thức vững chắc cho toàn bộ sáng tác hướng về cách mạng. **b. Thành tựu sáng tác** **- Di sản văn học lớn lao và phong phú** **+ Văn chính luận:** gồm những tác phẩm chủ yếu nhằm mục đích đấu tranh chính trị, tiến công kẻ thù, thức tỉnh và giác ngộ quần chúng và thể hiện những nhiệm vụ cách mạng của dân tộc qua những chặng đường lịch sử... Các tác phẩm tiêu biểu: *Bản án chế độ thực dân Pháp (1925), Tuyên ngôn độc lập (1945), Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến (1946), Không có gì quý hơn độc lập, tự do (1966) ...* **+ Truyện và kí:** nhằm vạch trần bộ mặt, tàn ác, xảo trá, bịp bợm của chính quyền thực dân; châm biếm một cách thâm thuý, sâu cay bọn vua quan phong kiến ôm chân thực dân; bộc lộ lòng yêu nước nồng nàn và tinh thần tự hào về truyền thống bất khuất của dân tộc. **Các tác phẩm tiêu biểu:** *Pa-ri (1922), Lời than vãn của bà Trưng Trắc (1922), Con người biết mùi hun khói (1922), Vi hành (1923), Nhật kí chìm tàu (1931)...* **+ Thơ ca:** "*Nhật kí trong tù*" tái hiện bộ mặt tàn bạo của nhà tù Quốc dân Đảng- một phần hình ảnh xã hội Trung Quốc,thể hiện bức chân dung tinh thần tự hoạ của Hồ Chí Minh - một bậc "đại nhân, đại trí, đại dũng". Những bài thơ làm ở Việt Bắc (từ

Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh luôn gắn chặt với sự nghiệp cách mạng của Người. *- Và cơ sở nào để chúng ta có thể khẳng định sự nghiệp văn học của Hồ Chí Minh là một sự nghiệp văn học lớn lao và phong phú.* (Nhóm 2,3 – Nhà văn hóa) (4) Thưa ông/bà, Hồ Chí Minh nêu công khai quan điểm sáng tác của mình trong nhiều bài phát biểu, nói chuyện và trong các tác phẩm văn, thơ cụ thể. *Xin ông/bà hãy giúp các vị độc giả biết thêm về quan điểm sáng tác của Hồ Chí Minh. Theo ông/bà, quan điểm sáng tác của Hồ Chí Minh có tác động như thế nào đến xu hướng phát triển của nền văn học cách mạng Việt Nam?* (Nhóm 4 – Nhà phê bình văn học) (5) Thưa ông/ bà, tôi được biết ông/bà đã dày công nghiên cứu về thơ văn Hồ Chí Minh và đã có rất nhiều công trình nghiên cứu về sự nghiệp văn học của Người. Vậy xin ông /bà cho biết, *vì sao có thể nói: Phong cách nghệ thuật của Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh là một phong cách đa dạng mà thống nhất* (Nhóm 4 – Nhà phê bình văn học) (6) *Bạn hiểu như thế nào về nhận xét: "Sự nghiệp văn học của Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh là tài sản tinh thần vô giá đối với dân tộc Việt Nam"?* (Nhóm 5 - Độc giả) Dự kiến: HS trả lời theo suy nghĩ cá nhân. **Bước 4: Đánh giá, kết luận:** GV tổng hợp ý kiến, chuẩn kiến thức (trình chiếu dự kiến sản phẩm)	1941- 1945), trong thời kì khẳng chiến chống Pháp, chống Mỹ thể hiện một tài thơ lớn, một tâm hồn nghệ sĩ phong phú, tinh tế trước vẻ đẹp cảu tạo vật, tình người. => Trong di sản văn học Hồ chí Minh, bộ phận văn chính luận chiếm ưu thế về số lượng. Điều này cho thấy hoạt động sáng tác của Hồ Chí Minh luôn nhằm tới mục đích phục vụ công cuộc cách mạng, đáp ứng những nhu cầu bức thiết của đời sống. => Sự thống nhất giữa sự nghiệp cách mạng và sự nghiệp văn học: + Sự nghiệp cách mạng và sự nghiệp văn học của Hồ Chí Minh không tách rời nhau. Đây là hiện tượng "hai trong một". + Hồ Chí Minh sáng tác văn học để phục vụ cho hoạt động cách mạng; có thể xem sáng tác văn học cũng là một nội dung hoạt động cách mạng cụ thể. + Sự nghiệp cách mạng của Hồ Chí Minh rất vĩ đại và do vậy, sự nghiệp văn học cũng đạt được một tầm vóc lớn tương xứng, xét từ đặc điểm loại hình của nó. + Cuộc đời hoạt động cách mạng phong phú của Hồ Chí Minh đã cung cấp chất lượng dồi dào cho những sáng tác của Người, khiến những sáng tác đó cũng có được sự đa dạng, hấp dẫn đặc biệt. **c. Phong cách nghệ thuật** **- Độc đáo, đa dạng:** mỗi thể loại văn học, Người đều có cách riêng, độc đáo, hấp dẫn: + ***Văn chính luận:*** Ngắn gọn, súc tích, luôn đạt sức thuyết phục cao. ++ Khi hướng về kẻ thù cách mạng: lập luận đanh thép, lí lẽ sắc bén, những chứng cứ không thể chối cãi, mang tinh thần duy kí, tư duy khoa học rất rõ. ++ Khi hướng về đồng bào, đồng chí: giọng điệu chân thành, thân mật, ở sự hoà quyện giữa lí và tình. + ***Truyện và kí:*** Mang tính hiện đại, thể hiện tính chiến đấu mạnh mẽ, nghệ thuật trào phúng vừa sắc bén, thâm thuý của phương Đông, vừa hài hước hóm hỉnh của phương Tây. + ***Thơ ca:*** Những bài thơ nhằm mục đích tuyên truyền có lời lẽ giản dị, mộc mạc, mang màu sắc dân gian hiện đại, vừa dễ nhớ vừa dễ thuộc, vừa có sức tác động trực

	tiếp vào tình cảm người đọc, người nghe. Những bài thơ viết theo cảm hứng nghệ thuật lại hàm súc, có sự hoà hợp độc đáo giữa bút pháp cổ điển và bút pháp hiện đại, giàu chất trữ tình và tính chiến đấu. **- Thống nhất:** + Nội dung: tập trung vào đề tài "chống thực dân đế quốc, chống phong kiến đại chủ, tuyên truyền cho độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội"; trong nội dung, tư tưởng thấm nhuần tình cảm yêu nước, tinh thần dân chủ và lập trường dân tộc; + Hình thức: lối viết ngắn gọn, trong sáng, giản dị đi đôi với sự sáng tạo linh hoạt, luôn có sự kết hợp tự nhiên, hài hòa giữa phong vị cổ điển và tính hiện đại. => Sự thống nhất cao độ trong phong cách nghệ thuật Hồ Chí Minh lại phản ánh sự thống nhất toàn vẹn ở con người tác giả như một hình mẫu nhân cách đặc biệt, kết tinh được nhiều giá trị đẹp đẽ của dân tộc và nhân loại, của truyền thống và hiện đại.

2.4. Tổng kết

a. Mục đích: HS nắm được nội dung và nghệ thuật văn bản.

b. Nội dung: HS đọc SGK và hoàn thành nhiệm vụ GV giao

c. Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

d. Tổ chức thực hiện:

TỔ CHỨC THỰC HIỆN	SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: - GV nêu yêu cầu: Trong vòng một phút, hãy làm việc cặp đôi và ghi lại những nét đặc sắc nhất về nội dung; nghệ thuật của bài viết và trình bày trong 1 phút. **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** - HS thực hiện theo cặp đôi. Ghi lại những nét đặc sắc về nội dung, nghệ thuật - GV hướng theo dõi, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn). **Bước 3: Báo cáo, thảo luận.** - Đại diện cặp đôi trình bày trong 1 phút. - Các cặp đôi khác nhận xét, bổ sung. **Bước 4: Đánh giá, kết luận** GV nhận xét, chốt kiến thức.	**IV. TỔNG KẾT** **1. Về nội dung:** + Giới thiệu về Chủ tịch Hồ Chí Minh, người anh hùng của dân tộc, anh nhân văn hóa kiệt xuất, nhà văn hóa, nhà thơ nổi tiếng của đất nước. + Sự nghiệp văn học của Chủ tịch Hồ Chí Minh là tài sản tinh thần của vĩ lãnh tụ vĩ đại, của nhân dân Việt Nam, không chỉ có giá trị nghệ thuật mà còn có giá trị lịch sử, văn hóa, chính trị, ... **2. Về nghệ thuật:** + Luận đề, luận điểm rõ ràng; chứng cứ phong phú, thuyết phục. + Văn bản kết hợp thuyết minh (phần I) và nghị luận (phần II).

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: HS hiểu được kiến thức trong bài học để thực hiện bài tập GV giao.

b. Nội dung: Vẽ sơ đồ tư duy bài học

c. Sản phẩm: Sơ đồ tư duy HS vẽ.

d. Tổ chức thực hiện:

TỔ CHỨC THỰC HIỆN	SẢN PHẨM
Bước 1: GV giao nhiệm vụ: **Yêu cầu**: Hãy nêu dàn ý cho bài thuyết trình về cuộc đời và sự nghiệp văn học của Chủ tịch Hồ Chí Minh nếu em được chuẩn bị cho buổi sinh hoạt câu lạc bộ văn học. **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS thảo luận theo nhóm/ bàn **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** Các nhóm treo sản phẩm học tập lên bảng. **Bước 4: Kết luận, nhận định** GV nhận xét, cho điểm các nhóm	**V. LUYỆN TẬP** Dàn ý cho bài thuyết trình về cuộc đời và sự nghiệp văn học của Chủ tịch Hồ Chí Minh: 1. Cuộc đời a) Cuộc đời của một anh hùng dân tộc b) Danh nhân văn hóa kiệt xuất 2. Sự nghiệp thơ văn a) Một sự nghiệp thơ văn lớn lao và phong phú. b) Một phong cách nghệ thuật đa dạng mà thống nhất.

4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS biết kết nối với cuộc sống, tích lũy được kinh nghiệm sống cho bản thân; biết bộc lộ quan điểm, suy nghĩ, cảm xúc của bản thân.

b. Nội dung: Thực hiện bài tập vận dụng.

c. Sản phẩm: Bày tỏ quan điểm suy nghĩ của bản thân

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV nêu yêu cầu: Là đoàn viên, thanh niên, em thấy mình cần phải làm gì để học tập theo tấm gương đạo đức của Hồ Chí Minh. Viết đoạn văn 10-15 dòng bày tỏ quan điểm của em về vấn đề đó.

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

- HS đọc, cảm nhận, suy nghĩ để trả lời

Bước 3. Báo cáo, thảo luận

- GV gọi từ 2-3 HS chia sẻ cảm nhận, suy nghĩ của bản thân

Bước 4. Kết luận, nhận định

- GV nêu nhận xét về phần làm việc của cá nhân HS, những điều HS chia sẻ.
- GV định hướng câu trả lời:

Muốn thực hiện được vai trò của mình, mỗi thanh niên cần cố gắng thực hiện tốt những điều sau:

- Phải sống phải có lý tưởng, có mục tiêu phấn đấu, hoàn thành mục tiêu của bản thân là tiền đề cho việc hoàn thành mục tiêu lớn của đất nước.
- Phải đặt quyền lợi của Đảng, của Tổ quốc lên trên hết và trước hết. Chủ tịch Hồ Chí Minh đề ra nguyên tắc: Lợi ích cá nhân nhất định phải phục tùng lợi ích của Đảng. Lợi ích của mỗi bộ phận nhất định phải phục tùng lợi ích của toàn thể. Lợi ích tạm thời nhất định phải phục tùng lợi ích lâu dài.

- Phải có đạo đức cách mạng. Người đoàn viên, thanh niên phải luôn cố gắng hoàn thành tốt, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ của mình được giao, khi gặp thắng lợi thì không kiêu căng, chủ quan, tự mãn; khi gặp khó khăn, gian khổ, trở ngại thì không hoang mang, dao động.
- Phải góp phần tổ chức thực hiện tốt đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước và các đoàn thể nhân dân.
- Phải luôn luôn học tập để nâng cao trình độ về mọi mặt, học nữa và học mãi,…đó là những điều mà Hồ Chí Minh đã luôn thực hiện trong cuộc sống của chính bản thân mình và là tấm gương giáo dục, rèn luyện cho mỗi đoàn viên, thanh niên.

Rubric đánh giá đoạn văn

Tiêu chí	**Mô tả tiêu chí**	**Điểm**
Hình thức	- Đảm bảo hình thức và dung lượng của đoạn văn (khoảng 10-15 dòng)	**0,5**
Nội dung	Trình bày được những điều cần phải làm gì để học tập theo tấm gương đạo đức của Hồ Chí Minh.	
	Giới thiệu vấn đề	**1**
	Trình bày cụ thể về những việc cần làm để học tập theo tấm gương đạo đức của Hồ Chí Minh	**6**
	Khẳng định, khái quát vấn đề	**1**
Chính tả, ngữ pháp	Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.	**0,5**
Sáng tạo	Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề; có cách diễn đạt mới mẻ, phối hợp các phương thức biểu đạt,...	**1,0**

HƯỚNG DẪN HỌC Ở NHÀ:

- Vẽ sơ đồ tư duy về các đơn vị kiến thức của bài học.
- **Chuẩn bị bài:** Văn bản 2. *Tuyên ngôn độc lập* (Hồ Chí Minh)

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Sách giáo khoa, SGV Ngữ văn 12 Kết nối tri thức với cuộc sống, tập 2
- Nội dung công văn 5512/BGD-ĐT.
- Nội dung modul 1,2,3,9 được tập huấn.
- Một số tài liệu, hình ảnh trên mạng internet.

RÚT KINH NGHIỆM

……
……
……
……
….

Ngày soạn:
Ngầy dạy:

Tiết:56,57

VĂN BẢN 2: TUYÊN NGÔN ĐỘC LẬP

- Hồ Chí Minh-

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

1. Năng lực

*Năng lực chung: NL tự chủ và tự học; NL giải quyết vấn đề và sáng tạo; NL giao tiếp và hợp tác,...
*Năng lực đặc thù: *Năng lực ngôn ngữ (*đọc – viết – nói và nghe*); năng lực văn học.* **HS biết đọc hiểu văn bản nghị luận:**
- Vận dụng được những hiểu biết về tác gia Hồ Chí Minh để đọc hiểu văn bản *Tuyên ngôn Độc lập*.
- Chỉ ra và phân tích được cách tác giả sử dụng các thao tác lập luận trong văn bản nghị luận để đạt được mục đích.
- Phân tích được các biện pháp tu từ, từ ngữ, câu khẳng định, phủ định trong văn bản nghị luận và đánh giá được hiệu quả của các hình thức này; nhận biết và phân tích được vai trò của cách lập luận và ngôn ngữ biểu cảm trong văn bản nghị luận.
- Đánh giá được giá trị lịch sử to lớn của *Tuyên ngôn Độc lập*.
- Vận dụng được những kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết nhiệm vụ trong thực tiễn.
2. Phẩm chất: Biết trân trọng, bảo vệ và giữ gìn độc lập của Tổ quốc; phát huy trách nhiệm của công dân trẻ đối với cộng đồng.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Học liệu: Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập
2. Thiết bị:
- Tivi có mạng internet, kết nối với máy tính của GV
– Giấy A0 để HS trình bày kết quả thảo luận nhóm và mẫu PHT.

III. TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu:
- Kết nối tri thức cũ.
- Tạo hứng thú.
- Tạo ra mâu thuẫn nhận thức.
b. Nội dung hoạt động: Nghe bài hát và thực hiện yêu cầu của GV.
c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.
d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

TỔ CHỨC THỰC HIỆN	SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ **Cách 1:** Gv yêu cầu HS hoàn thiện sản phẩm sưu tầm những tư liệu về sự kiện Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc bản Tuyên ngôn Độc lập (đã thực hiện ở nhà), chuẩn bị chia sẻ trước lớp. **Cách 2:** GV nêu yêu cầu: Xem video và cho biết nội dung chính của video là gì? Chia sẻ cảm xúc của em khi xem vi deo trên. https://youtu.be/Hd_r8W19WWI?si=ssql7GqlsTjAewdN **Bước 2 + 3: Thực hiện nhiệm vụ và báo cáo** - HS xem sản phẩm sưu tầm về sự kiện Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc bản Tuyên ngôn Độc lập/ video, đưa ra câu trả lời. **Bước 4: Đánh giá, kết luận** - GV nhận xét, đưa ra câu trả lời: Video/ tư liệu đã cho chúng ta được sống trong không khí xúc động, tự hào khi Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc bản Tuyên ngôn độc lập, chính thức tuyên bố về quyền độc lập của dân tộc ta. Đó là thời khắc thiêng liêng của lịch sử dân tộc, đánh dấu sự sụp đổ	- Câu trả lời của HS

của chế độ phong kiến tồn tại hàng ngàn năm, chấm dứt hơn tám mươi năm đô hộ của thực dân Pháp, mở ra cho dân tộc ta một trang sử mới. Đó là sự ra đời của nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa. Tuyên ngôn độc lập của Hồ Chí Minh là một áng văn chính luận bất hủ. Chúng ta cùng tìm hiểu VB để cảm nhận giá trị của văn bản *Tuyên ngôn độc lập*.	

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

a. Mục tiêu:

- Nắm được những nét chung về văn bản *Tuyên ngôn độc lập*
- Biết đọc thể loại nghị luận qua văn bản *Tuyên ngôn độc lập*

b. Nội dung hoạt động: HS chuẩn bị trước ở nhà, thảo luận cặp đôi để tìm hiểu kiến thức chung về văn bản

c. Sản phẩm: Phiếu học tập.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

2.1. Đọc và tìm hiểu chung

TỔ CHỨC THỰC HIỆN	SẢN PHẨM
NV1: Hướng dẫn HS đọc văn bản **HOẠT ĐỘNG CÁ NHÂN** **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**: (1) **Đọc:** Khi đọc cần chú ý giọng đọc: to, rõ ràng, hùng hồn, đanh thép, xúc động, nhấn mạnh từ ngữ lặp đi lặp lại, Trong khi đọc: chú ý các trích dẫn, cách lập luận của tác giả, .. - GV đọc mẫu, gọi một số HS đọc - GV có thể cho HS đọc VB ở nhà và kiểm tra thông qua các nội dung được nêu ở cột bên phải của VB. (2) Chú ý đọc từ khó ở chân trang: - *Hội nghị tê-hê-răng* - *Hội nghị Cựu Kim Sơn* **Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ.** - HS đọc VB, theo dõi quá trình đọc, trao đổi theo từ khó để hiểu nghĩa của từ **Bước 3. Nhận xét sản phẩm, bổ sung.** - HS khác nghe, nhận xét	**I. ĐỌC- TÌM HIỂU CHUNG** **1. Đọc, tìm hiểu từ khó**

<table>
<tr>
<td>
Bước 4. Chuẩn kiến thức.

NV2: Tìm hiểu chung về văn bản

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ
Hướng dẫn HS hoạt động nhóm đôi
Nhóm :
HS thực hiện phiếu học tập số 01
<table>
<tr><th>Yêu cầu</th><th>Trả lời</th></tr>
<tr><td>a. Trình bày hoàn cảnh ra đời của văn bản Tuyên ngôn độc lập.</td><td>.....</td></tr>
<tr><td>b. Xác định thể loại của văn bản.</td><td>.....</td></tr>
</table>
Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ: trao đổi với bạn về kiến thức chung về VB.

Bước 3. Nhận xét sản phẩm, bổ sung.
- HS báo cáo kết quả;
- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4. Chuẩn kiến thức. GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức.

GV bổ sung thêm (nếu cần)
</td>
<td>
2. Tìm hiểu chung về văn bản

a. Hoàn cảnh ra đời

- Sau chiến thắng của quân Đồng minh (1945), Nhật đầu hàng, quân đội Quốc dân đảng Trung Quốc (đằng sau là thế lực Mỹ) tiến vào miền Bắc, quân đội Anh (đằng sau là lính viễn chinh Pháp) tiến vào miền Nam nước ta. Thực dân Pháp tuyên bố, Đông Dương là đất “bảo hộ” của Pháp bị Nhật xâm chiếm, nay Nhật đầu hàng đồng minh, Pháp lại đứng về phe Đồng minh chống phát xít, vậy Đông Dương đương nhiên là của Pháp.

- Tuyên ngôn độc lập được Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc ở quảng trường Ba Đình, Hà Nội vào ngày 2 tháng 9 năm 1945, trước quốc dân đồng bào, nhằm bác bỏ dứt khoát luận điệu của người Pháp.

b Thể loại: văn bản nghị luận (chính luận)
</td>
</tr>
</table>

2.2. Khám phá văn bản

TỔ CHỨC THỰC HIỆN	SẢN PHẨM
Thao tác 1. Đọc, xác định mục đích, nội dung chính **HOẠT ĐỘNG NHÓM ĐÔI** **Bước 1:** GV giao nhiệm vụ: Tiếp tục làm việc cặp đôi, đọc văn bản và hoàn thiện bảng kiến thức sau	**II. KHÁM PHÁ VĂN BẢN** **1. Mục đích, nội dung chính của văn bản** *** Mục đích của văn bản *Tuyên ngôn độc lập*:** Tuyên bố với thế giới về độc lập dân tộc và lòng quyết tâm giữ vững nền độc lập: *“Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thật đã trở thành một nước tự do và độc lập. Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mệnh và của cải để giữ vững quyền tự do, độc lập ấy”* *** Đối tượng hướng tới:**

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 02

TÌM HIỂU BỐ CỤC, MỤC ĐÍCH, ĐỐI TƯỢNG HƯỚNG TỚI CỦA VB

Yêu cầu:

1. Mục đích của văn bản *Tuyên ngôn độc lập là* gì và hướng tới những đối tượng nào?

2. Xác định bố cục và mạch lập luận của văn bản Tuyên ngôn độc lập

Trả lời:

Mục đích văn bản:..... Đối tượng hướng tới:.....	
Phần	Nội dung
.....	.....
.....	.....
.....	.....

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS thực hiện nhiệm vụ theo cặp

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- GV gọi 3 HS đại diện cho 3 cặp đọc và thực hiện các yêu cầu
- HS dưới lớp hoàn thiện bảng vào vở

Bước 4: Đánh giá, kết luận

- GV nhận xét, chốt kiến thức

- Toàn thể nhân dân Việt Nam
- Nhân dân thế giới
- Đặc biệt là các nước thuộc phe Đồng minh chống phát xít, nói tới các thế lực thực dân đế quốc không muốn thừa nhận quyền độc lập của nước Việt Nam và đang âm mưu hỗ trợ thực dân Pháp quay lại "chiếm nước ta lần nữa".

*** Bố cục văn bản: 3 phần**

Phần	Nội dung
(1) Từ đầu đến "*không thể chối cãi được*"	Trích dẫn một số luận điểm then chốt về quyền con người từ hai bản tuyên ngôn quan trọng bậc nhất trong lịch sử thế giới cận đại để làm chỗ dựa pháp lí cho bản *Tuyên ngôn độc lập* của nước Việt Nam mới.
(2) Từ *"Thế mà hơn 80 năm nay"* đến *"tự tay Pháp"*	Tố cáo những hành động tội ác của thực dân Pháp đối với nhân dân và đất nước Việt Nam; vạch trần vai trò tệ hại của thực dân Pháp trong việc "bảo hộ" đất nước Việt Nam
(3) Còn lại	Tuyên bố thoát li hẳn quan hệ thực dân với Pháp và kêu gọi thế giới công nhận quyền độc lập của nước Việt Nam; tuyên bố quyền hưởng tự do, độc lập của nhân dân, đất nước Việt Nam và thể hiện ý chí của toàn dân tộc quyết tâm bảo vệ quyền tự do, độc lập vừa giành được.

Thao tác 2. Đọc, xác định luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng của *Tuyên ngôn độc lập*

HOẠT ĐỘNG NHÓM BÀN

***NV2:* Tìm hiểu về bố cục và luận điểm**

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- HS thảo luận cặp đôi, thời gian 5 phút câu hỏi sau:

- *Xác định luận đề, luận điểm, lí lẽ, bằng chứng của VB. Vẽ sơ đồ thể hiện mối quan hệ giữa luận đề, luận điểm trong VB.*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

Bước 2: thực hiện nhiệm vụ

- HS thực hiện nhiệm vụ.

Bước 3: Báo cáo kết quả

- HS báo cáo kết quả;

- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Đánh giá kết quả

- GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức .

Tham khảo sơ đồ về luận đề, luận điểm của VB.

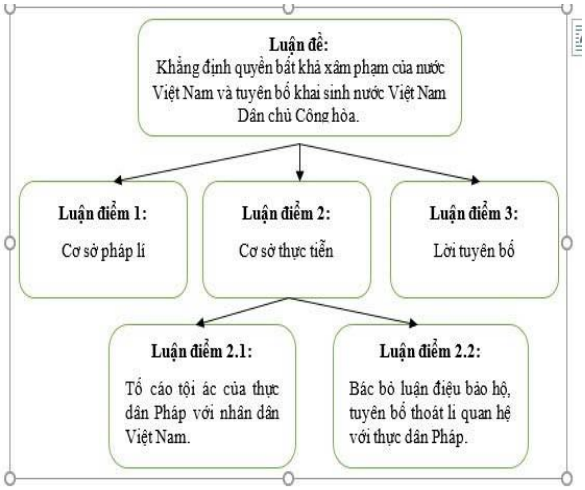

2. Luận đề, luận điểm và lí lẽ, bằng chứng của văn bản

- Luận đề: Khẳng định quyền bất khả xâm phạm của nước Việt Nam và tuyên bố khai sinh nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

- Luận điểm:

+ Luận điểm 1: Cơ sở pháp lí

+ Luận điểm 2: Cơ sở thực tiễn:

+ + Tố cáo tội ác của thực dân Pháp với nhân dân Việt Nam .

+ + Bác bỏ luận điệu bảo hộ, tuyên bố thoát li quan hệ với Pháp.

+ Luận điểm 3: Lời tuyên bố quyền độc lập dân tộc và lòng quyết tâm giữ vững nền độc lập dân tộc; kêu gọi thế giới công nhận quyền độc lập của Việt Nam

*** Lí lẽ và bằng chứng**

Lí lẽ	Bằng chứng
1- Tất cả các dân tộc trên thế giới đều có quyền bình đẳng, quyền sống, quyền tự do	- Trích bản tuyên ngôn độc lập của nước Mỹ năm 1776 - Trích bản tuyên ngôn Nhân quyền của Pháp năm 1791
1- Suốt 80 năm, thực dân Pháp đã tước quyền độc lập, tự do của dân tộc Viên Nam trên mọi phương diện 2- Từ mùa thu năm 40, nước ta đã thành thuộc địa của Nhật. Chúng ta lấy lại nước Việt Nam từ tay Nhật chứ không phải từ Pháp 3. Dân tộc ta phải được tự do, độc lập	- Chúng thi hành luật dã man, lập nhiều nhà tù, ... - Chúng bóc lột tận xương tủy nhân dân... Từ Quảng Trị đến Bắc Kì hơn triệu đồng bào ta bị chết đói - Trong năm năm chúng bán nước ta hai lần cho Nhật,... - Chúng thẳng tay khủng bố Việt Minh, giết tù chính trị, ... - Pháp chạy, Nhật hàng, ...
Việt Nam có quyền hưởng tự do, độc lập và quyết giữ cho được nền độc lập đó.	

Thao tác 2. Đọc, phân tích đặc sắc nghệ thuật của văn bản *Tuyên ngôn độc lập*

HOẠT ĐỘNG NHÓM LỚN

GV hướng dẫn HS làm việc theo nhóm

- Nhóm 1: *Thực hiện PHT số 03* – Tìm hiểu nghệ thuật lập luận trong phần cơ sở pháp lí của Tuyên ngôn độc lập
- Nhóm 2: PHT số 04:- Tìm hiểu nghệ thuật lập luận và ngôn ngữ biểu cảm trong phần cơ sở thực tiễn của *Tuyên ngôn độc lập*
- Nhóm 3: PHT số 05: Tìm hiểu đặc sắc trong cách dùng từ ngữ, câu văn trong phần cơ sở thực tiễn của *Tuyên ngôn độc lập*
- Nhóm 4: PHT số 06: Tìm hiểu nghệ thuật lập luận và ngôn ngữ biểu cảm trong phần lời tuyên bố của *Tuyên ngôn độc lập*

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

GV chia lớp thành 4 nhóm, giao nhiệm vụ cho các nhóm.

Nhóm 1: PHT số 03:

Tìm hiểu nghệ thuật lập luận trong phần cơ sở pháp lí của *Tuyên ngôn độc lập*

1. Việc trích dẫn hai bản tuyên ngôn của Mỹ và Pháp có tác dụng gì đối với các đối tượng mà *Tuyên ngôn Độc lập* hướng tới?
2. Từ đó, nhận xét về thủ pháp nghệ thuật được sử dụng để tạo sức thuyết phục cho phần cơ sở pháp lí.
3. Chỉ ra và nhận xét về tác dụng của các thao tác nghị luận được sử dụng trong phần cơ sở pháp lí và tác dụng của việc sử dụng kết hợp các thao tác nghị luận này.

Nhóm 2: PHT số 04:

Tìm hiểu nghệ thuật lập luận và ngôn ngữ biểu cảm trong phần cơ sở thực tiễn của *Tuyên ngôn độc lập*

Yêu cầu: Đọc lại phần từ "*Thế mà hơn 80 năm nay*" cho đến "*Dân tộc đó phải được độc lập!*" và cho biết:

- Tác giả đã dùng những lí lẽ, bằng chứng nào để bác bỏ luận điểm "khai hoá, bảo hộ" của Pháp và khẳng định

3. Đặc sắc nghệ thuật của văn bản *Tuyên ngôn độc lập*

a. Nghệ thuật lập luận trong phần cơ sở pháp lí của *Tuyên ngôn độc lập*

- Tác dụng của việc trích dẫn hai bản tuyên ngôn của Mỹ và Pháp:

+ Hai bản tuyên ngôn: khẳng định quyền sống, quyền tự do.

+ Khẳng định nguyên lí chung về quyền độc lập, tự do và hạnh phúc của tất cả mọi người, mọi dân tộc trên thế giới. Đây là cơ sở pháp lí quan trọng làm tiền đề cho những lập luận ở phần sau.

+ Đặt ngang hàng ba bản tuyên ngôn, gián tiếp thể hiện niềm tự hào, sự tự tôn của dân tộc.

- Sử dụng thủ pháp: "gậy ông đập lưng ông", tố cáo thực dân Pháp và đế quốc Mỹ đang phản bội lại những tuyên ngôn tốt đẹp mà cha ông họ đã lập ra.

-Tác giả Hồ Chí Minh đã kết hợp các thao tác nghị luận:

+ **Giải thích:** Giải thích ý nghĩa Tuyên ngôn Độc lập của Mỹ: *"Suy rộng ra, câu ấy có nghĩa là: tất cả dân tộc trên thế giới đều sinh ra bình bằng, dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do".*

+ **Chứng minh:** Trích dẫn nguyên văn hai bản tuyên ngôn của nước Mỹ và Cách mạng Pháp.

+ **Bình luận:** *"Đó là những lí lẽ không ai chối cãi được".*

->Tác dụng: Khẳng định cơ sở pháp lí làm nền tảng cho các lập luận và lời tuyên bố. Đây là điểm tựa vững chắc để các luận điểm sau được phát triển một cách thuyết phục và đa dạng, qua đó làm sáng tỏ luận đề và thực hiện mục đích của toàn VB (khẳng định quyền tự do, độc lập bất khả xâm phạm của nước).

b. Nghệ thuật lập luận và ngôn ngữ biểu cảm trong phần cơ sở thực tiễn và lời tuyên gọi

*** Nghệ thuật lập luận và ngôn ngữ biểu cảm trong phần cơ sở thực tiễn của *Tuyên ngôn độc lập***

- Nghệ thuật lập luận của tác giả Hồ Chí Minh: Cách lập luận để bác bỏ luận điệu "bảo hộ, khai hoá" của thực dân Pháp và quyền độc lập, tự do của dân tộc Việt Nam:

quyền tự do, độc lập của nước Việt Nam?
- Nhận xét về cách lựa chọn, sắp xếp, triển khai các lí lẽ, bằng chứng ấy.

Luận điệu của thực dân Pháp	**Lập luận bác bỏ của tác giả Hồ Chí Minh**	**Nhận xét**
.....	.....	.....
.....	.....	.....

Nhóm 3: PHT số 05:
Tìm hiểu đặc sắc trong cách dùng từ ngữ, câu văn trong phần cơ sở thực tiễn của *Tuyên ngôn độc lập*

Yêu cầu: Đọc lại phần từ "*Thế mà hơn 80 năm nay*" cho đến "*Dân tộc đó phải được độc lập!*" và cho biết:
Xác định và phân tích tác dụng một số nét đặc sắc về biện pháp tu từ, từ ngữ, sự kết hợp giữa câu khẳng định, phủ định trong phần này.

Phương diện	*Biểu hiện trong văn bản*	*Tác dụng*
Từ ngữ	.....	.....
Biện pháp tu từ	.....	.....
Câu khẳng định, phủ định	.....	.....

Nhóm 4: PHT số 06:
Tìm hiểu nghệ thuật lập luận và ngôn ngữ biểu cảm trong phần lời tuyên bố của *Tuyên ngôn độc lập*

1. Ở phần 3 của VB, tác giả đại diện cho ai, và đã tuyên bố điều gì?
2. Lời tuyên bố ở cuối VB đã đạt được các điều kiện khách quan, chủ quan gì

Luận điệu của thực dân Pháp	**Lập luận bác bỏ của tác giả Hồ Chí Minh**	**Nhận xét**
Đông Dương là thuộc địa của Pháp, Pháp có công "bảo hộ" Đông Dương.	Pháp không có công bảo hộ, mà trái lại, đã gây ra nhiều tội ác "trái hẳn với nhân đạo và chính nghĩa".	- Nêu được tội ác trên nhiều phương diện: về chính trị, về kinh tế – xã hội, soi chiếu cả trên phương diện lương tâm và đạo đức. - Bằng chứng xác thực. - Ngôn ngữ, giọng điệu đanh thép, giàu tính biểu cảm (phép điệp, phép liệt kê, cách diễn đạt giàu hình ảnh).
Nay Nhật đã đầu hàng, Đông Dương nghiễm nhiên thuộc quyền bảo hộ của người Pháp.	- Thực dân Pháp đã "dã man hai lần bán nước ta cho Nhật". – Thực dân Pháp không đáp lại lời kêu gọi chống Nhật của Việt Minh, thẳng tay khủng bố Việt Minh, tức là đã phản bội quân Đồng minh, về phe Nhật. – Dân ta lấy lại nước Việt Nam từ tay Nhật, chứ không phải từ tay Pháp, nên không còn là	- Nêu lí lẽ trên nhiều phương diện, phân tích xác đáng cục diện chính trị đương thời. - Bằng chứng xác đáng, thuyết phục, với những mốc thời gian, sự kiện cụ thể, xác thực. - Cách sắp xếp hợp lí, vừa theo trình tự thời gian vừa theo tính chất quan trọng của vấn đề. – Đã đưa ra được những

để thế giới công nhận quyền độc lập, tự do của dân tộc Việt Nam? 3. Chi ra và nhận xét về tác dụng của ngôn ngữ biểu cảm (từ ngữ, kiểu câu khẳng định,…) trong việc thể hiện giọng điệu và nội dung của lời tuyên bố **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** HS trao đổi, thực hiện nhiệm vụ GV quan sát, khích lệ HS **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** GV gọi đại diện các nhóm trình bày Các nhóm khác nhận xét, bổ sung **Bước 4: Đánh giá, kết luận** GV nhận xét, chốt kiến thức		thuộc địa của Pháp nữa. – Vua Bảo Đại thoái vị, dân ta đã thoát khỏi ách xiềng xích của thực dân, chế độ quân chủ, thành lập Lâm thời Chính phủ mới, nên có quyền tuyên bố cách li và vô hiệu hoá các thoả thuận mà nhà Nguyễn đã kí với Pháp.	nguyên tắc dân tộc bình đẳng được Liên hợp quốc công nhận để làm sáng tỏ các lập luận của mình, kêu gọi cộng đồng quốc tế công nhận quyền độc lập của dân tộc Việt Nam. - Ngôn ngữ, giọng điệu đanh thép, hùng hồn.

- Đặc sắc trong cách dùng từ ngữ, câu văn trong phần cơ sở thực tiễn của *Tuyên ngôn độc lập*

+ **Các từ ngữ**: thuần Việt, trong sáng, dễ hiểu:

+ +Từ để gọi thực dân Pháp (*"bọn thực dân Pháp", "chúng"*);

+ + Từ ngữ để gọi nhân dân Việt Nam (*"đồng bào ta", "nhân dân ta", "những người yêu nước thương nòi của ta", "dân ta", "các nhà tư sản ta",…).*

+ **Biện pháp tu từ**: sử dụng nhiều biện pháp tu từ đa dạng , hiệu quả:

+ + Liệt kê, điệp ngữ, điệp cấu trúc: *"Chúng thi hành những luật dã man ...Chúng lập ra nhà tù nhiều hơn trường học. Chúng thẳng tay chém giết những người yêu nước thương nòi của ta.... Chúng dùng thuốc phiện, rượu cồn để làm cho nòi giống ta suy nhược.*

+ + Ẩn dụ, hoán dụ: "*Chúng lập ra nhà tù nhiều hơn trường học. Chúng thẳng tay chém giết những người yêu nước thương nòi của ta"; "tắm các cuộc khởi nghĩa của ta trong những bể máu*"),…

-> **Tác dụng**:

+ Thể hiện sự căm phẫn trước tội ác của thực dân Pháp, nỗi thương xót đối với người dân Việt Nam khi phải gánh chịu những tội ác ấy;

+ Góp phần tăng tính thuyết phục cho VB

	bằng cách khơi gợi sự đồng cảm, xót xa, phẫn nộ nơi người đọc. **+ Các kiểu câu khẳng định, phủ định:** hầu như các câu văn trong văn bản đều là câu khẳng định và câu phủ định. **->Tác dụng:** + + Khẳng định tội ác của giặc bằng cách điệp cấu trúc: "*Về chính trị, chúng tuyệt đối không cho nhân dân ta một chút tự do, dân chủ nào",…* + + Phủ định luận điệu "*nhân đạo, chính nghĩa"* của Pháp: Hành động của chúng trái hẳn với nhân đạo và chính nghĩa. *** Nghệ thuật lập luận và ngôn ngữ biểu cảm trong phần lời tuyên bố của *Tuyên ngôn độc lập*** Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tuyên bố: - Những cơ sở pháp lí, thực tiễn vững chắc để thoát li quyền bảo hộ của Pháp, tuyên bố sự sụp đổ của triều đình phong kiến nhà Nguyễn ("*Vì những lí lẽ trên*"). - Sự xuất hiện chính danh của một chính phủ đại diện cho nhân dân Việt Nam, thể hiện ý chí và nguyện vọng của nhân dân Việt Nam ("*chúng tôi, Chính phủ lâm thời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà*"). - Khẳng định quyền tự do, độc lập của dân tộc Việt Nam và quyết tâm bằng mọi giá bảo vệ quyền độc lập, tự do ấy. **Điểm đặc sắc của *Tuyên ngôn Độc lập* đó là lời tuyên bố cuối VB đã khẳng định điều kiện khách quan, điều kiện chủ quan** + Điều kiện khách quan: + + Cơ sở pháp lí, thực tiễn vững chắc, không thể chối cãi, phù hợp với công ước quốc tế; + + Chứng minh sự không lệ thuộc vào bất kì thế lực chính trị nào; + + Khẳng định quyền tự quyết về mọi mặt của dân tộc; + Điều kiện chủ quan: + + Toàn dân tộc thực sự có ý chí về quyền độc lập, tự do và có quyết tâm bảo vệ quyền độc lập, tự do. Từ đó, Hồ Chí Minh đã tuyên bố trước thế giới quyền độc lập, tự do, bất khả xâm phạm của nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, của nhân dân Việt Nam. **- Từ ngữ, lời văn dạt dào tình cảm, cảm xúc, lúc sôi sục, quyết liệt:**

	"Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thật đã thành một nước tự do, độc lập. Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do, độc lập ấy." -> Tác dụng của ngôn ngữ biểu cảm trong việc thể hiện giọng điệu và nội dung lời tuyên bố: hùng hồn, đanh thép, trong việc khẳng định mạnh mẽ và thuyết phục nội dung lời tuyên bố

2.3. Tổng kết

TỔ CHỨC THỰC HIỆN	SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: - GV nêu yêu cầu: + Hãy khái quát ý nghĩa của bản *Tuyên ngôn độc lập.* + Theo em, những yếu tố nghệ thuật nào đã giúp *Tuyên ngôn Độc lập* trở thành một áng văn chính luận bất hủ? **Bước 2 + 3: Thực hiện nhiệm vụ, báo cáo** - HS thực hiện nhiệm vụ theo cặp - Trả lời câu hỏi **Bước 4: Đánh giá, kết luận** GV nhận xét, chốt kiến thức.	**III. Tổng kết** **1. Nội dung** - Bản tuyên ngôn độc lập là kết tinh tư tưởng không chị sống quỳ, khẳng định ý chí quyết tâm giữ vững nền độc lập dân tộc, tinh thần yêu nước và nhân ái, khoan dung của truyền thống dân tộc từ ngàn xưa. **2. Nghệ thuật** - Hệ thống luận điểm, lí lẽ chặt chẽ, bằng chứng xác đáng. - Giọng điệu đanh thép, lời văn như chất vấn, kết tội kẻ thù. - Ngôn ngữ hùng hồn, sắc bén. - Sử dụng yếu tố biểu cảm, linh hoạt. - Sử dụng tính phủ định và khẳng định phù hợp trong văn bản nghị luận.

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố kiến thức. Phát triển năng lực đặc thù cho HS

b. Nội dung: Sân khấu hoá đoạn trích.

c. Sản phẩm: Bài trình bày của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

TỔ CHỨC THỰC HIỆN	SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV nêu yêu cầu: **Câu 1.** Giá trị lịch sử to lớn của *Tuyên ngôn Độc lập* được thể hiện như thế nào? **Câu 2.** Em học được gì từ nghệ thuật viết văn chính luận của Hồ Chí Minh? - HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** - GV gọi 2-3 HS đọc đoạn văn trước lớp - Tổ chức cho HS trong lớp đánh giá bằng bảng kiểm **Bước 4: Đánh giá, kết luận** GV nhận xét các đoạn văn của HS	**IV. Luyện tập** **Câu 1.** Giá trị lịch sử to lớn của *Tuyên ngôn Độc lập* được thể hiện qua: - Vb đã tái hiện sinh động những sự kiện lịch sử đã xảy ra sau ngày nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà tuyên bố quyền độc lập; qua đó cảnh báo thực dân Pháp và đế quốc Mỹ đang có âm mưu xâm lược nước ta. - Tuyên bố chấm dứt chế độ phong kiến ở nước ta hơn 1.000 năm, hơn 80 năm xâm lược của thực dân Pháp và 5 năm giày xéo của phát xít Nhật.

	- Khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà mới, mở ra kỉ nguyên độc lập, tự do của dân tộc. – Chống lại âm mưu tái chiếm Việt Nam của thực dân và ý đồ can thiệp vào nước ta của một số nước đế quốc khác; khẳng định vị thế của dân tộc trên trường quốc tế. **Câu 2.** Một số bài học rút ra được từ nghệ thuật viết văn chính luận. - Cần xác lập một hệ thống luận điểm, lí lẽ chặt chẽ, bằng chứng phù hợp. - Chú ý lựa chọn giọng điệu phù hợp với vấn đề bàn luận. - Kết hợp yếu tố biểu cảm phù hợp. - Chọn lựa từ ngữ, kiểu cấu, các biện pháp tu từ cho phù hợp để bài viết hấp dẫn.

4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS biết kết nối với cuộc sống, tích lũy được kinh nghiệm sống cho bản thân; biết bộc lộ quan điểm, suy nghĩ, cảm xúc của bản thân.

b. Nội dung: HS trả lời câu hỏi

c. Sản phẩm: Cuộc phỏng vấn

d. Tổ chức thực hiện:

TỔ CHỨC THỰC HIỆN	SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV dẫn dắt và nêu yêu cầu: Trao đổi với bạn bên cạnh và trả lời câu hỏi: Viết đoạn văn phân tích nét đặc sắc của phần đầu văn bản *Tuyên ngôn độc lập* của Hồ Chí Minh. **Bước 2+3: Thực hiện nhiệm vụ; Báo cáo, thảo luận** HS thực hiện nhiệm vụ trước lớp **Bước 4: Đánh giá, kết luận** GV nhận xét phần diễn xuất, các câu hỏi phỏng vấn, nhấn mạnh vào bài học lịch sử.	**1.1 Mở đoạn** Giới thiệu khái quát tác phẩm "Tuyên ngôn độc lập" của Chủ tịch Hồ Chí Minh và phần mở đầu. **1.2 Thân đoạn** **a. Giá trị nội dung của phần mở đầu bản tuyên ngôn** – Phần mở đầu nêu nguyên lý chung của bản tuyên ngôn. – Tác giả đã trích dẫn hai bản Tuyên ngôn: Tuyên ngôn Độc lập của Mỹ năm 1776 và Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền của Pháp năm 1791 nhằm: + Khẳng định các quyền lợi cơ bản của con người: Quyền sống, quyền bình đẳng và quyền mưu cầu hạnh phúc. + Nhắc nhở những hành động của bọn đế quốc, thực dân đang đi ngược lại và làm trái

	với những điều mà đất nước họ từng dõng dạc tuyên bố. – Từ việc trích dẫn về quyền con người để làm dẫn chứng, tác giả đã nâng tầm và mở rộng thành quyền dân tộc. **b. Giá trị nghệ thuật của phần mở đầu bản tuyên ngôn** – Tạo cơ sở pháp lý vững chắc cho các phần còn lại. – Dẫn chứng xác thực góp phần củng cố lý lẽ, luận điểm đanh thép của tác phẩm. – Lập luận chặt chẽ và giàu sức thuyết phục, vừa khôn khéo vừa kiên quyết. c. Thông điệp của tác giả gửi gắm qua đoạn đoạn văn. Ý nghĩa của đoạn văn đối với em. **1.3 Kết đoạn** Đánh giá vai trò của phần mở đầu đối với tác phẩm "Tuyên ngôn độc lập".

RUBRIC ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG NHÓM

Cấp độ / *Tiêu chí*	*Tốt (4 điểm)*	*Khá (3 điểm)*	*Trung bình (2 điểm)*	*Cần điều chỉnh (1 điểm)*
1. Sự tham gia	Tham gia đầy đủ và chăm chỉ làm việc trong tất cả khoảng thời gian cho phép.	Tham gia đầy đủ và chăm chỉ làm việc trong hầu hết khoảng thời gian cho phép.	Tham gia nhưng thường lãng phí thời gian và ít khi làm việc.	Tham gia nhưng thực hiện những việc không liên quan đến nhiệm vụ được giao.
2. Trao đổi và tranh luận trong nhóm	Chú ý trao đổi, lắng nghe cẩn thận các ý kiến của những người khác, đưa ra các ý kiến cá nhân.	Thường lắng nghe cẩn thận các ý kiến của người khác. Đôi khi đưa ra ý kiến riêng của bản thân.	Đôi khi không lắng nghe các ý kiến của người khác. Thường không có các ý kiến riêng trong các hoạt động của nhóm.	Không lắng nghe ý kiến của người khác, không đưa ra ý kiến riêng.
3. Sự hợp tác	Tôn trọng ý kiến của những thành viên khác	Thường tôn trọng ý kiến của những thành viên khác và	Tôn trọng ý kiến của những thành viên khác nhưng	Không tôn trọng ý kiến của những thành viên khác,

	và hợp tác đưa ra ý kiến chung.	hợp tác đưa ra ý kiến chung.	hợp tác đưa ra ý kiến chung.	không hợp tác đưa ra ý kiến chung.
4. Sự sắp xếp thời gian	Hoàn thành công việc được giao đúng thời gian, không làm đình trệ tiến triển công việc của nhóm.	Thường hoàn thành công việc được giao đúng thời gian, không làm đình trệ tiến triển công việc của nhóm.	Không hoàn thành công việc được giao đúng thời gian, làm đình trệ tiến triển công việc của nhóm.	Không hoàn thành công việc được giao đúng thời gian, thường xuyên buộc nhóm phải điều chỉnh hoặc thay đổi.

RUBRIC ĐÁNH GIÁ ĐOẠN VĂN

Tiêu chí	**Mô tả tiêu chí**	**Điểm**
Hình thức	- Đảm bảo hình thức và dung lượng của đoạn văn (khoảng 200 chữ)	**0,5**
Nội dung	Phân tích giá trị nội dung, nghệ thuật một văn bản nghị luận	
	Giới thiệu tác giả, tác phẩm, đoạn văn	**1**
	Phân tích những đặc sắc về nội dung của đoạn văn	**1**
	Đánh giá, nhận xét về những đặc sắc đó.	**2**
	Phân tích những đặc sắc về nghệ thuật.	**2**
	Đánh giá, nhận xét về những đặc sắc đó.	**1**
	Thông điệp của tác giả gửi gắm qua đoạn đoạn văn. Ý nghĩa của đoạn văn đối với HS.	**1**
Chính tả, ngữ pháp	Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.	**0,5**
Sáng tạo	Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề; có cách diễn đạt mới mẻ, phối hợp các phương thức biểu đạt,...	**1,0**

HƯỚNG DẪN HỌC Ở NHÀ:

- Vẽ sơ đồ tư duy về các đơn vị kiến thức của bài học.
- Tìm đọc thêm các văn bản cùng thể loại, đề tài, chủ đề.
- **Chuẩn bị bài:** Đọc VB 3, 4: *Mộ* (Hồ Chí Minh), *Nguyên tiêu* (Hồ Chí Minh)

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Sách giáo khoa, SGV Ngữ văn 12 Kết nối tri thức với cuộc sống, tập 2
- Nội dung công văn 5512/BGD-ĐT.
- Nội dung modul 1,2,3 được tập huấn.
- Một số tài liệu, hình ảnh trên mạng internet.

RÚT KINH NGHIỆM

.....
.....
.....
.....

Ngày soạn:
Ngày dạy:

GV: Phạm Thị Hà

Tiết: 58,59 ***VB 3, 4:*** ***MỘ (CHIỀU TỐI)*** ***NGUYÊN TIÊU (RẰM THÁNG GIÊNG)*** ***- Hồ Chí Minh -***

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực :

- Vận dụng được những hiểu biết về cuộc đời và phong cách thơ ca của tác gia Hồ Chí Minh để đọc hiểu các tác phẩm thơ của Người.
- Chỉ ra và phân tích được một số yếu tố trong thơ trữ tình và thơ châm biếm hài hước viết bằng chữ Hán của Hồ Chí Minh (ngôn ngữ, hình ảnh, thủ pháp nghệ thuật, cấu tứ, cách sử dụng từ ngữ).
- Phân tích được một số nét đặc sắc của các bài thơ viết bằng chữ Hán của Hồ Chí Minh.
- Vận dụng được những kiến thức, kĩ năng đã học để tìm hiểu các tác phẩm thơ khác của Hồ Chí Minh.

2 . Phẩm chất

- Trân trọng tài năng văn chương của Hồ Chí Minh.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học

- Máy tính, máy chiếu đa năng (Ti vi)

2. Học liệu:

- SGK, tài liệu tham khảo
- Tư liệu: Tranh ảnh và phim: GV sử dụng tranh, ảnh, tranh, video liên quan.
- Phiếu học tập: HS chuẩn bị các phiếu học tập ở nhà.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG 1: HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập.

b. Nội dung: GV đặt cho HS những câu hỏi gợi mở vấn đề.

c. Sản phẩm: Nhận thức và thái độ học tập của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1*:* Chuyển giao nhiệm vụ

- Hãy nêu tên một số tập thơ, bài thơ của Hồ Chí Minh hoặc tác phẩm văn học mà em biết. Hãy đọc một bài thơ của Bác, hoặc giới thiệu về tác phẩm mà em yêu thích. Vì sao em yêu thích tác phẩm đó?

Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ

- HS suy nghĩ và trả lời các câu hỏi.
- GV quan sát, khích lệ

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

GV gọi một số HS phát biểu.

=> Dự kiến sản phẩm:

- Một số bài thơ của Hồ Chí Minh: *Ngắm trăng, Chiều tối (Mộ), Không ngủ được, Nghe tiếng chày giã gạo,…*

Chiều tối	**Không ngủ được**
Chim mỏi về rừng tìm chốn ngủ	*Một canh...hai canh...lại ba canh*
Chòm mây nhè nhẹ giữa tầng không	*Trằn trọc băn khoăn giấc chẳng lành*

Cô em xóm núi xay ngô tối
Xay hết, lò than đã rực hồng

Ngắm trăng

Trong tù không rượu cũng không hoa
Cảnh đẹp đêm nay khó hững hờ
Người ngắm trăng soi ngoài cửa sổ
Trăng nhòm khe cửa ngắm nhà thơ.

Canh bốn, canh năm vừa chợp mắt
Sao vàng năm cánh mộng hồn bay.

Nghe tiếng chày giã gạo

Gạo đem vào giã bao đau đớn
Gạo giã xong rồi trắng tựa bông
Sống trên đời người cũng vậy
Gian nan rèn luyện mới thành công.

Bước 4: Đánh giá, kết luận

GV dẫn dắt vào bài: Ở phần tìm hiểu về cuộc đời và sự nghiệp văn học của Chủ tịch Hồ Chí Minh, các em đã được biết, sự nghiệp văn chương của Người vô cùng lớn lao. Người không chỉ viết văn chính luận, báo chí, mà Người còn là một nhà thơ vĩ đại. Mặc dù, sinh thời, Bác Hồ không tự nhận mình là nhà thơ, nhà văn nhưng thự tiễn toàn bộ sáng tác của Người đã cho thấy Người là một nhà thơ lớn. Bài thơ *Mộ (Chiều tối)* và *Nguyên tiêu (Rằm tháng giêng)* là bằng chứng hùng hồn cho sự nghiệp văn học ấy.

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

2.1. Đọc - tìm hiểu chung

a. Mục tiêu:

- Vận dụng được những hiểu biết về cuộc đời và phong cách thơ ca của tác gia Hồ Chí Minh để đọc hiểu các tác phẩm thơ của Người.
- Nắm được cách đọc văn bản, xuất xứ, hoàn cảnh sáng tác, bố cục của văn bản.

b. Nội dung hoạt động: HS làm việc nhóm, thảo luận cặp đôi,.. theo phiếu học tập.

c. Sản phẩm: Câu trả lời cá nhân, PHT.

d.Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Yêu cầu cần đạt/ Dự kiến sản phẩm
Thao tác 1: Đọc bài thơ **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ** **- Phần đọc:** GV hướng dẫn HS cách đọc văn bản: giọng đọc và đọc mẫu. Yêu cầu HS đọc bài thơ *+ Nhận xét về cách đọc của bạn? Giọng đọc như nào cho phù hợp?* *- Đọc: + Đọc diễn cảm hoàn chỉnh bài thơ, chú ý cách ngắt nhịp, giọng điệu.* *+ Chú ý các cước chú và nội dung thẻ chỉ dẫn.* **Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ:** HS đọc GV đọc mẫu GV điều chỉnh cách đọc cho HS **Bước 3. Nhận xét sản phẩm, bổ sung.**	**I. Đọc - tìm hiểu chung** **1. Đọc văn bản** - Đọc VB *Mộ (Chiều tối)* - Đọc VB *Nguyên tiêu (Rằm tháng giêng)*

CH: Tại sao em cần đọc bài thơ như vậy?
- HS báo cáo kết quả;
- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4. Chuẩn kiến thức.
- GV và HS cùng đánh giá việc đọc văn bản.

Thao tác 2: Tìm hiểu chung

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:
Gv yêu cầu HS chuẩn bị ở nhà những thông tin chung về bài thơ *Mộ (Chiều tối), Nguyên tiêu (Rằm tháng giêng)*

PHT 01: Tìm hiểu chung về hai bài thơ

Đặc điểm	Bài thơ *Mộ (Chiều tối)*	Bài thơ *Nguyên tiêu (Rằm tháng giêng)*
Xuất xứ		
Thể loại		
Ngôn ngữ		
Đề tài		
Bố cục		
Hoàn cảnh sáng tác		

Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ
+ Học sinh trả lời cá nhân
+ Giáo viên khích lệ HS.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận
- GV gọi HS trả lời.
- Các HS khác lắng nghe, bổ sung, nhận xét.

Bước 4: Đánh giá, kết luận
GV nhận xét đánh giá kết quả HS, chuẩn hóa kiến thức qua trình chiếu slide.

2. Tìm hiểu chung
a. Tác giả: Hồ Chí Minh
b. Tác phẩm:

Đặc điểm	***Mộ (Chiều tối)***	***Nguyên tiêu (Rằm thắng giêng)***
Xuất xứ	Là bài thơ số 30 trong tập *Ngục trung nhật kí*	In trong *Thơ chủ tịch,* NXB Văn học, hà Nội.
Thể loại	Thất ngôn tứ tuyệt Đường luật	
Ngôn ngữ	Chữ Hán	
Đề tài	Chiều tối	Rằm tháng giêng
Bố cục	- Hai câu đầu: Thiên nhiên chiều tối. - Hai câu sau: Bức tranh sinh hoạt của con người nơi miền sơn cước	- Hai câu đầu: cảnh đêm trăng trên sông. - Hai câu sau: Vẻ đẹp của con người.
Hoàn cảnh sáng tác	Tác phẩm được viết vào khoảng những tháng đầu của thời gian Người bị cầm tù lần thứ 2 ở Trung Quốc (1942 - 1943), ở cuối chặng chuyển lao từ Tĩnh Tây đến Thiên Bảo.	Được sáng tác trong giai đoạn đầu của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tại chiến khu Việt Bắc. Theo một số tư liệu, bài thơ được Hồ Chí Minh ứng tác sau một cuộc họp bàn về chiến dịch, giữa khung cảnh núi rừng.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 02

Tìm hiểu thời điểm chiều tối và đêm trăng rằm tháng Giêng đến cảm xúc và tâm trạng của nhà thơ

Dựa vào hoàn cảnh sáng tác của mỗi tác phẩm, hãy chỉ ra tác động của thời điểm chiều tối và đêm trăng rằm tháng Giêng đến cảm xúc và tâm trạng của nhà thơ bằng cách điền vào PHT sau:

Bài thơ	Thời điểm	Tác động
Mộ (Chiều tối)		
Nguyên tiêu (Rằm tháng giêng)		

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 03:

Tìm hiểu hình tượng thơ và sự vận động của thời gian, của hình tượng thơ

- Đọc lại hai văn bản và điền vào PHT sau:

Hình tượng thơ	***Mộ (Chiều tối)***	***Nguyên tiêu (Rằm tháng giêng)***
Bức tranh thiên nhiên và nghệ thuật miêu tả thiên nhiên		
Hình ảnh con người		

- Trong hai bài thơ *Mộ* và *Nguyên tiêu*, sự vận động của thời gian, của hình tượng thơ được tác giả thể hiện như thế nào? Bạn có cảm nhận gì về cách nhìn của tác giả đối với chiều hướng phát triển của sự vật?

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 04:

Tìm hiểu cấu tứ thơ

Cấu tứ thơ	***Mộ***	***Nguyên tiêu***
Cách triển khai mạch cảm xúc		
Cách triển khai hình tượng		
Tư tưởng, chủ đề		

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 05

Tìm hiểu bút pháp hội hoạ đặc sắc, ngôn ngữ độc đáo của hai bài thơ

	Mộ (Chiều tối)	***Nguyên tiêu (Rằm tháng Giêng)***
Bút pháp hội hoạ đặc sắc		
Một số từ ngữ chưa diễn đạt hết sắc thái		

và hàm nghĩa của nguyên văn			

HĐ của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Thao tác 3: Khám phá văn bản *** Hướng dẫn HS tìm hiểu về tác động của thời điểm chiều tối và đêm trăng rằm tháng giêng đến cảm xúc và tâm trạng của nhà thơ** **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ** - Gv cho HS đọc VB, hỏi HS, yêu cầu HS hoạt động theo cặp đôi**:** **- GV:** **CH:** GV chiếu **phiếu học tập số 02** - HS thảo luận nhóm theo cặp, thời gian 5 phút - HS tiếp nhận nhiệm vụ. **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** - HS thực hiện nhiệm vụ. **Bước 3: Báo cáo kết quả** - HS báo cáo kết quả; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. **Bước 4: Đánh giá kết quả** - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức. *** Hướng dẫn HS tìm hiểu về hình tượng thơ và sự vận động của thời**	**II. Khám văn bản** **1. Tác động của thời điểm chiều tối và đêm trăng rằm tháng giêng đến cảm xúc và tâm trạng của nhà thơ** **Bài thơ** / **Thời điểm** / **Tác động** ***Mộ (Chiều tối)*** — Chiều tối: - Theo "nhịp điệu của sự sống: thời khắc mà mọi dinh linh đều cần nghỉ ngơi. - Theo "chiều kích" của tầm mắt: là giới hạn dần khép lại - tĩnh tại - ngưng lặng của bóng đêm; "chim về tổ - người về nhà lại đúng quy luật thông thường" — Tâm thế của nhân vật trữ tình - nhà thơ - kẻ chịu gông xiềng/người chiến sĩ đang phải đối mặt với một hành trình không có điểm dừng, bị mất tự do. - Cảm xúc: Không rơi vào bi quan, bế tắc, cô đơn mà giữa khung cảnh núi rừng chiều tối là hình ảnh con người có tâm hồn rộng mở, phóng khoáng, mạnh mẽ ***Nguyên tiêu (Rằm tháng giêng)*** — Rằm tháng giêng - đêm trăng tròn đầu tiên của một năm: thời điểm đặc biệt, gắn với ý niệm khởi đầu tốt lành của một vận hội mới. Sinh khí đất trời hoà điệu với tâm hồn và khát vọng của con người — Người chiến sĩ cách mạng đang bận bịu với việc quân, việc nước gian nguy của cuộc kháng chiến nhưng tâm hồn thanh khiết, phóng túng của nhà thơ luôn rộng mở đón những thanh âm tươi mới của một mùa xuân tràn đầy sức sống. **2. Hình tượng thơ và sự vận động của thời gian, của hình tượng thơ** **a. Hình tượng thơ và nghệ thuật xây dựng hình tượng thơ** **Hình tượng thơ** / ***Mộ (Chiều tối)*** / ***Nguyên tiêu (Rằm tháng giêng)*** **Bức tranh thiên nhiên và nghệ thuật** — + Hình ảnh cánh chim mệt mỏi bay về tổ, gợi thời gian chiều tối, gợi nhịp điệu của cuộc sống tự nhiên ngầm đối — + Sự tinh tế và nhạy cảm của tác giả khi "nắm bắt" vẻ đẹp của vầng trăng đúng vào đêm rằm tháng giêng:

gian, của hình tượng thơ **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ** - Gv cho HS đọc VB, hỏi HS, yêu cầu HS hoạt động theo nhóm: **- GV:** **CH:** GV chiếu **phiếu học tập số 03** - HS thảo luận nhóm theo cặp, thời gian 5 phút, điền vào PHT: + Nhóm 1, 2: Tìm hiểu bức tranh thiên nhiên và nghệ thuật miêu tả thiên nhiên. + Nhóm 3, 4: Tìm hiểu hình ảnh con người. Câu hỏi chung 4 nhóm: Trong hai bài thơ, sự vận động của thời gian, của hình tượng thơ được tác giả thể hiện như thế nào? Bạn có cảm nhận gì về cách nhìn của tác giả đối với chiều hướng phát triển của sự vật? - HS tiếp nhận nhiệm vụ. **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** - HS thực hiện nhiệm vụ. **Bước 3: Báo cáo kết quả** - HS báo cáo kết quả; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. **Bước 4: Đánh giá kết quả**	**miêu tả thiên nhiên**	lập với hình ảnh người tù bị giải đi trên con đường vô tận không biết đâu là điểm dừng. Hình ảnh chòm mây cô lẻ chầm chậm trôi qua bầu trời rộng lớn lúc trời chiều gợi cảm giác xa vắng, bâng khuâng. + Từ ngữ đặc tả tâm trạng, gợi lên cái hồn của sự vật: dùng những từ vốn để chỉ trạng thái tinh thần, thể chất của con người để miêu tả thiên nhiên - *quyện, cô…* + Bút pháp chấm phá, tạo hình: đối ứng và nối tiếp giữa cái hữu hình và cái vô hình, cái hữu hạn và cái vô hạn	Vẻ đẹp, sức sống viên mãn của vầng trăng được nhìn theo nội tại của nó chứ không phải theo vẻ ngoài thuần tuý. Sông xuân, nước xuân, trời xuân mở rộng không giam trong chiều vận động từ cận cảnh (mặt đất) đến viễn cảnh (bầu trời). + Từ ngữ chắt lọc, biện pháo tu từ điệp ngữ: tạo ấn tượng về sự vận động và sức căng tràn, biểu thị tâm hồn tự do, phóng khoáng. + Nghệ thuật miêu tả bút pháp tạo hình: câu 1 nói đến sự vận động trong thời gian; câu 2 nói sự vận động trong không gian theo tầng, bậc tiếp nối, tạo ấn tượng về sức sống mùa xuân bao trùm vũ trụ
	Hình ảnh con người	Bức tranh về cuộc sống con người được gợi lên từ những hình ảnh hết sức cụ thể, chân thực, thân thương + Thiếu nữ mải miết với công việc xay ngô, lò lửa rực cháy giữa đêm tối. + Người tù trên đường bị áp giải mệt mỏi, mất tự do nhưng không ta thán, bi luỵ; toàn bộ thế giới tinh thần hướng về những cảnh tượng, hình ảnh cuộc sống xung quanh với tình cảm ấm áp, gần gũi => Trong cảnh ngộ đó, người tù vẫn thung dung, tự tại, nhạy cảm nhận ra những gì vốn nhỏ bé, khuất lấp trong	Người chiến sĩ bàn việc quân, việc nước => công việc chính trị khô khan khó có thể xuất hiện cảm hứng thơ ca nhưng trong câu thứ tư, khi việc quân tạm chấm dứt, con thuyền trở về, ánh trăng như một nhân vật thứ ba tràn xuống làm đầy thuyền => con thuyền quân sự biến thành "con thuyền thơ", người chiến sĩ trở thành nhà thơ => Mối tương quan giữa người nghệ sĩ và người chiến sĩ.

- GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức.	<table><tr><td></td><td>hiện thực => Nhà thơ - chiến sĩ Hồ Chí Minh vừa có bản lĩnh vừa có tâm hồn phong phú</td><td></td></tr></table> **b. Sự vận động của thời gian, của hình tượng thơ** - Điểm chung giữa hình tượng không gian và thời gian trong hai bài thơ: + Đều tuân theo sự vận động khách quan: Bài *Mộ* từ chiều tối (chim về tổ) đến đêm và kết thúc với hình ảnh lò lửa. Bài *Nguyên tiêu*: từ tối (rằm tháng Giêng) đến đêm khuya mà người chiến sĩ vẫn bàn việc quân. + Thể hiện cách nhìn cuộc sống luôn hướng tới những điều lạc quan, chủ động nắm bắt cuộc sống, hài hoà, tinh tế với thiên nhiên. – Điểm khác nhau: + Thời gian tâm trạng của bài *Mộ* vận động khác với thời gian tự nhiên: từ bóng tối (xóm núi sơn cước) ra ánh sáng (lò lửa) . Thời gian tâm trạng của bài *Nguyên tiêu hoà nhịp* theo chiều của thời gian tự nhiên (vầng trăng hướng về con thuyền đang có người bàn việc quân). + Hình tượng thơ: Bài *Mộ* xuất phát từ không gian thiên nhiên (cánh chim, chòm mây) đến cảnh sinh hoạt của con người (thiếu nữ xay ngô). Bài *Nguyên tiêu* xuất phát từ thiên nhiên (trăng rằm, sông nước,…) đến cảnh hài hoà giữa thiên nhiên và con người (khói sóng vắng lặng có người bàn việc quân, thuyền về chở đầy ngập ánh trăng tràn sức xuân). + Cách nhìn của tác giả đối với chiều hướng phát triển của sự vật: ++ Trong bài *Mộ:* từ thiên nhiên đến con người, từ viễn cảnh đến cận cảnh, từ ngoại cảnh đến tâm cảnh. Thế giới tâm hồn của con người thể hiện rõ qua việc nhà thơ luôn hướng về ánh sáng, về cuộc sống, dẫu là trong hoàn cảnh gian khổ nhất của thân phận. ++ Trong bài *Nguyên tiêu:* chủ động nắm bắt những biến chuyển cụ thể, vi tế của đời sống tạo vật; từ thiên nhiên đến con người; từ ngoại cảnh đến tâm cảnh. Tầm hồn thi nhân và phong thái người chiến sĩ thể hiện hài hoà, tinh tế.
*** Hướng dẫn HS tìm hiểu về cấu tứ thơ** **Tìm hiểu về hai câu đầu:** **HÌNH THỨC NHÓM BÀN** **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**	**3.Cấu tứ thơ** <table><tr><th>Cấu tứ thơ</th><th>*Mộ*</th><th>*Nguyên tiêu*</th></tr><tr><td>**Cách triển khai mạch cảm xúc**</td><td>Giao hoà với thiên nhiên, hướng về phía ánh sáng.</td><td>Chủ động nắm bắt thiên nhiên.</td></tr><tr><td>**Cách triển khai hình tượng**</td><td colspan="2">Từ thiên nhiên đến con người.</td></tr></table>

<table>
<tr>
<td>- Gv cho HS đọc VB, hỏi HS, yêu cầu HS hoạt động nhóm.

- GV: chiếu <u>Phiếu học tập số 04.</u> Tìm hiểu hai câu thơ đầu

- HS thảo luận nhóm, thời gian 4 phút

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

Bước 2: thực hiện nhiệm vụ

- HS thực hiện nhiệm vụ.

Bước 3: Báo cáo kết quả

- HS báo cáo kết quả;

- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Đánh giá kết quả

- GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức.</td>
<td>
<table>
<tr><td>Tư tưởng, chủ đề</td><td>Tình yêu thiên nhiên, cuộc sống, ý chí vượt lên hoàn cảnh khắc nghiệt của nhà thơ chiến sĩ Hồ Chí Minh.</td><td>Tình cảm với thiên nhiên, tâm hồn nhạy cảm, lòng yêu nước sâu nặng và phong thái ung dung, lạc quan của Hồ Chí Minh.</td></tr>
</table>
</td>
</tr>
<tr>
<td>* Tìm hiểu bút pháp hội hoạ, ngôn ngữ

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

HOẠT ĐỘNG NHÓM—KĨ THUẬT KHĂN TRẢI BÀN

- Giao nhiệm vụ cho các nhóm: thực hiện phiếu HT số 04

(GV chiếu phiếu lên, yêu cầu HS đọc để xác định yêu cầu)

+ Nhóm 1, 2: Bút pháp hội hoạ đặc sắc.</td>
<td>
4. Bút pháp hội hoạ đặc sắc, ngôn ngữ độc đáo
a. Bút pháp hội hoạ đặc sắc
<table>
<tr><th>Mộ (Chiều tối)</th><th>Nguyên tiêu (Rằm tháng Giêng)</th></tr>
<tr><td>- Đối lập giữa cái hữu hạn và vô hạn (cánh chim đơn lẻ – khung cảnh trời chiều, chòm mây cô đơn – không gian rộng lớn);
- Thủ pháp “điểm nhãn”: tô đậm hình ảnh thiếu nữ và lò than cháy rực trong khung cảnh chiều tối miền sơn cước,…</td><td>- Bút pháp tạo hình miêu tả bức tranh (mùa xuân được nhìn từ cận cảnh đến viễn cảnh, nhiều tầng bậc);
- Thủ pháp “hư – thực” (khói sóng hư ảo – con thuyền trăng chở người bàn việc quân).</td></tr>
</table>
b. Ngôn ngữ độc đáo

Một số từ ngữ chưa diễn đạt hết sắc thái và hàm nghĩa của nguyên văn:
<table>
<tr><th>Mộ (Chiều tối)</th><th>Nguyên tiêu (Rằm tháng Giêng)</th></tr>
</table>
</td>
</tr>
</table>

+ Nhóm 3, 4: Ngôn ngữ độc đáo (so sánh bản dịc thơ và phiên âm) - Thời gian: 5 phút. **Bước 2: Các nhóm thực hiện nhiệm vụ** - Mỗi người ngồi vào vị trí theo kĩ thuật khăn trải bàn. - Tập trung vào câu hỏi (trong phiếu HT) - Viết vào ô mang số của bạn câu trả lời hoặc ý kiến của bạn (về câu hỏi trong phiếu) Mỗi cá nhân làm việc độc lập trong khoảng vài phút - Kết thúc thời gian làm việc cá nhân, các thành viên chia sẻ, thảo luận và thống nhất các câu trả lời - Viết những ý kiến chung của cả nhóm vào ô giữa tấm khăn trải bàn (giấy A0) **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** **GV:** - Yêu cầu thành viên từng nhóm cùng chia sẻ kết quả thảo luận của mình với nhóm. Sau đó, đại diện nhóm đứng lên báo cáo trình bày. - Đại diện 1 nhóm đứng lên trình bày. - Các nhóm khác theo dõi, quan sát, nhận xét	- Các cụm từ *chim mỏi* và *chòm mây* chưa lột tả được ý nghĩa của các từ ngữ đặc tả *quyện, cô* trong nguyên văn, vốn là các từ biểu đạt rất sâu sắc trạng thái tâm lí của con người. - Từ *hồng* trong bản dịch thường được hiểu là màu hồng-một tính từ chỉ màu sắc; trong khi từ *hồng* trong nghĩa văn có nghĩa là đốt cháy, thắp lên, làm cho rực cháy lên,…	- Câu 1: Nguyên văn nhấn mạnh "thời điểm" và hình ảnh vầng trang đạt đến độ tròn đầy (*chính*: vừa đúng, vừa khớp; *viên:* tròn trịa, viên mãn). Bản dịch tuy đảm bảo được yêu cầu "nhã", nhưng chỉ nhấn mạnh vẻ đẹp, ánh sáng bên ngoài. - Câu 2: Nguyên văn lặp lại từ *xuân* ba lần, với dụng ý nhấn mạnh vẻ xuân - sắc xuân - sức xuân của sông - nước - bầu trời; từ *tiếp* biểu thị sự vận động nối liền từ cận cảnh đến viễn cảnh. Bản dịch chưa thể hiện rõ điều này. - Câu 3: Cụm từ *giữa dòng* chưa biểu đạt được ý nghĩa của cụm từ *yên ba thâm xứ* (nơi khói sóng heo hút tĩnh lặng) trong nguyên văn. - Câu 4: Nguyên văn nhấn mạnh động thái trăng tràn xuống làm đầy ăm ắp con thuyền bàn việc quân; còn bản dịch nhấn mạnh vẻ đẹp đầy tính nhạc (*trăng ngân)* vốn không có trong nguyên văn.

<table>
<tr>
<td>bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn.

Bước 4. Chuẩn kiến thức.

- Nhận xét kết quả hoạt động cho từng nhóm và chỉ ra những điểm còn hạn chế trong hoạt động nhóm.

GV chốt lại kiến thức.

* Tìm hiểu dấu ấn của phong cách cổ điển trong mỗi tác phẩm

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

HS suy nghĩ cá nhân: Chỉ ra dấu ấn của phong cách cổ điển trong mỗi tác phẩm

(Có thể gợi mở về thể thơ, ngôn ngữ; thi liệu, hình ảnh; bút pháp nghệ thuật;…)

Bước 2: thực hiện nhiệm vụ

- HS thực hiện nhiệm vụ.

Bước 3: Báo cáo kết quả

- HS báo cáo kết quả;

- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Đánh giá kết quả

- GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức.</td>
<td>5. Dấu ấn phong cách cổ điển thể hiện trong hai bài thơ

<table>
<tr><th>Mộ</th><th>Nguyên tiêu</th></tr>
<tr><td>Dấu ấn phong cách cổ điển biểu hiện rõ nét qua:
- Thể thơ tứ tuyệt Đường luật, ngôn ngữ cô đọng, hàm súc.
- Thi liệu, hình ảnh - không gian - thời gian ít nhiều có yếu tố ước lệ (không - thời gian trời chiều, hình ảnh chim bay về núi,…)
- Bút pháp đối lập (cái hữu hạn và cái vô hạn, cái hữu hình và cái vô hình,…), đặc tả nội tâm (dùng từ ngữ chỉ tâm thế tồn tại của con người để miêu tả thế giới tự nhiên)</td><td>Dấu ấn phong cách cổ điển biểu hiện rõ nét qua:
- Thể thơ tứ tuyệt Đường luật, ngôn ngữ cô đọng, hàm súc.
- Thi liệu, hình ảnh có tính chất ước lệ (vầng trăng, mùa xuân, sông nước, khói sóng,…), có những hình ảnh có thể quan niệm là điển cố (yên bá thâm xứ)
- Bút pháp đồng nhất hình ảnh con người và vũ trụ.
- Nghệ thuật chấm phá, đặc tả của hội hoạ phương Đông</td></tr>
</table>
</td>
</tr>
<tr>
<td>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập

HS trao đổi theo cặp trong bàn:</td>
<td>4. Tổng kết

4.1. Nghệ thuật

- Cả 2 bài thơ viết bằng chữ Hán, theo thể thơ tứ tuyệt Đường luật: câu chữ cô đọng hàm súc, rất gần gũi với những bài thơ thời</td>
</tr>
</table>

- *Rút ra những nét đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của văn bản?* **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** Hoạt động thảo luận theo cặp. GV quan sát, khích lệ. **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận** HS trả lời câu hỏi, chia sẻ suy nghĩ. Gv quan sát, hỗ trợ, tư vấn **Bước 4: Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ** GV nhận xét đánh giá kết quả của các cá nhân, chuẩn hóa kiến thức.	Đường, thời Tống nhưng cũng rất hiện đại với tứ thơ độc đáo, nhiều hình ảnh gợi cảm, sáng tạo - Hình ảnh đặc sắc, sử dụng các phép đối, điệp gợi hình gợi cảm. **4.2. Nội dung** - Bài thơ *Mộ* cho thấy vẻ đẹp của một tâm hồn, một nhân cách lớn, vừa rất nghệ sĩ, vừa có bản lĩnh phi thường của người chiến sĩ vĩ đại. Đó là tình yêu thiên nhiên đến mê say và phong thái ung dung của Chủ tịch Hồ Chí Minh ngay trong cảnh ngục tù cực khổ, tối tăm. - Bài thơ *Nguyên tiêu* cho thấy sự giao hoà giữa tâm hồn người nghệ sĩ và người chiến sĩ. Trong bối cảnh đất nước gian nguy, nhà thơ bận bịu với việc quân việc nước nhưng vẫn luôn rộng mở đón nhận những thanh âm tươi mới của cuộc sống.

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: HS hiểu được kiến thức trong bài học để thực hiện bài tập GV giao.

b. Nội dung: Khái quát lại các đặc điểm thể loại của văn bản

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Nhiệm vụ: Trò chơi "Hái lộc đầu xuân"

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

HS trả lời một số câu hỏi trắc nghiệm nhanh thông qua trò chơi "Hái lộc đầu xuân".

Gợi ý nhóm câu hỏi:

Câu 1. Bài thơ *Mộ* và *Nguyên tiêu (bản phiên âm)* được viết theo thể thơ nào?

A. Thất ngôn tứ tuyệt Đường luật

B. Thất ngôn bát cú Đường luật

C. Thất ngôn trường thiên

D. Lục bát

Câu 2. Điểm chung về cách triển khai hình tượng thơ của hai bài thơ:

A. Từ con người đến thiên nhiên

B. Từ thiên nhiên đến con người

C. Thiên nhiên và con người song hành

D. Chỉ tập trung vào hình tượng thiên nhiên, con người lu mờ trước thiên nhiên.

Câu 3. Đáp án nào đúng khi nói về hoàn cảnh của nhân vật trữ tình trong bài *Mộ?*

A. Một người đi làm ăn xa quê

B. Một con người đang bàn việc quân, việc nước
C. Một con người yêu trăng
D. Một con người đang trong hoàn cảnh gông tù, xiềng xích
Câu 4. Bút pháp hội hoạ đặc sắc trong bài *Nguyên Tiêu* được thể hiện qua điều gì?
A. Đối lập giữa cái hữu hạn và vô hạn, thủ pháp "điểm nhãn"
B. Bút pháp tạo hình miêu tả bức tranh, thủ pháp "hư - thực"
C. Bút pháp tả cảnh ngụ tình
D. Cà A, B, C đều đúng.
Câu 5. Nhận định nào đúng khi khái quát về hoàn cảnh sáng tác của hai bài thơ?
A. Cả hai bài thơ đều được sáng tác khi nhà thơ đang bị bắt giam tại nhà tù Tưởng Giới Thạch.
B. Cả hai bài thơ đều được sáng tác khi nhà thơ đang lãnh đạo cuộc kháng chiến chống Pháp tại chiến khu Việt Bắc.
C. Bài thơ *Mộ* được sáng tác khi nhà thơ đang bị bắt giam trong nhà tù Tưởng Giới Thạch, còn bài *Nguyên tiêu* được sáng tác trong giai đoạn đầu của kháng chiến chống Pháp
D. Bài thơ *Nguyên tiêu* được sáng tác khi nhà thơ đang bị bắt giam trong nhà tù Tưởng Giới Thạch, còn bài *Mộ* được sáng tác trong giai đoạn đầu của kháng chiến chống Pháp
Câu 6. Hình ảnh *trăng đầy thuyền* trong bài *Nguyên tiêu* gợi cho chúng ta điều gì về mối tương quan giữa người chiến sĩ và người nghệ sĩ ở nhân vật trữ tình.
A. Người chiến sĩ và người nghệ sĩ tách biệt, không có sự tương quan
B. Người chiến sĩ là chính, người nghệ sĩ bị mờ nhạt trong hoàn cảnh đất nước lâm nguy
C. Người chiến sĩ và người nghệ sĩ hài hoà, đồng điệu
D. Người nghệ sĩ luôn thường trực, người chiến sĩ bị lu mờ trước cảnh đẹp của trăng
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ
- HS tham gia trò chơi.
- GV động viên, khích lệ.
Bước 3: Báo cáo, thảo luận
GV công bố đáp án đúng.
Bước 4: Kết luận, nhận định

GV công bố đội chiến thắng, chuẩn kiến thức.

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức bài học vào giải quyết bài tập thực tiễn.

b. Nội dung: HS làm bài tập sáng tạo

c. Sản phẩm: Chia sẻ của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV giao nhiệm vụ: Làm việc cá nhân

Yêu cầu: Nhà phê bình văn học Hoài Thanh nhận xét "*Thơ bác đầy trăng*". Hãy tìm những bài thơ khác của Bác viết về trăng và cho biết *trăng* trong bài *"Nguyên tiêu"* và hình ảnh trăng được thể hiện trong các bài thơ khác của Bác có gì đáng chú ý?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS suy nghĩ, làm việc cá nhân để hoàn thành nhiệm vụ.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

- GV cung cấp công cụ bảng kiểm đánh giá:

- GV gọi đại diện một số HS trình bày sản phẩm học tập của mình.

- Các HS khác lắng nghe, nhận xét theo bảng kiểm.

Bước 4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét và cho điểm HS.

Gợi ý:

- HS trình bày cách hiểu theo nhiều cách, đảm bảo đủ các ý sau:

- Nhận định của Hoài Thanh: Nhận xét của Hoài Thanh "Thơ bác đầy trăng" có thể hiểu là trong thơ bác có nhiều bài viết vẽ trăng và những cảnh trăng trong thơ của Người được miêu tả rất đẹp và đầy ấn tượng.
Các bài thơ tiêu biểu của Người viết về đề tài trăng như: *Rằm tháng giêng, Ngắm trăng (Vọng nguyệt), Trung thu, Đêm thu, Tin thắng trận, Cảnh khuya, ...*
- So với các sáng tác trên, trăng trong *Rằm tháng giêng* là vầng trăng tràn tràn đầy, ánh trăng lồng lộng tràn ngập cả bầu trời đầy ắp sắc xuân. Cuộc ngắm trăng trong *Vọng nguyệt* diễn ra trong khung cảnh tù đày giống như một cuộc ngắm trăng ở trong các bài thơ trong *Nhật kí trong tù*. Và có thể nói hình ảnh trăng ở mỗi bài thơ của bác mỗi khác. Trong *Cảnh khuya* là trăng đẹp tươi kì ảo giống như một bức tranh sơn mài lộng lẫy. Tất cả là do Hồ Chí Minh của một tâm hồn nghệ sĩ luôn rộng mở, giao hòa với trăng – một biểu tượng cho cái đẹp tuyệt vời, vĩnh cửu của vũ trụ.

HƯỚNG DẪN HỌC Ở NHÀ:

- Vẽ sơ đồ tư duy về các đơn vị kiến thức của bài học.
- Tìm đọc thêm tác phẩm thơ trữ tình của Hồ Chí Minh
- Chuẩn bị: Văn bản 5: *Những trò lố hay là Va-ren và Phan Bội Châu* (Nguyễn Ái Quốc)

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Sách giáo khoa, SGV Ngữ văn 12 Kết nối tri thức với cuộc sống, tập 2
- Nội dung công văn 5512/BGD-ĐT.
- Nội dung modul 1,2,3 được tập huấn.
- Một số tài liệu, hình ảnh trên mạng internet.

RÚT KINH NGHIỆM

Tiết: 60,61 VĂN BẢN 5:

NHỮNG TRÒ LỐ HAY LÀ VA-REN VÀ PHAN BỘI CHÂU

- Nguyễn Ái Quốc -

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

- HS vận dụng được những hiểu biết về tác gia Hồ Chí Minh để đọc hiểu một truyện ngắn của Người; nhận biết và phân tích được quan điểm nghệ thuật của tác giả và những giá trị lịch sử văn hoá thể hiện trong tác phẩm.

- HS vận dụng được kinh nghiệm đọc, trải nghiệm cuộc sống và tri thức văn học để đánh giá, phê bình, thể hiện cảm xúc, suy nghĩ cá nhân về một truyện ngắn hiện đại.

- HS biết nhận xét nội dung bao quát của văn bản, phân tích được các chi tiết tiêu biểu; biết đặt tác phẩm trong bối cảnh sáng tác và bối cảnh hiện tại để có đánh giá phù hợp.

- HS có lòng ngưỡng mộ, học tập những con người biết xả thân vì đất nước, dân tộc.

2. Phẩm chất

HS có lòng ngưỡng mộ, học tập những con người biết xả thân vì đất nước, dân tộc.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Học liệu: Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập.
2. Thiết bị: Máy chiếu, bảng, dụng cụ khác nếu cần.

III.TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Kết nối tri thức cũ. Tạo hứng thú. Tạo ra mâu thuẫn nhận thức.

b. Nội dung hoạt động: Trò chơi ô chữ

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ Hãy chia sẻ những hiểu biết của em về Phan Bội Châu và Va-ren. **Bước 2 + 3: Thực hiện nhiệm vụ và báo cáo** - HS nghe câu hỏi, đưa ra câu trả lời **Bước 4: Đánh giá, kết luận** **Gợi ý sản phẩm:** * Phan Bội Châu: - Tiểu sử: +Tên thật là Phan Văn San, hiệu Sào Nam. + Quê: huyện Nam Đàn, Nghệ An. + Ông nổi tiếng thông minh từ nhỏ, sớm nung nấu con đường cứu nước theo tư tưởng mới. + 1904, ông cùng 20 chiến sĩ thành lập hội Duy tân chống Pháp. + 1905, ông là người mở đường cho phong trào Đông Du, thành lập Việt Nam Quang phục hội + 1925, ông bị thực dân Pháp bắt và kết án tù chung thân * Sự nghiệp văn học: - Ông là cây bút suất sắc của văn chương Cách mạng. Các tác phẩm chính: "Việt Nam vong quốc sử", "Hải ngoại huyết thư", "Ngục trung thư", "Trùng Quang tâm sử", "Phan Sào Nam văn tập", "Phan Bội Châu niên biểu",…. - Phong cách sáng tác: Văn chương ông có hình thức cổ điển nhưng vẫn mới mẻ. Đó là vũ khí để tuyên truyền cổ động, thơ văn ông đã làm rung động biết bao con tim yêu nước. * **Alexandre Varenne** *(phiên âm tiếng việt: A-lếc-xăng Va-ren)*, (1870 - 1947) là một nhà báo và chính trị gia người Pháp. Ông cũng là người sáng lập tờ báo *La Montagne*. - Ông sinh tại Clermont-Ferrand, Pháp, sang nhậm chức Toàn quyền ở Đông Dương vào ngày 28 tháng 07 năm 1925 lúc 55 tuổi.	- Câu trả lời của HS

- Ông từng là đảng viên Đảng Xã hội Pháp. Khi toàn quyền Merlin bị nhà cách mạng Phạm Hồng Thái thuộc Việt Nam Quang phục hội giết hụt ở Sa Diện, Quảng Đông (Trung Quốc) thì Paris cử Varenne sang chấp chính hầu xoa dịu tình hình ở Đông Dương. ***GV dẫn vào bài:*** Phan Bội Châu và Va-ren là hai nhân vật chính của truyện ngắn *Những trò lố hay là Va-ren và Phan Bội Châu* - một trong những truyện ngắn tiêu biểu của Nguyễn Ái Quốc. Và đó cũng chính là truyện ngắn mà cô trò chúng ta cùng tìm hiểu trong bài học hôm nay!	

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

2.1. Đọc và tìm hiểu chung

a. Mục tiêu:

- Nắm được những nét chung về tác phẩm *Những trò lố hay là Va-ren và Phan Bội Châu*
- Biết đọc hiểu một truyện ngắn qua văn bản *Những trò lố hay là Va-ren và Phan Bội Châu*

b. Nội dung hoạt động: HS chuẩn bị trước ở nhà, thảo luận cặp đôi để tìm hiểu kiến thức chung về tác phẩm và đoạn trích.

c. Sản phẩm: Phiếu học tập.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Yêu cầu cần đạt/ Dự kiến sản phẩm
Bước 1: GV giao nhiệm vụ (1) Hướng dẫn HS đọc truyện: Giọng đọc rõ ràng, dứt khoát, đôi chỗ mỉa mai, chế nhạo; chú ý lời đối thoại của các nhân vật, và thái độ của người kể. - Gv yêu cầu một số HS đọc VB. (2) Dựa vào sự hiểu biết của bản thân và thông tin trong sgk, các em hãy giới thiệu với bạn bên cạnh em những nét cơ bản nhất về truyện ngắn *Những trò lố hay là Va-ren và Phan Bội Châu* **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 01** - Giới thiệu các thông tin cơ bản về tác phẩm *Những trò lố hay là Va-ren và Phan Bội châu* (xuất xứ, hoàn cảnh sáng tác, thể loại, ...) Xuất xứ Hoàn cảnh sáng tác Thể loại **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** - HS đọc VB - HS trao đổi đưa ra câu trả lời - GV quan sát HS. **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**	**I. Đọc và tìm hiểu chung** **1. Đọc, tìm hiểu từ khó** **2. Tìm hiểu chung** **a. Tác giả:** Nguyễn Ái Quốc, tên gọi của Hồ Chí Minh, lúc Người hoạt động cách mạng tại Pháp. **b. Truyện ngắn *Những trò lố hay là Va-ren và Phan Bội Châu*** - **Xuất xứ**: được tác giả viết bằng tiếng Pháp, đăng trên báo *Người cùng khổ (Le Paria)*, số 36 - 37, tháng 9, 10/2025 với bút danh Nguyễn Ái Quốc - **Hoàn cảnh sáng tác:** Tác phẩm ra đời trong một hoàn cảnh đặc biệt: + Năm 1925, ở Việt Nam, phong trào yêu nước chống thực dân Pháp có những hoạt động sôi nổi. Phan Bội Châu, một chí sĩ yêu nước bị chính quyền thực dân Pháp bắt cóc ngày 30/6/1925 tại Thượng Hải (Trung Quốc) rồi giải về Việt Nam để kết án tử hình. Sự kiện này đã làm dấy lên phong trào đấu tranh đòi thả Phan Bội Châu phát triển trong cả nước Việt Nam, sẵn sàng gây sức ép lớn cho chính quyền thực dân Pháp ở Đông Dương. Trong khi đó, Va-ren từng là Đảng viên Đảng xã hội Pháp nhưng bị cho là đã phản bội quyền lợi của giai cấp công

- GV gọi 1-2 HS giới thiệu về tác giả, tác phẩm trước lớp - HS khác bổ sung **Bước 4: Đánh giá, kết luận** GV nhận xét, chốt kiến thức	nhân để leo lên những chức vụ cao. Khi toàn quyền Méc-lanh (Merlin) bị nhà yêu nước Phạm Hồng Thái giết hụt ở Sa Diện, Quảng Đông (Trung Quốc) thì Chính phủ Pháp cử Va-ren đảm nhiệm chức vụ Toàn quyền Đông Dương để xoa dịu tình hình. + Lúc này, Nguyễn Ái Quốc cùng một số nhà hoạt động cách mạng của các nước thuộc địa đnag tích cực tuyên truyền chống chủ nghĩa thực dân trên các diễn đàn công khai, ngay tại Pa-ri (Paris). Ra đời từ tháng 4/1922, báo *Người cùng khổ,* ra hằng tháng, mỗi số in hàng ngàn bảng, là "diễn đàn của nhân dân các nước thuộc địa", đăng tải những bài viết tố cáo tội ác của chủ nghĩa thực dân và kêu gọi nhân dân các nước thuộc địa đoàn kết đấu tranh. Là một trong những người sáng lập, kiêm chủ nhiệm và chủ bút, Nguyễn Ái Quốc đã đăng khoảng 40 bài trên tờ báo tiếng Pháp này. + Trước những sự kiện quan trọng của phong trào cách mạng Việt Nam khi ấy, Nguyễn Ái Quốc đã kể một câu chuyện đậm chất trào lộng, "bằng đôi cánh của trí tưởng tượng", để góp tiếng nói từ thủ đô Pháp ủng hộ phong trào đấu tranh đòi thả Phan Bội Châu ở Việt Nam. **- Thể loại:** Truyện ngắn

2. 2. Khám phá văn bản

a. Mục tiêu:

- Nhận biết, phân tích và đánh giá được một số yếu tố về hình thức (các chi tiết tiêu biểu, sự kết nối giữa lời người kể chuyện và lời nhân vật, ngôn ngữ, giọng điệu); nội dung (đề tài, chủ đề, tư tưởng, triết lí nhân sinh; cảm hứng trào lộng) của truyện ngắn *Những trò lố hay là Va-ren và Phan Bội Châu;*

- Phân tích được quan điểm, tài năng viết truyện ngắn của Nguyễn Ái Quốc.

- Nêu được ý nghĩa, tác động của văn bản văn học trong việc làm thay đổi suy nghĩ, tình cảm, cách nhìn và cách đánh giá của cá nhân đối với văn học và cuộc sống.

b. Nội dung hoạt động: HS chuẩn bị trước ở nhà, thảo luận cặp đôi để tìm hiểu kiến thức chung về tác phẩm và đoạn trích.

c. Sản phẩm: Phiếu học tập.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Yêu cầu cần đạt/ Dự kiến sản phẩm

Nhiệm vụ 1. Hướng dẫn HS tìm hiểu bố cục, cốt truyện và tình huống truyện *Vi hành*

HĐ cặp đôi

GV giao nhiệm vụ: Em hãy đọc lướt truyện để xác định các nội dung yêu cầu của tác phẩm theo phiếu học tập số 02:

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 02

1. Nêu nội dung cơ bản của mỗi phần trong văn bản.
2. Truyện viết về những sự việc gì và có những nhân vật nào?
3. Tình huống của truyện *Những trò lố hay là va-ren và Phan Bội Châu* độc đáo như thế nào?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS tiến hành đọc cá nhân.
- Xác định bố cục và nội dung của mỗi phần, chỉ ra các nhân vật, nhận xét về tình huống truyện theo các cặp.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- Đại diện các cặp nêu lên thứ tự các bố cục, nhân vật, tình huống truyện (GV gọi từ 2-3 HS)

Bước 4: Đánh giá, kết luận

- GV nhận xét, chốt kiến thức

Nhiệm vụ 2. Tìm hiểu cảm hứng trào lộng thể hiện qua tác phẩm

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

HĐ cá nhân

II. Đọc hiểu văn bản

1. Bố cục, cốt truyện và tình huống truyện

a. Bố cục:

Phần	Nội dung mạch truyện
1 Từ đầu đến "giam trong tù"	Mở đầu
2 Từ "Đến Sài Gòn" đến "vẫn nằm tù"	Trò lố 1: Va-ren tuần du Sài Gòn
3 Từ "Từ Sài Gòn" đến "vẫn nằm tù"	Trò lố 2: Triều đình Huế nghênh tiếp Va-ren
4 Từ "Nhưng chúng ta" đến 'hiểu Phan Bội Châu"	Trò lố 3: Va-ren vào nhà giam thuyết phục Phan Bội Châu hợp tác.
5 Từ "Cuộc gặp gỡ" đến hết	Kết thúc

- Cốt truyện:

+ Sự việc chính:

Truyện viết về sự việc Va-ren sang An Nam nhậm chức Toàn quyền Đông Dương và cuộc gặp gỡ với Phan Bội Châu.

+ Nhân vật:

++ Nhân vật chính: Va-ren và Phan Bội Châu

++ Nhân vật phụ: dân chúng và triều đình An Nam.

- Tình huống truyện: Cuộc gặp gỡ của Va-ren - Toàn quyền Đông Dương và Phan Bội Châu - tù nhân, chí sĩ yêu nước.

2. Cảm hứng trào lộng thể hiện qua tác phẩm

a. Khái niệm cảm hứng trào lộng

- Cảm hứng trào lộng gắn với sự thôi thúc bên trong của người viết muốn bóc trần thực chất của sự vật, sự việc trên một phương diện nào đó bằng tiếng cười gồm nhiều sắc thái.
- Cảm hứng trào lộng được thể hiện khác nhau tuỳ theo phong cách nghệ thuật của từng nhà văn và tuỳ theo thể loại được sử dụng.

b. Biểu hiện của cảm hứng trào lộng qua tác phẩm

- Nhan đề: hạ bệ một sự kiện chính trị thành "những trò lố"nực cười.
- Xây dựng tình huống: tưởng tượng về cuộc gặp gỡ giữa hai bên, hai lực lượng đối địch.
- Xây dựng nhân vật: dựng một chân dung hí hoạ về quan toàn quyền Đông Dương.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 03

Tìm hiểu cảm hứng trào lộng được thể hiện qua tác phẩm

- Nêu khái niệm cảm hứng trào lộng.

- Hoàn thiện các phương diện thể hiện cảm hứng trào lộng bằng việc hoàn thiện sơ đồ sau:

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS trao đổi, thực hiện nhiệm vụ

GV quan sát, khích lệ HS

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

GV gọi 1 nhóm đại diện trình bày

Các nhóm khác nhận xét, bổ sung

Bước 4: Đánh giá, kết luận

GV nhận xét, chốt kiến thức

Nhiệm vụ 3. Hướng dẫn HS tìm hiểu chân dung hí hoạ của quan toàn quyền Đông Dương Va-ren

HĐ nhóm

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

GV giao nhiệm vụ chung cho 3 nhóm.

PHT 04

Nhóm 1, 2: Tìm hiểu lời hứa của Va-ren, tìm hiểu Va-ren và dân chúng, Va-ren và triều đình An Nam

1. Lời hứa của Va-ren:

- Lời hứa của Va-ren:……

- Thực chất của lời hứa:……

- Lời bình của tác giả:

=> Nhận xét:……..

2. Va-ren và dân chúng

- Hành động "tuần du" của Va-ren thể hiện…..

- Ngôn ngữ, giọng điệu: châm biếm, giễu nhại.

3. Chân dung hí hoạ của quan toàn quyền Đông Dương Va-ren

- Lời hứa của Va-ren với Phan Bội Châu

+ Lời hứa của Va-ren: Va-ren nửa chính thức hứa sẽ chăm sóc vụ Phan Bội Châu

=> Lời hứa mập mờ, chứa đựng sự hài hước, lố bịch.

+ Thực chất của lời hứa: ngài chỉ muốn chăm sóc đến khi nào ngài yên vị thật xong xuôi bên ấy đã.

=> Coi lời hứa không quan trọng bằng việc ổn định công việc, địa vị của mình.

+ Lời bình của tác giả: liệu quan Toàn quyền Pháp Va-ren sẽ "chăm sóc" vụ ấy vào lúc nào và ra làm sao.

=> Sử dụng hàng loạt các từ nghi vấn, qua đó cho thấy thái độ mỉa mai, giễu cợt của tác giả.

- Va-ren và dân chúng:

+ Va-ren đi "tuần du" Sài Gòn => "tuần du" vốn là hoạt động của nhà vua, được tác giả gắn với hoạt động của Va-ren để tỏ ý châm biếm, xem Va-ren chẳng khác gì một ông vua ở xứ thuộc địa.

+ Trong cuộc tuần du, Va-ren thấy cái huyền diệu của một thành phố Đông Dương: những culi xe kéo xe tay phóng cật lực…, những quả dưa hấu bổ phanh…những xâu lạp xưởng lủng lẳng, cái rốn một chú khách, một viên quan uể oải bước qua =>

- Trong cuộc "tuần du", cái nhìn của Va-ren với thành phố Đông Dương……..
- Thái độ của dân chúng:……
=> Nhận xét:……
3. Va-ren và triều đình An Nam
- Sự nghênh tiếp của triều đình An Nam:……
- Nhận xét:

PHT 05
Nhóm 3, 4: Cuộc gặp gỡ của Va-ren và Phan Bội Châu
Tìm hiểu sự tương phản giữa Va-ren và Phan Bội Châu bằng cách hoàn thiện bảng sau:

	Va-ren	**Phan Bội Châu**
Địa vị		
Tiểu sử/lai lịch		
Hành vi		
Lời nói		
Thái độ		

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ
HS trao đổi, thực hiện nhiệm vụ
GV quan sát, khích lệ HS
Bước 3: Báo cáo, thảo luận
GV gọi 1 nhóm đại diện trình bày
Các nhóm khác nhận xét, bổ sung
Bước 4: Đánh giá, kết luận
GV nhận xét, chốt kiến thức

Dưới con mắt của Va-ren, quang cảnh lộn xộn, nhốn nháo, mông muội

+ Dân chúng: sự chỉ trỏ, lời nói cho thấy Va-ren mang tướng mạo bất lương, trang phục kì dị.

=> Châm biếm trò tuần du lố bịch của Va-ren.

- Va-ren và triều đình An Nam: Triều đình An Nam nghênh tiếp Va-ren một cách long trọng: thăm hoàng cung, dự yến, tặng thưởng

=> Sự nhu nhược của triều đình phong kiến và sự hợm hĩnh của Va-ren đã tạo nên cảnh lố bịch trong truyện.

- Cuộc gặp gỡ của Va-ren và Phan Bội Châu:

Tác giả sử dụng thủ pháp tương phản giữa hai nhân vật Va-ren và Phan Bội Châu:

	Va-ren	**Phan Bội Châu**
Địa vị	Toàn quyền Đông Dương	Tù nhân
Tiểu sử/ Lai lịch	Đảng viên Đảng Xã hội Pháp	Chí sĩ yêu nước chống thực dân pháp
Hành vi	- Hứa "sẽ chăm sóc vụ Phan Bội Châu". - Tuần du Sài Gòn. - Dự yến, nhận tưởng lệ. - Vào xà lim "tay phải giơ ra bắt tay Phan Bội Châu, còn tay trái thì nâng cái gông to kệch đang xiết chặt Phan Bội Châu"	Nằm tù
Lời nói	- Dài dòng "Tôi đem…Toàn quyền…!"	Im lặng

<table>
<tr>
<td></td>
<td>
<table>
<tr><td></td><td>- Lập luận nguỵ biện xảo trá, chơ chẽn.</td><td></td></tr>
<tr><td>Thái độ</td><td>Kẻ cả, ngạo nghễ: “Tôi biết rõ”, “ông nghe tôi”, “ông hãy nhìn tôi”,…</td><td>- Dửng dưng

- Khinh bỉ (nhếch mép, nhổ vào mặt)</td></tr>
</table>

=> Nhận xét chung:

- Va-ren là kẻ gian trá, lố bịch đại diện cho thực dân Pháp ở Đông Dương.

- Phan Bội Châu kiên cường, bất khuất, xứng đáng là bậc anh hùng, vị thiên sứ, đấng xả thân vì độc lập, tiêu biểu cho khí phách của dân tộc Việt Nam.
</td>
</tr>
<tr>
<td>Nhiệm vụ 4: Tìm hiểu một số đặc điểm về nghệ thuật trần thuật của truyện
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:
GV giao nhiệm vụ:
GV chia lớp làm 3 nhóm.
- Nhóm 1: Tìm hiểu về điểm nhìn: Câu chuyện tưởng tượng về việc Va-ren sang Việt Nam nhậm chức và gặp Phan Bội Châu được kể từ những điểm nhìn nào? Việc tạo ra sự đa dạng về điểm nhìn có tác dụng gì?
- Nhóm 2: Nêu cảm nhận về ngôn ngữ, giọng điệu của tác phẩm.
- Nhóm 3: Phần kết thúc của truyện độc đáo ở những phương diện nào? (Gợi ý: Lạ, mở, bất ngờ).
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ
HS trao đổi, thực hiện nhiệm vụ
GV quan sát, khích lệ HS
Bước 3: Báo cáo, thảo luận
GV gọi 1 nhóm đại diện trình bày
Các nhóm khác nhận xét, bổ sung
Bước 4: Đánh giá, kết luận
GV nhận xét, chốt kiến thức</td>
<td>4. Một số đặc điểm về nghệ thuật trần thuật của truyện

a. Điểm nhìn

- Câu chuyện được kể từ nhiều điểm nhìn khác nhau: điểm nhìn của người kể chuyện, điểm nhìn của nhân vật (Va-ren, dân chúng, anh lính dõng, nhân chứng thứ hai):

+ Phần 1: Ngôi kể vô nhân xưng kết hợp với ngôi kể “chúng ta” thể hiện điểm nhìn của độc giả và những người cùng chí hướng đang hoạt động ở Pa-ri.

+ Phần 2: Câu chuyện được tiếp nối với nhiều điểm nhìn: điểm nhìn của Va-ren (lần đầu tiên được thấy một thành phố Đông Dương); điểm nhìn của người quan sát và kể chuyện (“Bỗng tất cả dừng lại…”); điểm nhìn của đám đông dân chúng (“Gì thế nhỉ?…điểm nhìn của chú bé con, chị con gái, anh sinh viên, bác cu li xe, nhà Nho.

+ Phần 3: Ngôi thứ 3 (vô nhân xưng) - điểm nhìn của người kể chuyện.

+ Phần 4: Ngôi thứ nhất (“chúng ta”) - điểm nhìn của tác giả</td>
</tr>
</table>

	+ Phần 5: Điểm nhìn của người kể chuyện, điểm nhìn của anh lính dõng, điểm nhìn của "nhân chứng thứ hai". => Việc tạo ra sự đa dạng về điểm nhìn làm cho câu chuyện được kể một cách tự nhiên, sinh động, gợi ra nhiều tầng nghĩa. Chẳng hạn: Từ điểm nhìn của Va-ren, xứ thuộc địa hiện diện toàn những cảnh "nhốn nháo", mông muội. Nhưng từ điểm nhìn của người dân Việt Nam thì Va-ren mang tướng mạo bất lương, trang phục kì dị,…Qua đó, tình trạng xung đột giữa các lực lượng xã hội hiện ra cụ thể và khách quan hơn là chỉ tường thuật từ điểm nhìn của người kể chuyện. **b. Ngôn ngữ, giọng điệu** Lời văn châm biếm đã góp phần làm nên màu sắc trào lộng độc đáo của tác phẩm: - Nhại: "sẽ chăm sóc vụ Phan Bội Châu". - Ngôn ngữ miêu tả mang sắc thái châm biếm: "hai con mắt của ông Va-ren được thấy hiển hiện cái huyền diệu của một thành phố Đông Dương"; "đôi bàn chân trần giẫm lạch bạch trên mặt đường nóng bỏng"; "những quả dưa hấu bổ phanh đỏ lòm lòm"; 'những xâu lạp xưởng lủng lẳng dưới mái hiên". - Nói mỉa: "ông Va-ren đã nửa chính thức hứa". - Trùng điệp: "vẫn bị giam trong tù", "vẫn nằm tù",… - Nghịch ngữ: "Ông hứa thế; giả thử cứ cho rằng một vị Toàn quyền Đông Dương mà lại biết giữ lời hứa đi chăng nữa, thì chúng ta vẫn được phép tự hỏi". - Chơi chữ: "những vị ấy, ngày nay lừng danh cả, đều đã lần lượt đốt cháy những cái mà mình đã tôn thờ và đang tôn thờ những cái mà mình đã tôn thờ. => Lời văn châm biếm đã góp phần làm nên màu sắc trào lộng độc đáo của tác phẩm: **c. Phần kết thúc truyện độc đáo** Phần kết thúc độc đáo trên nhiều phương diện: - Lạ: Hiển thị trên văn bản thành một đoạn riêng biệt rồi lại được nối dài thêm bằng đoạn "T.B. - Một nhân chứng thứ hai…" T.B. = tái bút/viết

	thêm, tưởng như không quan trọng, thường chỉ thấy trong thư từ trao đổi cá nhân. - Mở: Gia tăng nhân vật trần thuật và điểm nhìn (anh lính dõng và nhân chứng thứ hai). Với cách làm này, người viết có thể tiếp tục tăng thêm nhân vật trần thuật (nhân chứng thứ ba, tư…) để mở thêm những điểm nhìn và những tình huống khác giúp cho việc diễn tả chủ đề sâu sắc và thú vị hơn. Phần kết thúc có thể mở rộng như vậy là vì ở phần trên, tác giả đã lưu ý về "đôi cánh của trí tưởng tượng", chuẩn bị tâm thế cho việc trình bày những chi tiết hư cấu, bất ngờ. - Bất ngờ: Những chi tiết ở phần kết thúc đã tiếp nối với đoạn trên để diễn tả phản ứng của Phan Bội Châu đối với Va-ren thành một chuỗi tăng tiến (im lặng - dửng dưng - nhếch mép, cười ruồi - nhổ vào mặt) mà hành động thể hiện sự khinh bỉ, căm phẫn cao độ. Hành động này cho thấy khí phách phi phàm của Phan Bội Châu trước Toàn quyền Đông Dương, diễn ra xung đột quyết liệt giữa những người yêu nước ở xứ thuộc địa và chính quyền thực dân.
4. Nhiệm vụ 5. Tìm hiểu quan điểm nghệ thuật của Hồ Chí Minh và những giá trị lịch sử văn hoá thể hiện trong tác phẩm **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** **HĐ cá nhân** Quan điểm nghệ thuật của Hồ Chí Minh được thể hiện như thế nào trong tác phẩm *Những trò lố hay là Va-ren và Phan Bội Châu?* Cho biết giá trị lịch sử văn hoá của tác phẩm này. **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** HS trao đổi, thực hiện nhiệm vụ GV quan sát, khích lệ HS **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** GV gọi 1-2 HS trả lời. Các HS khác nhận xét, bổ sung **Bước 4: Đánh giá, kết luận** GV nhận xét, chốt kiến thức.	**5. Quan điểm nghệ thuật của Hồ Chí Minh và những giá trị lịch sử văn hoá thể hiện trong tác phẩm** Câu chuyện đã vạch trần sự giả dối nguỵ biện của chế độ thực dân, ủng hộ phong trào đòi thả Phan Bội Châu; thể hiện quan điểm đấu tranh cách mạng là tất yếu để giành lại độc lập, tự do và tiêu diệt những kẻ huênh hoang, hợm hĩnh, đàn áp, bóc lột nhân dân ta. => Qua đó, tác giả ca ngợi dũng khí, sự khảng khái, bình tĩnh của Phan Bội Châu trước Va-ren và chế nhạo sự ngạo nghễ, lố bịch, nguỵ biện của kẻ thù.

2.3. Tổng kết

a. Mục tiêu:

- Đánh giá được giá trị nghệ thuật, nội dung, ý nghĩa cơ bản của truyện *Những trò lố hay là Va-ren và Phan Bội Châu*

b. Nội dung hoạt động: thảo luận cặp đôi để đánh giá, khái quát
c. Sản phẩm: Phiếu học tập.
d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Yêu cầu cần đạt/Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: - GV nêu yêu cầu: + Vẽ sơ đồ tư duy khái quát về giá trị nội dung và nghệ thuật của tác phẩm (theo mẫu) **Bước 2 + 3: Thực hiện nhiệm vụ, báo cáo** - HS thực hiện nhiệm vụ theo cặp - Trả lời câu hỏi **Bước 4: Đánh giá, kết luận** GV nhận xét, chốt kiến thức.	**III. Tổng kết** **1. Nghệ thuật** - **Nghệ thuật tương phản:** Tác phẩm sử dụng nghệ thuật tương phản một cách thành công để làm nổi bật tính cách của hai nhân vật. Sự tương phản giữa sự xảo quyệt, hèn hạ của Va-ren và sự cương trực, bất khuất của Phan Bội Châu tạo nên một sức hút mạnh mẽ. - **Ngôn ngữ sắc sảo, giàu hình ảnh:** Ngôn ngữ của tác phẩm sắc sảo, giàu hình ảnh, tạo nên những ấn tượng sâu sắc trong lòng người đọc. - **Cấu trúc chặt chẽ:** Tác phẩm có cấu trúc chặt chẽ, logic, diễn biến câu chuyện hợp lý, tạo nên một tổng thể hoàn chỉnh. - **Sử dụng biện pháp nghệ thuật trào lộng:** Tác giả đã sử dụng biện pháp nghệ thuật trào lộng để bộc lộ thái độ khinh bỉ đối với kẻ thù, đồng thời làm nổi bật sự dũng cảm của người anh hùng dân tộc. **2. Nội dung** **Từ việc khắc hoạ hình tượng hai nhân vật đối lập là Va-ren -** Đại diện cho kẻ thù, là hình ảnh của một kẻ tham vọng, xảo quyệt, luôn tìm cách mua chuộc, dụ dỗ những người yêu nước và **Phan Bội Châu - l**à biểu tượng của người anh hùng dân tộc, với ý chí sắt đá, lòng yêu nước nồng nàn, sẵn sàng hy sinh vì độc lập dân tộc, tác giả đã tái hiện một cách sinh động cuộc đấu tranh chống thực dân của nhân dân ta**. Qua đó, Người** lên án tội ác của thực dân Pháp, phơi bày bộ mặt xảo quyệt, tàn bạo của chúng; đồng thời c**a ngợi tinh thần yêu nước, bất khuất của dân tộc.**

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP
a. Mục tiêu: HS hiểu được kiến thức trong bài học để thực hiện bài tập GV giao.
b. Nội dung: HS đọc văn bản, trả lời câu hỏi và viết tích cực.
c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS.
d. Tổ chức thực hiện:
Bước 1: GV giao nhiệm vụ
Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) trình bày cảm nhận, suy nghĩ của mình về một thủ pháp trào lộng đã được tác giả sử dụng trong tác phẩm *Những trò lố hay là Va-ren và Phan Bội Châu.*
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ
HS lập dàn ý tại lớp
HS hoàn chỉnh đoạn văn ở nhà
Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- HS báo cáo dàn ý ở trên lớp
- HS báo cáo sản phẩm hoàn thiện vào tiết học sau hoặc buổi chiều.

Bước 4: Kết luận, nhận định

Học sinh tự đánh giá điểm bài viết theo Rubric (ở nhà)

Rubric đánh giá đoạn văn

Tiêu chí	**Mô tả tiêu chí**	**Điểm**
Hình thức	- Đảm bảo hình thức và dung lượng của đoạn văn (khoảng 150 chữ)	**0,5**
	- Không đảm bảo yêu cầu về hình thức và dung lượng của đoạn văn	**0**
Nội dung	Trình bày cảm nhận, suy nghĩ về một thủ pháp trào lộng đã được tác giả sử dụng trong tác phẩm *Những trò lố hay là Va-ren và Phan Bội Châu.*	
	Giới thiệu về thủ pháp trào lộng trong truyện ngắn "*Vi hành*" của Nguyễn Ái Quốc.	**1**
	- HS có thể lựa chọn một thủ pháp nghệ thuật mà mình thấy ấn tượng nhất để phân tích và lí giải như: đối lập, nhại, chơi chữ, trùng điệp, nói mỉa,… Ví dụ: + Thủ pháp nói mỉa: "ông Va-ren đã nửa chính thức hứa", mỉa mai lời hứa của ông Va-ren; "rậm râu, sâu mắt", chỉ Va-ren là đồ bất lương,… + Thủ pháp đối lập: giữa địa vị, lời nói, thái độ, hành động, cử chỉ của Va-ren và Phan Bội Châu. Qua đó, chế giễu sự kệch cỡm, xảo trá của Va-ren và ca ngợi chí khí quật cường của Phan Bội Châu. - Tác dụng của việc sử dụng thủ pháp trào lộng: + Tạo tiếng cười châm biếm sâu cho tác phẩm. + Khắc hoạ sự tương phản giữa hai nhân vật; Va-ren - Toàn quyền Đông Dương và Phan Bội Châu - người chí sĩ yêu nước. + Gửi gắm quan điểm của nhà văn: Chế giễu, phê phán sự lố bịch, gian trá, xảo quyệt của Va-ren nói riêng và thực dân Pháp nói chung; đồng thời ca ngợi tinh thần bất khuất, kiên cường những người chí sĩ yêu nước.	**3,5** **3,5**
Chính tả, ngữ pháp	Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.	**0,5**
Sáng tạo	Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề; có cách diễn đạt mới mẻ, phối hợp các phương thức biểu đạt,...	**1,0**

4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học về truyện ngắn giải quyết một tình huống cụ thể.

b. Nội dung: HS sáng tác đóng một màn kịch, vẽ một cảnh ấn tượng trong tác phẩm *Những trò lố hay là Va-ren và Phan Bội Châu*

c. Sản phẩm: kịch, tranh của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

Lớp chia thành 2 nhóm: GV cho HS lựa chọn một trong hai nhiệm vụ sau:

+ Nêu ý tưởng vẽ minh họa cho một nội dung trong truyện *Những trò lố hay là Va-ren và Phan Bội Châu*. Thuyết trình về bức tranh đó.

+ Sân khấu hóa một nội dung trong truyện *Những trò lố hay là Va-ren và Phan Bội Châu*

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS phân công nhiệm vụ cho các thành viên trong nhóm.

- Hoàn thành sản phẩm học tập đúng thời hạn.

Bước 3: Báo cáo kết quả

HS báo cáo vào tiết học buổi chiều.

Bước 4: Đánh giá, kết luận.

GV cung cấp Rubric đánh giá sản phẩm học tập nhóm:

Nhiệm vụ	Mức 1	Mức 2	Mức 3
- Vẽ minh họa cho một nội dung trong truyện *Những trò lố hay là Va-ren và Phan Bội Châu* **(5 điểm)** - Thuyết trình về bức tranh **(5 điểm)**	- Các nét vẽ chưa đẹp và bức tranh còn đơn điệu về hình ảnh, màu sắc. **(1 - 2,5 điểm)** - Thuyết trình chưa tự tin, chưa lột tả được hết vẻ đẹp của quê hương thể hiện qua bức tranh. **(1 - 2,5 điểm)**	- Các nét vẽ đẹp nhưng bức tranh chưa thật phong phú. **(2 - 3,5 điểm)** - Thuyết trình tự tin, về cơ bản thể hiện được những cảnh vẽ trong bức tranh nhưng chưa thật ấn tượng, chưa có điểm nhấn **(2 – 3,5 điểm)**	-Bức tranh với nhiều đường nét đẹp, phong phú, hấp dẫn. **(4 - 5 điểm)** - Thuyết trình tự tin, thể hiện được những cảnh vẽ trong bức tranh về quê hương thật ấn tượng, để lại dấu ấn sâu đậm trong lòng người người nghe. **(4 - 5 điểm)**
Sân khấu hóa một nội dung trong truyện *Những trò lố hay là Va-ren và Phan Bội Châu* **(10 điểm)**	Đoạn kịch thể hiện được một nội dung trong truyện nhưng nội dung sơ sài, lời thoại, biểu cảm của nhân vật chưa thật phù hợp với nội dung **(5 – 6 điểm)**	Đoạn kịch thể hiện được một nội dung trong truyện có nội dung, lời thoại, biểu cảm của nhân vật tương đối đảm bảo yêu cầu, tuy nhiên chưa có điểm nhấn thật ấn tượng, đặc sắc. **(7 – 8 điểm)**	Đoạn kịch thể hiện được một nội dung trong truyện lời thoại, biểu cảm của nhân vật sắc nét; ăn ý, nội dung phù hợp, có nhiều điểm nhấn ấn tượng, tạo dấu ấn sâu đậm trong lòng người xem. **(9 - 10 điểm)**

HƯỚNG DẪN HỌC Ở NHÀ

- Vẽ sơ đồ tư duy về các đơn vị kiến thức của bài học.
- Tìm đọc thêm một số truyện ngắn của Nguyễn Ái Quốc để đọc và tìm hiểu về tác phẩm
- Hoàn thành bài tập ở phần vận dụng: vẽ một cảnh ấn tượng, hoặc sân khấu hóa một nội dung trong truyện *Những trò lố hay là Va-ren và Phan Bội Châu*

- **Chuẩn bị bài:** Thực hành đọc: *Vọng nguyệt* (*Ngắm trăng), Cảnh khuya*

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Sách giáo khoa, SGV Ngữ văn 12 *Kết nối tri thức với cuộc sống*, tập 2
- Nội dung công văn 5512/BGD-ĐT.
- Nội dung modul 1,2,3,9 được tập huấn.
- Một số tài liệu, hình ảnh trên mạng internet.

RÚT KINH NGHIỆM

.....
.....
.....

Ngày soạn:
Ngày dạy:

Tiết: 62 Thực hành đọc

VỌNG NGUYỆT (NGẮM TRĂNG)
CẢNH KHUYA

- Hồ Chí Minh -

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực :

- Vận dụng được những hiểu biết về cuộc đời và phong cách thơ ca của tác gia Hồ Chí Minh để đọc hiểu các tác phẩm thơ của Người.
- Chỉ ra và phân tích được một số yếu tố trong thơ trữ tình của Hồ Chí Minh (ngôn ngữ, hình ảnh, thủ pháp nghệ thuật, cấu tứ, cách sử dụng từ ngữ).
- Phân tích được một số nét đặc sắc của các bài thơ trữ tình của Hồ Chí Minh.
- Vận dụng được những kiến thức, kĩ năng đã học để tìm hiểu các tác phẩm thơ khác của Hồ Chí Minh.

2 . Phẩm chất

- Trân trọng tài năng văn chương của Hồ Chí Minh.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học

- Máy tính, máy chiếu đa năng (Ti vi)

2. Học liệu:

- SGK, tài liệu tham khảo
- Tư liệu: Tranh ảnh và phim: GV sử dụng tranh, ảnh, tranh, video liên quan.
- Phiếu học tập: HS chuẩn bị các phiếu học tập ở nhà.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG 1: HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập.

b. Nội dung: GV đặt cho HS những câu hỏi gợi mở vấn đề.

c. Sản phẩm: Nhận thức và thái độ học tập của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- *'Thả thơ":* Điền một số từ còn thiếu vào hai bài thơ sau để có bài thơ đúng của Hồ Chí Minh:

Ngục trung vô (1)…diệc vô hoa,

Đối thử lương tiêu nại nhược hà?

Nhân hướng (2)…khán minh nguyệt

Nguyệt tòng song khích khán (3)…

(*Vọng nguyệt* - Hồ Chí Minh)

Tiếng suối trong như tiếng (4)…

Trăng lồng (5)…bóng lồng xa

Cảnh khuya như vẽ (6)…chưa ngủ,

Chưa ngủ vì lo nỗi nước nhà

(*Cảnh khuya* - Hồ Chí Minh)

Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ

- HS suy nghĩ và trả lời các câu hỏi.

- GV quan sát, khích lệ

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

GV gọi một số HS phát biểu.

=> **Dự kiến sản phẩm:** (1) tửu; (2) song tiền; (3) thi gia; (4) hát xa; (5) cổ thụ; (6) người.

Bước 4: Đánh giá, kết luận

GV dẫn dắt vào bài: Ở phần thực hành đọc, chúng ta sẽ được tiếp tục khám phá sự nghiệp văn học vĩ đại của Hồ Chí Minh ở mảng thơ trữ tình. Đó là bài thơ *Vọng nguyệt (Ngắm trăng), Cảnh khuya.*

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

2.1. Đọc - tìm hiểu chung

a. Mục tiêu:

- Vận dụng được những hiểu biết về cuộc đời và phong cách thơ ca của tác gia Hồ Chí Minh để đọc hiểu các tác phẩm thơ của Người.
- Nắm được cách đọc văn bản, xuất xứ, hoàn cảnh sáng tác, bố cục của văn bản.

b. Nội dung hoạt động: HS làm việc nhóm, thảo luận cặp đôi,.. theo phiếu học tập.
c. Sản phẩm: Câu trả lời cá nhân, PHT.
d.Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV và HS	Yêu cầu cần đạt/ Dự kiến sản phẩm

<table>
<tr>
<td>

Thao tác 1: Đọc bài thơ

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- **Phần đọc:** GV hướng dẫn HS cách đọc văn bản: giọng đọc và đọc mẫu. Yêu cầu HS đọc bài thơ

+ Nhận xét về cách đọc của bạn? Giọng đọc như nào cho phù hợp?

- Đọc: + Đọc diễn cảm hoàn chỉnh bài thơ, chú ý cách ngắt nhịp, giọng điệu.

Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ:

HS đọc

GV đọc mẫu

GV điều chỉnh cách đọc cho HS

Bước 3. Nhận xét sản phẩm, bổ sung.

CH: Tại sao em cần đọc bài thơ như vậy?

- HS báo cáo kết quả;
- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4. Chuẩn kiến thức.

- GV và HS cùng đánh giá việc đọc văn bản.

</td>
<td>

II. Đọc - tìm hiểu chung

1. Đọc văn bản

- Đọc VB *Vọng Nguyệt (Ngắm trăng)*
- Đọc VB *Cảnh khuya*

</td>
</tr>
<tr>
<td>

Thao tác 2: Tìm hiểu chung

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

Gv yêu cầu HS chuẩn bị ở nhà những thông tin chung về bài thơ *Vọng Nguyệt (Ngắm trăng* và *Cảnh khuya*

PHT 01: Tìm hiểu chung về hai bài thơ

<table>
<tr><td>Đặc điểm</td><td>Bài thơ Vọng Nguyệt (Ngắm trăng</td><td>Bài thơ Cảnh khuya</td></tr>
<tr><td>Xuất xứ</td><td></td><td></td></tr>
<tr><td>Thể loại</td><td></td><td></td></tr>
</table>

</td>
<td>

2. Tìm hiểu chung

a. Tác giả: Hồ Chí Minh

b. Tác phẩm:

<table>
<tr><td>Đặc điểm</td><td>Vọng nguyệt (Ngắm trăng)</td><td>Cảnh khuya</td></tr>
<tr><td>Xuất xứ</td><td>Là bài thơ số 20 trong tập Ngục trung nhật kí</td><td>In trong Thơ chủ tịch, Sđd, tr.40</td></tr>
<tr><td>Thể loại</td><td colspan="2">Thất ngôn tứ tuyệt Đường luật</td></tr>
<tr><td>Ngôn ngữ</td><td>Chữ Hán</td><td>Chữ quốc ngữ</td></tr>
<tr><td>Đề tài</td><td>vọng nguyệt, đối nguyệt, khán minh nguyệt- đây là thi đề phổ biến.</td><td>Cảnh khuya, không ngủ được</td></tr>
<tr><td>Bố cục</td><td>- Hai câu đầu: Hoàn cảnh ngắm trăng và</td><td>- Hai câu đầu: Cảnh trăng rằm tháng giêng trên</td></tr>
</table>

</td>
</tr>
</table>

Ngôn ngữ		
Đề tài		
Bố cục		
Hoàn cảnh sáng tác		

Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ
+ Học sinh trả lời cá nhân
+ Giáo viên khích lệ HS.
Bước 3: Báo cáo, thảo luận
- GV gọi HS trả lời.
- Các HS khác lắng nghe, bổ sung, nhận xét.
Bước 4: Đánh giá, kết luận
GV nhận xét đánh giá kết quả HS, chuẩn hóa kiến thức qua trình chiếu slide.

	tâm trạng của người tù - Hai câu cuối: Mối giao hòa giữa con người và trăng.	sông ở chiến khu Việt Bắc. - Hai câu cuối: Tâm trạng thi sĩ trong cảnh đêm trăng Việt Bắc.
Hoàn cảnh sáng tác	Tác phẩm được viết vào khoảng những tháng đầu của thời gian Người bị cầm tù lần thứ 2 ở nhà tù Tưởng Giới Thạch, Trung Quốc (1942 - 1943).	- Thời gian: 1947. Địa điểm: Tại chiến khu Việt Bắc. - Hoàn cảnh: trong những năm tháng đầu của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1946 - 1954). Cuối năm 1947, quân Pháp ồ ạt tấn công lên Việt Bắc, hòng tiêu diệt lực lượng chủ yếu và cơ quan đầu não lãnh đạo cuộc kháng chiến. Chiến dịch Việt Bắc của quân và dân ta đã làm thất bại ý đồ của địch và tiêu diệt nhiều lực lượng của chúng.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 02

Tìm hiểu sự chi phối của hoàn cảnh sáng tác đến cảm xúc và tâm trạng của nhà thơ

Hãy chỉ ra tác động của hoàn cảnh sáng tác đến cảm xúc và tâm trạng của nhà thơ bằng cách điền vào PHT sau:

Bài thơ	Thời điểm	Tác động
Vọng nguyệt (Ngắm trăng)		

Cảnh khuya		

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 03: Tìm hiểu hai câu thơ đầu bài *Vọng nguyệt* ***Ngục trung vô tửu diệc vô hoa,*** ***Đối thử lương tiêu nài nhược hà?***	
Bài thơ cho thấy Bác ngắm trăng trong bối cảnh như thế nào? Vì sao Bác lại nói đến cảnh "Trong tù không rượu cũng không hoa"?	....
Hai câu thơ gợi lên tâm trạng như thế nào của người tù? Tâm trạng ấy cho thấy tác giả là người như thế nào? (Chú ý phần Dịch nghĩa của hai dòng thơ đầu; giọng điệu ở dòng thơ thứ hai: Đối thử ương tiêu nại nhược hà? Của phần Phiên âm)	....

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 04: Tìm hiểu hai câu cuối bài *Vọng nguyệt* ***Nhân hướng song tiền khán minh nguyệt,*** ***Nguyệt tòng song kích khán thi gia.***	
Chỉ ra cấu trúc đăng đối ở hai câu thơ cuối (sự sắp xếp vị trí các từ nhân (và thi gia), song, nguyệt (và minh nguyệt)có gì đáng chú ý?)	....
Phân tích hiệu quả nghệ thuật của phép đối ở hai câu thơ cuối	....
Qua đó em hiểu thêm được điều gì về con người tác giả?	....

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 05: Tìm hiểu hai câu thơ đầu bài *Cảnh khuya* ***Tiếng suối trong như tiếng hát xa*** ***Trăng lồng cổ thụ bóng lồng hoa***	
Nhận xét hiệu quả của biện pháp so sánh trong câu thơ thứ nhất?	....
Câu thơ thứ hai được hiểu thao cách nào?	
Nhận xét bức tranh thiên nhiên và tâm trạng nhân vật trữ tình trong hai câu đầu.	....

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 06: Tìm hiểu hai câu cuối bài Cảnh khuya ***Cảnh khuya như vẽ người chưa ngủ*** ***Chưa ngủ vì lo nỗi nước nhà***	
Phân tích hiệu quả nghệ thuật của phép so sánh, điệp ở hai câu thơ cuối	....
Qua đó em hiểu thêm được điều gì về con người tác giả?	....

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 07

Tìm hiểu cấu tứ thơ trong mỗi bài thơ

Cấu tứ thơ	***Vọng nguyệt***	***Cảnh khuya***
Cách triển khai mạch cảm xúc		
Cách triển khai hình tượng		
Tư tưởng, chủ đề		

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 08

Tìm hiểu nét đặc sắc trong phong cách trữ tình của thơ Hồ Chí Minh trong bài *Vọng nguyệt*

1.Nêu cảm nhận của em về tâm hồn, phong thái của nhà thơ Hồ Chí Minh qua bài thơ.

.....

2.Nhiều nhà nghiên cứu cho rằng, thơ Hồ Chí Minh thường kết hợp tính cổ điểm và tính hiện đại. Bài thơ Vọng nguyệt có thể hiện sự kết hợp của hai tính chất đó không? Vì sao?

Phương diện thể hiện	Tính cổ điển	Tính hiện đại
Thể loại	.....	.....
Nội dung	.....	.....
Nghệ thuật	.....	.....

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 09

Tìm hiểu nét đặc sắc trong phong cách trữ tình của thơ Hồ Chí Minh trong bài *Cảnh khuya*

1.Nêu cảm nhận của em về tâm hồn, phong thái của nhà thơ Hồ Chí Minh qua bài thơ.

.....

2.Nhiều nhà nghiên cứu cho rằng, thơ Hồ Chí Minh thường kết hợp tính cổ điểm và tính hiện đại. Bài thơ Cảnh khuya có thể hiện sự kết hợp của hai tính chất đó không? Vì sao?

Phương diện thể hiện	Tính cổ điển	Tính hiện đại
Thể loại	.....	.....
Nội dung	.....	.....
Nghệ thuật	.....	.....

<table>
<tr><th>HĐ của GV và HS</th><th>Dự kiến sản phẩm</th></tr>
<tr><td>

Thao tác 3: Khám phá văn bản

*** Hướng dẫn HS tìm hiểu sự chi phối của hoàn cảnh sáng tác đến tâm trạng và cảm xúc của nhà thơ trong mỗi bài thơ**

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- Gv cho HS đọc VB, hỏi HS, yêu cầu HS hoạt động theo cặp đôi**:**

- GV:

CH: GV chiếu **phiếu học tập số 02**

- HS thảo luận nhóm theo cặp, thời gian 5 phút

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS thực hiện nhiệm vụ.

Bước 3: Báo cáo kết quả

- HS báo cáo kết quả;

- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Đánh giá kết quả

- GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức.

*** Hướng dẫn HS tìm hiểu về cảm xúc trữ tình của bài thơ *Vọng nguyệt***

Tìm hiểu về hai câu đầu:

</td><td>

II. Khám văn bản

1. Sự chi phối của hoàn cảnh sáng tác đến tâm trạng và cảm xúc của nhà thơ trong mỗi bài thơ

<table>
<tr><th>Bài thơ</th><th>Thời điểm</th><th>Tác động</th></tr>
<tr><td>Vọng nguyệt (Ngắm trăng)</td><td>Trong tù, trong khung cảnh đêm trăng đẹp.</td><td>Hoàn cảnh của nhân vật trữ tình - nhà thơ - kẻ chịu cảnh ngục tù, không có thú vui nào khác: không rượu cũng không hoa.
- Cảm xúc: Cô đơn nhưng không rơi vào bế tắc vì có trăng làm bạn.</td></tr>
<tr><td>Cảnh khuya</td><td>Trong những năm tháng đầu của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1946 - 1954).</td><td>Cảnh đẹp nhưng người chưa ngủ được vì say đắm trước cảnh đẹp, vì những nỗi âu lo cho dân, cho nước.</td></tr>
</table>

2. Cảm xúc của nhân vật trữ tình trong hai bài thơ

a. Bài *Vọng nguyệt*

*** Hai câu đầu: Hoàn cảnh ngắm trăng và tâm trạng của người tù**

</td></tr>
</table>

HÌNH THỨC 4 NHÓM **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ** - Gv cho HS đọc VB, hỏi HS, yêu cầu HS hoạt động nhóm. - Nhóm 1: PHT 03 - Nhóm 2: PHT 04 - Nhóm 3: PHT 05 - Nhóm 4: PHT 06 - HS thảo luận nhóm, thời gian 4 phút - HS tiếp nhận nhiệm vụ. **Bước 2: thực hiện nhiệm vụ** - HS thực hiện nhiệm vụ. **Bước 3: Báo cáo kết quả** - HS báo cáo kết quả; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. **Bước 4: Đánh giá kết quả** - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức.	*Ngục trung vô tửu diệc vô hoa,* *Đối thử lương tiêu nài nhược hà?* **- Bối cảnh ngắm trăng:** + Trong thơ ca xưa nay, thi nhân xưa gặp cảnh trăng đẹp, thường đem rượu ra uống trước hoa để thưởng trăng. Có rượu và hoa thì sự thưởng trăng mới thật mĩ mãn, trọn vẹn. Nói chung, người ta chỉ ngắm trăng khi thảnh thơi tâm hồn. + Bác ngắm trăng trong tù ngục, bản thân đang là một tù nhân bị đày đoạ vô cùng cực khổ. Điều kiện sinh hoạt của nhà tù tàn bạo, dã man, phải sống một cuộc sống khác loài người. => Nhắc đến "rượu và hoa" chỉ có thể hiểu rằng trăng đêm nay đẹp quá, Hồ Chí Minh khao khát được thưởng trăng một cách trọn vẹn và lấy làm tiếc vì không có rượu hoa. Việc nhớ đến rượu và hoa trong tù ngục khắc nghiệt ấy đã cho thấy người tù **không bị ràng buộc bởi những cái vướng bận về vật chất, tâm hồn vẫn tự do vẫn ung dung tự tại** để hưởng cảnh đẹp đêm trăng. **- Tâm trạng của người tù:** + Câu thơ thứ hai của nguyên tác có nghĩa là "*Trước cảnh đẹp đêm nay biết làm thế nào*?" + Trước vẻ đẹp thiên nhiên, tâm trạng của tác giả xốn xang, bối rối, băn khoăn, phân vân, khó xử. Cảnh trăng rất đẹp nhưng chưa biết làm thế nào. => Câu thơ cho thấy rõ tâm hồn nghệ sĩ, thi nhân ở Người. => Người chiến sĩ cách mạng vĩ đại lão luyện ấy vẫn là một con người yêu thiên nhiên một cách say mê, tâm hồn, sự hồn nhiên đã rung động mãnh liệt trước cảnh đẹp cảnh trăng đẹp dù đang là tù nhân. *** Hai câu thơ cuối: Mối giao hòa giữa con người và trăng** ***Nhân hướng song tiền khán minh nguyệt,*** ***Nguyệt tòng song kích khán thi gia.*** **- Cấu trúc đăng đối giữa hai câu thơ:** *Nhân- nguyệt; hướng- tòng; minh nguyệt- thi gia*; **Hiệu quả nghệ thuật:** + Làm cho nhịp thơ hài hòa, nhịp nhàng, cân xứng. + Diễn tả tình cảm song phương, mãnh liệt giữa con người và trăng. + + Nhân vật trữ tình: Hồ Chí Minh đã thả hồn vượt ra ngoài cửa sắt nhà tù để tìm đến ngắm trăng sáng "*khán minh nguyệt*" tức là

	để giao hòa với vầng trăng đang tỏa mộng giữa trời. Đây là một cuộc vượt ngục về tinh thần của người tù cách mạng. + + Trăng: nhà thơ nhân hóa trăng "*tòng song khích khán thi gia"* trăng đã vượt qua song sắt nhà tù để tìm đến ngắm nhà thơ "*khán thi gia*" trong tù. Với Bác, trăng hết sức gắn bó, thân thiết trở thành tri âm, tri kỉ từ lâu. -> **Vẻ đẹp tâm hồn của Hồ Chí Minh**: + Tình yêu thiên nhiên say đắm, tâm hồn lãng mạn, chất nghệ sĩ ở Hồ Chí Minh. + Vẻ đẹp của tinh thần thép của người chiến sĩ cách mạng. Biểu hiện của tinh thần ấy là sức mạnh nội tại, phong thái ung dung, vượt lên hẳn sự nặng nề, tàn bạo của ngục tù. **b. Bài *Cảnh khuya*** *** Hai câu đầu: Cảnh trăng rằm tháng giêng trên sông ở chiến khu Việt Bắc** *" Tiếng suối trong như tiếng hát xa,* *Trăng lồng cổ thụ, bóng lồng hoa."* - Câu thơ 1: "Tiếng suối trong như tiếng hát xa" + Trong không gian núi rừng Việt Bắc tĩnh mịch, âm thanh nổi bật đó chính là tiếng suối chảy. + Tiếng suối được so sánh với "tiếng hát xa": Tiếng suối trở nên có âm điệu hơn và tình cảm hơn. - Câu thơ 2: "Trăng lồng cổ thụ bóng lồng hoa" có hai cách hiểu: + Ánh trăng chiếu xuống mặt đất xuyên qua từng tán cây, chiếu xuống cả những bông hoa rừng. Không gian thiên nhiên ngập tràn ánh trăng. + Ánh trăng sáng chiếu xuống mặt đất xuyên qua từng tán cây cổ thụ, khi phản chiếu xuống mặt đất tạo ra hình thù như những bông hoa. => Dù hiểu theo cách nào thì cũng diễn tả được vẻ đẹp thơ mộng của thiên nhiên núi rừng Việt Bắc. => Hai câu thơ đầu đã khắc họa hình ảnh thiên nhiên núi rừng Việt Bắc thơ mộng. *** Hai câu cuối: Tâm trạng của nhà thơ trong đêm khuya ở chiến khu Việt Bắc:** *"Cảnh khuya như vẽ người chưa ngủ* *Chưa ngủ vì lo nỗi nước nhà."* - Câu 3: "Cảnh khuya như vẽ người chưa ngủ" có hai cách hiểu: + Hình ảnh "cảnh khuya như vẽ" gợi ra một bức tranh thiên nhiên đẹp đẽ tựa như một bức tranh. + Bác ngồi đấy say mê ngắm nhìn khung cảnh đêm khuya, thiên nhiên và con người hòa quyện tạo nên một bức tranh. - Câu 4: "Chưa ngủ vì lo nỗi nước nhà" cho thấy hai lý do mà "Người chưa ngủ". + Vì cảnh thiên nhiên quá đỗi đẹp đẽ làm cho tâm hồn người nghệ sĩ bâng khuâng say đắm.

<table>
<tr>
<td></td>
<td>+ Vì “lo nỗi nước nhà” lo cho sự nghiệp cách mạng của đất nước, cho cuộc sống của nhân dân. Đây mới là lý do quan trọng nhất khiến Người mất ngủ.
=> Qua hai câu thơ trên, người đọc thấy được hình ảnh người thi sĩ đa sầu đa cảm và con người chiến sĩ kiên trung trong Bác Hồ.</td>
</tr>
<tr>
<td>

*** Hướng dẫn HS tìm hiểu về cấu tứ thơ**

Tìm hiểu về hai câu đầu:

HÌNH THỨC NHÓM BÀN

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- Gv cho HS đọc VB, hỏi HS, yêu cầu HS hoạt động nhóm.

- **GV: chiếu <u>Phiếu học tập số 07.</u>** Tìm hiểu hai câu thơ đầu

- HS thảo luận nhóm, thời gian 4 phút

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

Bước 2: thực hiện nhiệm vụ

- HS thực hiện nhiệm vụ.

Bước 3: Báo cáo kết quả

- HS báo cáo kết quả;

- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Đánh giá kết quả

- GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức.

</td>
<td>

3.Cấu tứ thơ

<table>
<tr><th>Cấu tứ thơ</th><th>Vọng nguyệt</th><th>Cảnh khuya</th></tr>
<tr><td>Cách triển khai mạch cảm xúc</td><td colspan="2">Giao hoà với thiên nhiên, hướng về phía ánh sáng.</td></tr>
<tr><td>Cách triển khai hình tượng</td><td colspan="2">Từ thiên nhiên đến con người.</td></tr>
<tr><td>Tư tưởng, chủ đề</td><td>Tình yêu thiên nhiên, cuộc sống, ý chí vượt lên hoàn cảnh khắc nghiệt của nhà thơ chiến sĩ Hồ Chí Minh.</td><td>Tình cảm với thiên nhiên, tâm hồn nhạy cảm, lòng yêu nước sâu nặng của Hồ Chí Minh.</td></tr>
</table>

</td>
</tr>
</table>

*** Tìm hiểu phong cách trữ tình**

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

HOẠT ĐỘNG NHÓM—KĨ THUẬT KHĂN TRẢI BÀN

- Giao nhiệm vụ cho các nhóm:

+ Dãy 1: PHT 08

+ Dãy 2: PHT 09

- Thời gian: 5 phút.

Bước 2: Các nhóm thực hiện nhiệm vụ

- Mỗi người ngồi vào vị trí theo kĩ thuật khăn trải bàn.

- Tập trung vào câu hỏi (trong phiếu HT)

- Viết vào ô mang số của bạn câu trả lời hoặc ý kiến của bạn (về câu hỏi trong phiếu) Mỗi cá nhân làm việc độc lập trong khoảng vài phút

- Kết thúc thời gian làm việc cá nhân, các thành viên chia sẻ, thảo luận và thống nhất các câu trả lời

- Viết những ý kiến chung của cả nhóm vào ô giữa tấm khăn trải bàn (giấy A0)

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

GV:

- Yêu cầu thành viên từng nhóm cùng chia sẻ

6. Phong cách trữ tình của thơ Hồ Chí Minh trong bài *Vọng nguyệt (Ngắm trăng) và Cảnh khuya*

a. Bài *Vọng nguyệt*

- Tâm hồn, phong thái của nhà thơ Hồ CHí Minh qua bài thơ *Ngắm trăng*:

+ Phản ánh tâm hồn nhạy cảm với cái đẹp, tinh tế, lãng mạn, tình yêu thiên nhiên tha thiết.

+ Tâm hồn nhạy cảm, lòng yêu nước sâu nặng của Hồ Chí Minh và con người chiến sĩ kiên trung

- *Vọng nguyệt* có sự kết hợp tính chất cổ điển và hiện đại:

Phương diện thể hiện	Tính cổ điển	Tính hiện đại
Thể loại	Thể hiện qua thể thơ thất ngôn tứ tuyệt; sáng tác thơ chữ Hán tạo sắc thái trang nhã, hoài cổ	Tứ thơ độc đáo, nhiều hình ảnh gợi cảm, sáng tạo
Nội dung	Vẻ đẹp tâm hồn một nhân cách lớn nghệ sĩ	Vẻ đẹp tâm hồn của người chiến sĩ cách mạng
Nghệ thuật	- Đề tài vọng nguyệt và những thi liệu cổ như *rượu, hoa, trăng.* - Cấu trúc đăng đối ở hai câu thơ sau - Hình ảnh chủ thể trữ tình ung dung giao cảm đặc biệt với thiên nhiên	Hình ảnh chủ thể trữ tình vừa mang tính thời đại, một tâm hồn lạc quan luôn hướng về phía ánh sáng, toát lên tinh thần thép và giản dị.

b. Bài *Cảnh khuya*

- Tâm hồn, phong thái của nhà thơ Hồ CHí Minh qua bài thơ *Cảnh khuya*:

+ Phản ánh tâm hồn nhạy cảm với cái đẹp, tinh tế, lãng mạn, tình yêu thiên nhiên tha thiết.

+ Tâm hồn đa sầu, đa cảm, lòng yêu dân yêu nước sâu nặng và con người chiến sĩ kiên trung trong Hồ Chí Minh

- *Cảnh khuya* có sự kết hợp tính chất cổ điển và hiện đại:

Phương diện thể hiện	Tính cổ điển	Tính hiện đại
Thể loại	Thể hiện qua thể thơ thất ngôn tứ tuyệt.	Tứ thơ độc đáo, nhiều hình ảnh gợi cảm, sáng tạo

<table>
<tr>
<td>kết quả thảo luận của mình với nhóm. Sau đó, đại diện nhóm đứng lên báo cáo trình bày.

- Đại diện 1 nhóm đứng lên trình bày.

- Các nhóm khác theo dõi, quan sát, nhận xét bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn.

Bước 4. Chuẩn kiến thức.

- Nhận xét kết quả hoạt động cho từng nhóm và chỉ ra những điểm còn hạn chế trong hoạt động nhóm.

GV chốt lại kiến thức.</td>
<td>
<table>
<tr><td>Nội dung</td><td>Vẻ đẹp tâm hồn một nhân cách lớn nghệ sĩ</td><td>Vẻ đẹp tâm hồn của người chiến sĩ cách mạng</td></tr>
<tr><td>Nghệ thuật</td><td>- Đề tài ngắm trăng là đề tài phổ biến với thi nhân xưa.
- Cách miêu tả thiên nhiên “thi trung hữu nhạc”, “thi trung hữu hoạ”, vẻ cô đúc cổ điển của thơ Đường.</td><td>- Cách lí giải cụ thể trong câu cuối - Hình ảnh chủ thể trữ tình mang tính thời đại, lo âu vì hoàn cảnh của nước nhà.</td></tr>
</table>
</td>
</tr>
<tr>
<td>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập

HS trao đổi theo cặp trong bàn:

- Rút ra những nét đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của hai văn bản?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

Hoạt động thảo luận theo cặp.

GV quan sát, khích lệ.

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

HS trả lời câu hỏi, chia sẻ suy nghĩ.

Gv quan sát, hỗ trợ, tư vấn

Bước 4: Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</td>
<td>4. Tổng kết

a. Nghệ thuật

- Cả 2 bài thơ viết theo thể thơ tứ tuyệt Đường luật: câu chữ cô đọng hàm súc, rất gần gũi với những bài thơ thời Đường, thời Tống nhưng cũng rất hiện đại với tứ thơ độc đáo, nhiều hình ảnh gợi cảm, sáng tạo

- Hình ảnh đặc sắc, sử dụng các phép đối, điệp gợi hình gợi cảm.

b. Nội dung

- Bài thơ Vọng nguyệt (Ngắm trăng) cho thấy vẻ đẹp của một tâm hồn, một nhân cách lớn, vừa rất nghệ sĩ, vừa có bản lĩnh phi thường của người chiến sĩ vĩ đại. Đó là tình yêu thiên nhiên đến mê say và phong thái ung dung của Chủ tịch Hồ Chí Minh ngay trong cảnh ngục tù cực khổ, tối tăm.

- Bài thơ Cảnh khuya cho thấy sự giao hoà giữa tâm hồn người nghệ sĩ và người chiến sĩ. Trong bối cảnh đất nước gian nguy, nhà thơ vừa bâng khuâng say đắm trước cảnh đẹp thiên nhiên, vừa âu lo cho dân, cho nước.</td>
</tr>
</table>

GV nhận xét đánh giá kết quả của các cá nhân, chuẩn hóa kiến thức.	

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: HS hiểu được kiến thức trong bài học để thực hiện bài tập GV giao.

b. Nội dung: Khái quát lại các đặc điểm thể loại của văn bản

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Nhiệm vụ: Chia sẻ

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

Yêu cầu: Qua bài thơ *Ngắm trăng*, hình ảnh Chủ tịch Hồ Chí Minh hiện lên như thế nào?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS suy nghĩ và trả lời cá nhân.
- GV động viên, khích lệ.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- GV gọi 1 số HS phát biểu theo kĩ thuật trình bày một phút.
- HS phát biểu xong sẽ mời HS ngẫu nhiên tiếp theo trình bày.

Bước 4: Kết luận, nhận định

Gợi ý cách trả lời

- Bài thơ *Ngắm trăng* cho thấy vẻ đẹp của một tâm hồn, một nhân cách lớn, vừa rất nghệ sĩ vừa có bản lĩnh phi thường của người chiến sĩ vĩ đại.
- Bài thơ cũng cho thấy nét đặc sắc trong phong cách trữ tình của thơ Hồ Chí Minh: vừa có màu sắc cổ điển (đề tài: vọng nguyệt, và ở những thi điệu cổ: *rượu, hoa, trăng,* ở cấu trúc đăng đối trong hai câu thơ sau và nhất là ở hình ảnh của chủ thể chữ tình ung dung giao cảm đặc biệt với thiên nhiên) vừa mang tính tinh thần thời đại (một tâm hồn thơ lạc quan luôn hướng về phía ánh sáng, toát lên tinh thần thép) vừa giản dị hồn nhiên vừa hàm súc, dư ba,...

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức bài học vào giải quyết bài tập thực tiễn.

b. Nội dung: HS nêu lên bài học rút ra từ văn bản.

c. Sản phẩm: Chia sẻ của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV giao nhiệm vụ

1. Vẽ sơ đồ tư duy bài học.

2. Sưu tầm một bài thơ trữ tình khác của Hồ Chí Minh trong tập "*Nhật kí trong tù*". Chỉ ra phong cách trữ tình của Hồ Chí Minh thể hiện qua bài thơ.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS suy nghĩ, thực hiện nhiệm vụ cá nhân. (nhiệm vụ 2 HS có thể làm tại nhà)
- GV động viên, hỗ trợ (nếu cần).

Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

- GV gọi 1-2 HS bày tỏ quan điểm, suy nghĩ.
- Các HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung ý kiến.

Bước 4: Kết luận, nhận định

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Sách giáo khoa, SGV Ngữ văn 12 Kết nối tri thức với cuộc sống, tập 2
- Nội dung công văn 5512/BGD-ĐT.

- Nội dung modul 1,2,3 được tập huấn.
- Một số tài liệu, hình ảnh trên mạng internet.

RÚT KINH NGHIỆM

.....
.....
.....
.....

Ngày soạn:
Ngày dạy:

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

Tiết:...

MỘT SỐ BIỆN PHÁP LÀM TĂNG TÍNH KHẲNG ĐỊNH, PHỦ ĐỊNH TRONG VĂN BẢN NGHỊ LUẬN

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. Năng lực chung: Bài học góp phần phát triển các năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của bản thân và các bạn**.**

- Giao tiếp và hợp tác: Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm khi thực hiện nhiệm vụ hợp tác.

- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lý linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

b. Năng lực đặc thù: Bài học góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ. Thông qua quá trình dạy **thực hành Tiếng Việt, giúp HS:**

- HS nhận biết được đặc điểm của một số biện pháp làm tăng tính khẳng định, phủ định trong văn bản nghị luận.
- HS phân tích hiệu quả của việc sử dụng biện pháp làm tăng tính khẳng định, phủ định trong văn bản nghị luận.
- HS vận dụng được một cách sáng tạo các biện pháp làm tăng tính khẳng định, phủ định khi viết bài văn nghị luận.

2. Phẩm chất: Trân trọng, giữ gìn và phát huy vẻ đẹp của tiếng Việt.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị: Ti vi (hoặc máy chiếu), máy tính, Giấy A3 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

2. Học liệu: SGK, STK, kế hoạch bài dạy, rubric đánh giá.

III. TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu:

- Kết nối tri thức
- Tạo hứng thú
- Tạo ra mâu thuẫn nhận thức

b. Nội dung hoạt động: HS nghe hát, trả lời câu hỏi kết nối vào bài học

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm	
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ	**Câu khẳng định**	**Câu phủ định**

- Sắp xếp các câu văn sau vào cột tương ứng trong bảng bên dưới:
(1) Hôm nay, lớp em có tiết học Ngữ văn.
(2) Tôi không thể không đi làm vào thứ hai.
(3) Cô ấy rất đẹp.
(4) Tôi không đủ tự tin để hoàn thành tốt bài thuyết trình của mình.
(5) Anh không nghĩ là mình đã sai chứ?
(6) Chúng ta có một buổi họp vào chiều nay.
(7) Trong màn đêm tĩnh mịch, không có một tiếng động nào.
(8) Tôi **chưa bao giờ** nhìn thấy cảnh đẹp như thế này.
(9) Tôi đã hoàn thành công việc.
(10) Cô ấy chưa hài lòng với kết quả

Câu khẳng định	Câu phủ định

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ
HS suy nghĩ, sắp xếp theo yêu cầu.
Bước 3: Báo cáo thảo luận
GV gọi 1 -2 HS trả lời
HS khác nhận xét, bổ sung.
Bước 4: Đánh giá, kết luận
- GV nhận xét, đánh giá câu trả lời.
- GV dẫn vào bài: Câu khẳng định, câu phủ định là những dạng câu có vai trò quan trọng trong giao tiếp, giúp người nói và người nghe hiểu rõ ý nghĩa khẳng định hoặc phủ định của thông tin được truyền đạt. Tương tự như vậy, tính khẳng định, phủ định cũng rất quan trọng trong văn bản nghị luận; chúng giúp thể hiện rõ hơn quan điểm, thái độ của tác giả với vấn đề nghị luận. Trong bài học ngày hôm nay, chúng ta sẽ cùng tìm hiểu một số biện pháp để làm tăng tính khẳng định, phủ định của VB nghị luận.

(1), (2), (3), (6), (9)	(4), (5), (7), (8), (10)

1. HOẠT ĐỘNG 2: LUYỆN TẬP, THỰC HÀNH

2.1 Tìm hiểu tri thức tiếng Việt

a. Mục tiêu: HS nhận biết một số biện pháp làm tăng tính khẳng định, phủ định trong văn bản nghị luận
b. Nội dung: HS đọc sách sgk, thực hiện yêu cầu.
c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS.
d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ HS HĐ cặp đôi: Đọc lại phần tri thức Ngữ văn (tr. 5; tr. 27, 28-sgk và hoàn thành PHT sau:	**I. TRI THỨC TIẾNG VIỆT** **1. Tính khẳng định, phủ định trong văn bản nghị luận:** - Trong VB nghị luận, tính khẳng định và tính phủ định luôn song hành:

PHT 01: Tri thức Ngữ văn về tính khẳng định, phủ định trong văn bản nghị luận: **1. Điền từ thích hợp vào dấu "…".** Vai trò của tính khẳng định, phủ định trong VB nghị luận + Tính khẳng định gắn với nội dung (1)… người đọc tin vào sự (2)… của một luận đề, quan điểm, cách ứng xử, lựa chọn, niềm tin nào đó. + Tính phủ định gắn với ý đồ (3)… những luận đề, quan điểm, cách ứng xử, lựa chọn, niềm tin mà tác giả cho là sai trái hoặc không phù hợp. + Đằng sau sự khẳng định luôn ẩn chứa thái độ (4)… một đối tượng đối lập, còn sự phủ định thì luôn được thể hiện dựa trên thái độ (5) =… một đối tượng khác. **2. Điền biện pháp thích hợp** - Biện pháp làm tăng tính khẳng định:…… …… …… …….. - Biện pháp làm tăng tính phủ định: …… …… …… ……		+ Tính khẳng định gắn với nội dung thuyết phục người đọc tin vào sự đúng đắn của một luận đề, quan điểm, cách ứng xử, lựa chọn, niềm tin nào đó. + Tính phủ định gắn với ý đồ phản bác những luận đề, quan điểm, cách ứng xử, lựa chọn, niềm tin mà tác giả cho là sai trái hoặc không phù hợp. + Đằng sau sự khẳng định luôn ẩn chứa thái độ phủ định một đối tượng đối lập, còn sự phủ định thì luôn được thể hiện dựa trên thái độ khẳng định một đối tượng khác. **2. Một số biện pháp làm tăng tính khẳng định, phủ định trong VB nghị luận** **- Biện pháp làm tăng tính khẳng định:** + Sử dụng các từ ngữ mang nghĩa khẳng định: *chắc chắn, tất nhiên, rõ ràng, chỉ có thể, không thể chối cãi,…* + Sử dụng những từ ngữ thể hiện quy mô áp đảo, phạm vi khái quát (không trừ cá thể nào) hoặc trạng thái ổn định: *tất cả, mọi, toàn thể, luôn luôn, thường xuyên,…* + Sử dụng kiểu câu phổ biến câu khiến, thể hiện ý khẳng định. + Sử dụng biện pháp tu từ điệp ngữ nhấn mạnh ý được khẳng định. **- Biện pháp làm tăng tính phủ định:** + Sử dụng các từ ngữ mang nghĩa phủ định: *chưa từng, không, không hề, chẳng, chẳng bao giờ,…* + Sử dụng những từ ngữ biểu thị ý nghĩa hạn chế: *không mấy, chẳng bao nhiêu, ít khi,…* + Sử dụng phổ biến kiểu câu hỏi thể hiện ý nghĩa nghi ngờ, chất vấn. + Sử dụng các danh từ, đại từ thể hiện thái độ đánh giá tiêu cực (coi thường, khinh bỉ, căm ghét,…) để chỉ đối tượng bị đả kích.
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS thảo luận cặp đôi hoàn thành thành nhiệm vụ **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** - GV gọi 1 - 2 cặp đôi trả lời.		

- Các cặp đôi còn lại nhận xét, bổ sung. **Bước 4: Đánh giá, kết luận** - GV nhận xét, chuẩn kiến thức.	

2..2 Thực hành, luyện tập

a. Mục tiêu:

- HS nhận biết được đặc điểm của một số biện pháp làm tăng tính khẳng định, phủ định trong văn bản nghị luận.
- HS phân tích hiệu quả của việc sử dụng biện pháp làm tăng tính khẳng định, phủ định trong văn bản nghị luận.
- HS vận dụng được một cách sáng tạo các biện pháp làm tăng tính khẳng định, phủ định khi viết bài văn nghị luận.

b. Nội dung: HS làm BT.

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
*** NV1: Thực hiện BT1, 2, 3, 4 (tr. 27, 28)** **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ** - GV chia lớp thành 4 nhóm, đại diện nhóm lên bốc thăm phần việc (tương ứng với 4 bài tập trong sgk): + Bài tập 1 (SGK Ngữ văn 12, tập một, tr. 27) + Bài tập 2 (SGK Ngữ văn 12, tập một, tr. 28) + Bài tập 3 (SGK Ngữ văn 12, tập một, tr. 28) + Bài tập 4 (SGK Ngữ văn 12, tập một, tr. 28) **- GV lưu ý:** + Các nhóm thảo luận phần việc đã bốc thăm được. + Sau 5 phút thảo luận, mỗi nhóm cử đại diện lên trình bày kết quả thảo luận của nhóm. **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** - HS thảo luận nhóm hoàn thành thành nhiệm vụ **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** - Các nhóm cử đại diện báo cáo sản phẩm học tập - Các nhóm nhận xét, bổ sung để được ghi điểm. **Bước 4: Đánh giá, kết luận** - GV nhận xét, chuẩn kiến thức kiến thức.	**II. Thực hành** **Bài tập 1.** Cách tác giả làm tăng tính khẳng định của các luận điểm sau đây trong *Tuyên ngôn Độc lập* khi trích dẫn hai bản tuyên ngôn nổi tiếng của nước Mỹ và nước Pháp: – Sử dụng các từ ngữ có ý nghĩa khẳng định: *không ai chối cãi được, trái hẳn*. – Sử dụng các từ ngữ có quy mô áp đảo, phạm vi bao quát: *không ai* (ý chỉ tất cả mọi người) **Bài tập 2.** a. Câu 1: phủ định vai trò "bảo hộ" của thực dân Pháp đối với nước Việt Nam (thực dân Pháp từng tuyên truyền rằng chúng đảm nhiệm sứ mệnh "bảo hộ" cho người Việt Nam. Trong ý phủ định, hàm chứa ý khẳng đinh: thực dân Pháp hoàn toàn không thực hiện được việc "bảo hộ" cho nhân dân Việt Nam mà chúng tự thừa nhận. Câu 2, 3: khẳng định Việt Nam đã giành độc lập từ tay của phát xít Nhật; phủ định việc thực dân Pháp còn nắm quyền thống trị Việt Nam cho đến khi dân ta vùng dậy giành chính quyền. b. Các từ khoá: *sự thực, không phải*. Vì đây là những từ ngữ được điệp đi điệp lại một cách có dụng ý, nếu thiếu chúng, ý phủ định, đồng thời là khẳng định của đoạn văn không còn rõ rệt và không gây được ấn tượng mạnh với người đọc. **Bài tập 3.** – Các danh từ, cụm danh từ, đại từ đã được Hồ Chí Minh sử dụng trong *Tuyên ngôn Độc lập* để chỉ thực dân Pháp: *bọn thực dân, chúng, Pháp, người Pháp*.

*** NV2: Thực hiện BT5 (tr. 28)**

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

-HS hoạt động cá nhân hoàn thành BT5 theo bảng sau:

Tác phẩm	Sử dụng biện pháp làm tăng tính khẳng định	Sử dụng biện pháp làm tăng tính phủ định
Nhìn về vốn văn hoá dân tộc		
Năng lực sáng tạo		
Mấy ý nghĩ về thơ		

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS thảo luận nhóm hoàn thành thành nhiệm vụ

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- Các nhóm cử đại diện báo cáo sản phẩm học tập
- Các nhóm nhận xét, bổ sung để được ghi điểm.

Bước 4: Đánh giá, kết luận

- GV nhận xét, chuẩn kiến thức kiến thức.

– Từ được sử dụng nhiều nhất: *"chúng"*, việc sử dụng từ ngữ này đã làm tăng tính phủ định của một số luận điểm trong văn bản, nhằm thể hiện thái độ khinh bỉ, coi thường công khai đối với thực dân Pháp cùng với luận điệu "bảo hộ" xảo trá của chúng và phủ định ơn huệ của thực dân Pháp với Việt Nam mà chúng chỉ đang xâm chiếm, bóc lột nhân dân ta.

Bài tập 4. HS liệt kê được ít nhất 5 từ ngữ cho một cột và đưa ra nhận xét về hiệu quả biểu đạt.

Từ ngữ có ý nghĩa khẳng định	**Từ ngữ có ý nghĩa phủ định**
mọi người, tất cả, toàn dân Việt Nam, không ai, không thể chối cãi, luôn luôn, sự thực là,… Nhận xét: Khẳng định nền độc lập của dân tộc Việt Nam là tất yếu.	*không phải, tuyệt đối, không, trái hẳn, bọn, chúng,…* Nhận xét: Phủ định vai trò "bảo hộ" của thực dân Pháp đối với đất nước Việt Nam.

Bài tập 5: Một số dẫn chứng cho thấy tác giả đã sử dụng một số biện pháp phù hợp làm tăng tính khẳng định, phủ định của văn bản:

Tác phẩm	**Sử dụng biện pháp làm tăng tính khẳng định**	**Sử dụng biện pháp làm tăng tính phủ định**
Nhìn về vốn văn hoá dân tộc	- Sử dụng những từ ngữ thể hiện quy mô áp đảo, phạm vi bao quát: *Tất cả đều hướng vào cái đẹp dịu dàng, thanh lịch, duyên dáng và có quy mô vừa phải.* - Sử dụng các từ ngữ mang ý nghĩa khẳng định: *Những cái vừa nói là cái đã lắng đọng, đã ổn định, chắc chắn là kết quả của sự dung hợp của cái vốn có, của văn hoá Phật giáo, văn hoá*	- Sử dụng các từ mang nghĩa phủ định: *+ Giữa các dân tộc, chúng ta không thể tự hào là nền văn hoá của ta đồ sộ,…* *+ Không có các công kiến trúc nào, kể cả vua chúa, nhằm vào sự vĩnh viễn* - Sử dụng kiểu câu hỏi mang ý nghi ngờ, chất vấn: *+ Phải chăng, đó là kết quả của ý thức lâu đời về sự nhỏ yếu, về thực tế*

		Nho giáo, cái được dân tộc sàng lọc, tinh luyện để thành bản sắc của mình.	*nhiều khó khăn, bất trắc?*
	Năng lực sáng tạo	- Sử dụng kiểu câu cầu khiến: + *…hãy mở rộng điều mà mình quan tâm để có thêm nhiều nhận thức mới; hãy tìm kiếm các mối quan hệ liên kết…; từ bỏ những thói quen…;* - Sử dụng biện pháp tu từ điệp ngữ nhằm nhấn mạnh ý khẳng định: *+ Năng lực sáng tạo là vấn đề hưng vong của quốc gia, đất nước; nó cũng là vấn đề thành bại của mỗi tổ chức, doanh nghiệp; và cũng là vấn đề sống còn của các cá nhân*	- Sử dụng từ ngữ biểu thị ý nghĩa hạn chế: *Khó tìm thấy một định nghĩa rõ ràng nào cho khái niệm sáng tạo và năng lực sáng tạo.*
	Mấy ý nghĩ về thơ	- Sử dụng từ mang nghĩa khẳng định: *Nhưng kì thực,…* - Sử dụng kiểu câu cầu khiến, thể hiện ý khẳng định: *+ Thơ phải có tư tưởng, có ý thức,…*	- Sử dụng từ ngữ mang ý phủ định: *+ Từ trước đến nay đã có nhiều định nghĩa về thơ nhưng lời định nghĩa nào cũng vẫn không đủ* *+ Không có sự lí luận nào bằng sự thử*

		+ Chữ và tiếng trong thơ phải còn có một giá trị khác ngoài ý niệm…	*thách của thực tại.* - Sử dụng kiểu câu hỏi thể hiện ý nghi ngờ, chất vấn: *+ Tiếng Việt Nam có đứng riêng hẳn như thế không? Thơ Việt Nam có thể bỏ vần mà vẫn Việt Nam hay không?*

3. HOẠT ĐỘNG 3: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS vận dụng được một cách sáng tạo các biện pháp làm tăng tính khẳng định, phủ định khi viết VB nghị luận.

b. Nội dung: Thực hiện bài tập vận dụng.

c. Sản phẩm: Đoạn văn hoàn chỉnh của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV nêu yêu cầu: Viết đoạn văn hoặc bài văn nghị luận theo chủ đề tự chọn trong đó có sử dụng một biện pháp làm tăng tính khẳng định hoặc phủ định. Chỉ ra và phân tích hiệu quả của những biện pháp này.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân khoảng 10 phút.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- GV gọi 2-3 HS đọc sản phẩm trước lớp.
- GV phân công nhóm đánh giá chéo dựa vào Rubric.

Bước 4: Đánh giá, kết luận

GV nhận xét, đánh giá, tuyên dương sản phẩm tốt hoặc cho điểm HS căn cứ Rubric và hướng dẫn HS tiếp tục chỉnh sửa, hoàn thiện sản phẩm ở nhà.

Rubric đánh giá đoạn văn

Tiêu chí	Mô tả tiêu chí	Điểm
Hình thức	Đảm bảo quy cách một đoạn văn.	**3.0**
Nội dung	Viết đoạn văn theo chủ đề tự chọn, trong đó có sử dụng ít nhất 01 một biện pháp làm tăng tính khẳng định hoặc phủ định (lưu ý gạch chân biện pháp được sử dụng và ghi chú).	
	Giới thiệu được chủ đề của đoạn văn.	**1.0**
	Các câu trong đoạn đều tập trung làm rõ chủ đề.	**2.0**
	Sử dụng một biện pháp làm tăng tính khẳng định hoặc phủ định	**2.0**
Chính tả, ngữ pháp	Đảm bảo chuẩn chính tả, từ ngữ, ngữ pháp Tiếng Việt.	**1.0**
Sáng tạo	Thể hiện những suy nghĩ sâu sắc về chủ đề; có cách diễn đạt mới mẻ.	**1.0**

Đoạn văn tham khảo

Máy tính đóng vai trò quan trọng trong mọi hoạt đông của con người, từ công việc tới giải trí. Máy tính giúp con người tăng năng suất công việc và trở thành một phần không thể

thiếu với cuộc sống con người. Ngày nay, công việc văn phòng trở nên gọn nhẹ hơn rất nhiều khi sử dụng máy tính để soạn thảo, lưu trữ tập tin rõ ràng trong máy tính, chỉ cần vài click chuột là bạn có thể dễ dàng tìm kiếm, sửa chữa những tài liệu mà mình cần. Với sự trợ giúp của máy tính, các kỹ sư có thể dễ dàng có được những bản vẽ, có mô hình tổng quan nhất về mô hình mà mình đang thực hiện. Các phần mềm hỗ trợ được cài đặt trên máy tính giúp cho các kỹ sư có những kết quả tối ưu nhất cho bản vẽ của mình. Nhờ có máy tính, một công ty có thể quản lý được hàng nghìn bộ hồ sơ của nhân viên, cả các trường học cũng vậy. Máy tính còn đóng một vai trò quan trọng trong giải trí, chúng ta thường mở máy tính xem phim, nghe nhạc hay đọc báo. Với nhiều người máy tính là một phần không thể thiếu trong cuộc sống của họ. Tóm lại, không ai có thể phủ nhận được lợi ích của máy tính hiện nay khi nó được phổ biến trong tất cả các ngành nghề.

HƯỚNG DẪN HỌC Ở NHÀ

- Tìm đọc thêm một số văn bản nghị luận sử dụng biện pháp làm tăng tính khẳng định, phủ định.
- Hoàn thành viết đoạn văn theo chủ đề tự chọn, có sử dụng biện pháp làm tăng tính khẳng định, phủ định.
- **Chuẩn bị bài:** Viết báo cáo kết quả của bài tập dự án.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Sách giáo khoa, SGV Ngữ văn 12 *Kết nối tri thức với cuộc sống*, tập 2
- Nội dung công văn 5512/BGD-ĐT.
- Nội dung modul 1, 2, 3 được tập huấn.
- Một số tài liệu trên mạng internet.

RÚT KINH NGHIỆM

.....
.....
.....
.....
.....

Ngày soạn:
Ngày dạy:

VIẾT

Tiết:63,64

VIẾT BÁO CÁO KẾT QUẢ CỦA BÀI TẬP DỰ ÁN

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. Năng lực chung: Bài học góp phần phát triển các năng lực chung:

- **Tự chủ và tự học:** Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của bản thân và các bạn.
- **Giao tiếp và hợp tác:** Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm khi thực hiện nhiệm vụ hợp tác.
- **Giải quyết vấn đề và sáng tạo:** Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lý linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

b. Năng lực đặc thù: Bài học góp phần phát triển năng lực văn học và năng lực ngôn ngữ. Thông qua quá trình dạy **viết, giúp HS:**

- Hiểu được các yêu cầu cơ bản của việc viết báo cáo kết quả bài tập dự án.

- Viết được báo cáo kết quả bài tập dự án đảm bảo tôn trọng các quy cách phổ biến của kiểu văn bản

2. Phẩm chất: Biết chủ động đề xuất ý tưởng làm dự án và thực hiện dự án thành công để phục vụ cho nhiệm vụ học tập cũng như cho nhu cầu khám phá, hiểu biết, sáng tạo của bản thân.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị: Ti vi (hoặc máy chiếu), máy tính, Giấy A0, hộp giấy hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

2. Học liệu: SGK, STK, kế hoạch bài dạy, video liên quan, phiếu học tập, rubric đánh giá.

III. TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo tâm thế thoải mái và gợi dẫn cho học sinh về nội dung bài học.

b. Nội dung hoạt động: HS xem video, ngữ liệu bài học, trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong tiết học.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

TỔ CHỨC THỰC HIỆN	SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV nêu vấn đề: Các em hãy xem video sau và cho cô biết nội dung của video là gì? https://youtu.be/6Cf7kZ7tgs4 **Bước 2+3: Thực hiện nhiệm vụ, báo cáo** - Học sinh xem video, trả lời câu hỏi. **Bước 4: Đánh giá kết luận** - GV chốt vấn đề, dẫn dắt vào bài học: + Video nói về Dự án khởi nghiệp xanh của học sinh Văn Giang. + Quá trình thực hiện Dự án đó phải trải qua nhiều giai đoạn. Viết báo cáo kết quả của bài tập dự án thuộc giai đoạn kết thúc dự án học tập. Và cũng là một khâu quan trọng. Vậy nội dung của bản báo cáo được viết như thế nào? Đề cương của bản báo cáo ra sao? Cô trò chúng ta sẽ đến với bài học hôm nay! Viết báo cáo kết quả của bài tập dự án.	- Câu trả lời của HS.

3. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

2.1. Tìm hiểu yêu cầu của kiểu bài

a. Mục tiêu: HS hiểu được mục đích, các bước thực hiện của quá trình viết báo cáo dự án.

b. Nội dung hoạt động: HS đọc SGK, thực hiện nhiệm vụ.

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

TỔ CHỨC THỰC HIỆN	SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV tổ chức cho HS làm việc cá nhân - GV giao nhiệm vụ: Đọc mục *Yêu cầu* trong sgk, tr.29, kết hợp với sự hiểu biết của bản thân, trả lời câu hỏi: Viết báo cáo bài tập dự án là gì? Viết báo cáo bài tập dự án cần đảm bảo những yêu cầu nào? **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** HS suy nghĩ cá nhân, trả lời.	**I. Định hướng** **1. Khái niệm, yêu cầu của bài viết báo cáo kết quả của bài tập dự án** - Khái niệm: Viết báo cáo kết quả của bài tập dự án là nêu lên những kết quả thực hiện nhiệm vụ trong một dự án học tập đã được giao dưới hình thức một báo cáo. - Yêu cầu: + Xác định rõ nội dung của bài tập dự án và mục đích thực hiện bài tập dự án.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận GV gọi 1 -2 HS trả lời, HS khác quan sát, nghe và nhận xét, bổ sung. **Bước 4: Đánh giá, kết luận** GV nhận xét, chốt kiến thức.	+ Trình bày khái quát các yếu tố chính chi phối việc thực hiện thành công bài tập dự án. + Miêu tả và tự đánh giá được những kết quả nổi bật của bài tập dự án, có sử dụng phương tiện pho ngôn ngữ phù hợp. + Đề xuất được hướng sử dụng hợp lí kết quả của bài tập dự án. + Nêu được ý nghĩa của việc thực hiện bài tập dự án đối với bản thân (c á

2.2 Phân tích bài viết tham khảo

a. Mục tiêu: HS phân tích được cấu trúc của bài viết báo cáo kết quả của bài tập dự án, nội dung, cách sử dụng phương của bài viết báo cáo kết quả của bài tập dự án.

b. Nội dung hoạt động: GV hướng dẫn HS đọc bài viết tham khảo, thảo luận nhóm, trả lời các câu hỏi.

c. Sản phẩm: Câu trả lời nhanh và đúng của HS.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
*** Hướng dẫn HS đọc và tìm hiểu bài viết tham khảo** **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ** - GV gọi HS đọc bài viết tham khảo theo các thẻ chỉ dẫn ở bên phải văn bản. - HS thảo luận cặp đôi thực hiện các yêu cầu sau: **1.** Nhận xét về cấu trúc của văn bản báo cáo được dùng làm bài viết tham khảo trên. Có nên xem kiểu cấu trúc này là một mô hình cần được áp dụng phổ biến hay không? **2.** Trong văn bản, nội dung nào đã được ưu tiên trình bày? Sự ưu tiên đó đã hợp lí chưa? **3.** Theo em văn bản, có điều gì cần điều chỉnh, bổ sung? Vì sao? **4.** Nếu có yêu cầu văn bản báo cáo phải sử dụng phương tiện phi ngôn ngữ, em sẽ gợi ý cho người viết báo cáo xử lí vấn đề này như thế nào? **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** - HS nối tiếp nhau đọc văn bản. - Thảo luận cặp đôi 4 câu hỏi SGK khoảng 5 phút. **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**	**II. Phân tích bài viết tham khảo** **Đọc bài viết tham khảo (sgk, tr.29, 30, 31, 32) và thực hiện các yêu cầu:** (1) - Nhận xét: cấu trúc của văn bản báo cáo được dùng làm bài viết tham khảo: được trình bày theo các đề mục lớn, nhỏ một cách rõ ràng, khoa học. - Cấu trúc trên không thuộc loại thể thức cố định, mặc dù nó có thể được áp dụng phần lớn trường hợp viết báo cáo của bài tập dự án. (2) Trong văn bản, nội dung được ưu tiên trình bày là: *Kết quả chính của bài tập dự án* => Sự ưu tiên này là hợp lí vì đây là mục đích chính của bản báo cáo - báo cáo kết quả thực hiện bài tập dự án. (3) Cần điều chỉnh, bổ sung: - Tính mới, tính sáng tạo của dự án. - Minh hoạ cụ thể có một số kết quả đạt được của dự án. (4) Có thể sử dụng phương tiện phi ngôn ngữ: - Tranh ảnh. - Sơ đồ minh hoạ. - Bảng biểu.

- Đại diện một số cặp đôi phát biểu. - Các HS còn lại lắng nghe, nhận xét, bổ sung nếu cần. **Bước 4: Đánh giá, kết luận** - GV nhận xét, chốt kiến thức.	

2. Nhiệm vụ 2. Thực hành

a. Mục tiêu: HS nắm vững các bước thực hành và biết viết báo cáo kết quả của bài tập dự án

b. Nội dung hoạt động: HS đọc SGK, thực hiện nhiệm vụ.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

<table>
<tr><th>TỔ CHỨC THỰC HIỆN</th><th>SẢN PHẨM</th></tr>
<tr><td>
Thao tác 1. Thực hành viết báo cáo về kết quả của bài tập dự án
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ
- GV nêu vấn đề: Các em tiếp tục thực hiện theo bàn nhiệm vụ sau:
1. Đọc SGK, thực hiện các yêu cầu trong bảng kiến thức sau:
<table>
<tr><th>Các bước</th><th colspan="3">Nội dung</th></tr>
<tr><td>Chuẩn bị</td><td colspan="3"></td></tr>
<tr><td rowspan="4">Tìm ý và lập dàn ý</td><td>Tìm ý</td><td colspan="2"></td></tr>
<tr><td rowspan="3">Lập dàn ý</td><td>MB</td><td></td></tr>
<tr><td>TB</td><td></td></tr>
<tr><td>KB</td><td></td></tr>
<tr><td>Viết</td><td colspan="3"></td></tr>
<tr><td>Kiểm tra và chỉnh sửa</td><td colspan="3"></td></tr>
</table>
2. Xây dựng một bảng kiểm đánh giá bài báo cáo
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ
HS đọc SGK, thực hiện nhiệm vụ theo nhóm bàn
Bước 3: Báo cáo, thảo luận
- HS chia sẻ câu trả lời.
- HS khác quan sát, nghe và nhận xét, bổ sung.
Bước 4: Đánh giá, kết luận
- GV nhận xét dựa vào bảng kiểm
- Chốt kiến thức.
</td><td>
II. Thực hành viết
1. Các bước viết bản báo cáo kết quả của bài tập dự án
<table>
<tr><th>Các bước</th><th colspan="3">Nội dung</th></tr>
<tr><td>Chuẩn bị</td><td colspan="3">- Đề tài dự án có thể do GV đưa ra hoặc do chính Gv tự đề xuất.
- Đọc kĩ đề, tập hợp thông tin và kết quả thực hiện bài tập dự án từ các thành viên.
- Xác định bố cục của báo cáo.
- Chuẩn bị các ngữ liệu minh hoạ cho báo cáo.</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Tìm ý và lập dàn ý</td><td>Tìm ý</td><td colspan="2">- Tên và mục tiêu của dự án; nội dung bài tập dự án; mức độ cần thiết của bài tập dự án
- Các bước triển khai bài tập dự án, sự phân công công việc cho các (nếu bài tập dự án do nhóm thực hiện); kế hoạch nghiệm thu kết quả ở từng bước.
- Kết quả thực hiện bài tập dự án; tính sáng tạo, tính mới trong kết quả; việc đảm bảo tính trung thực trong việc tạo ra sản phẩm dự án.
- Hướng sử dụng kết quả bài tập dự án
- Những việc cần làm tiếp sau khi hoàn thành bài tập dự án
- Bài học kinh nghiệm của người thực hiện bài tập dự án</td></tr>
<tr><td>Lập dàn ý</td><td>Phần mở đầu</td><td>- Các thông tin chung: tên dự án; nhóm thực hiện.</td></tr>
</table>
</td></tr>
</table>

			- Mục tiêu và nội dung dự án.
		Phần nội dung	Kết quả thực hiện dự án + Sản phẩm 1 + Sản phẩm 2 …
		Phần kết luận	- Tự đánh giá kết quả thực hiện bài tập dự án. - Đề xuất, kiến nghị (nếu có)
Viết	Viết theo dàn ý đã xây dựng.		
Kiểm tra và chỉnh sửa	Đọc lại báo cáo Kiểm tra và chỉnh sửa		

2. Bảng kiểm đối chiếu bài báo cáo

Phương diện KT, ĐG	Yêu cầu cụ thể	Đã có	Chưa có
Nội dung	Phần mở đầu: - Các thông tin chung: tên dự án; nhóm thực hiện. - Mục tiêu và nội dung dự án.		
	Phần nội dung: - Giới thiệu cụ thể về số lượng, nội dung, đánh giá theo từng sản phẩm. - Hình ảnh minh hoạ và lời thuyết minh.		
	Phần kết luận: - Nội dung tự đánh giá. - Kiến nghị.		
Hình thức bản báo cáo	- Đã có đủ ba phần và nội dung các phần có cân đối không? - Đã có sự hài hoà giữa kênh hình và kênh chữ? - Bài báo cáo còn mắc những lỗi gì?	Câu trả lời	
Đánh giá chung	- Bài báo cáo đáp ứng yêu cầu mức độ nào? - Bản thân em thấy hứng thú hoặc khó khăn nào nhất trong quá trình		

		thực hành viết? Tại sao?	

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu:

- HS hiểu được tiến trình và các bước để viết bản báo cáo kết quả dự án học tập.
- HS thực hành viết một bản báo cáo cụ thể.

b. Nội dung: HS thực hành viết theo các bước.

c. Sản phẩm: Bài viết của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

TỔ CHỨC THỰC HIỆN	SẢN PHẨM
*** Chuẩn bị viết** **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ** GV nêu yêu cầu: - Tiếp tục làm việc theo bàn **- GV nêu yêu cầu: Vừa qua lớp em thực hành dự án học tập:** *Sức mạnh của tiếng cười qua một số tác phẩm hài kịch.* Hãy viết bản báo cáo kết quả dự án học tập đó. **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** HS hoạt động theo bàn. **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** HS tự đánh giá bài viết của nhóm và đọc bài nhóm khác để đánh giá chéo theo bảng kiểm. **Bước 4: Đánh giá, kết luận** GV nhận xét phần trình bày của HS.	**III. Luyện tập** **Bài tập: Vừa qua lớp em thực hành dự án học tập:** *Sức mạnh của tiếng cười qua một số tác phẩm hài kịch.* Hãy viết bản báo cáo kết quả dự án học tập đó. **Gợi ý:** **BÁO CÁO KẾT QUẢ BÀI TẬP DỰ ÁN** **SỨC MẠNH CỦA TIẾNG CƯỜI QUA CÁC TÁC PHẨM HÀI KỊCH** **Người thực hiện: Nhóm 2 lớp 12A trường THPT B** **Nhóm trưởng: Trần Văn A** **I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN** **1. Yêu cầu của bài tập dự án:** Sức mạnh của tiếng cười qua các tác phẩm hài kịch **2. Thời gian thực hiện:** 3 tuần (từ…đến) **3. Xác định các công việc cụ thể** - Sưu tầm các văn bản hài kịch nổi tiếng. - Tìm hiểu và đọc một số tác phẩm hài kịch nổi tiếng - Phân tích về vai trò của tiếng cười qua một số tác phẩm hài kịch nổi tiếng - Đưa ra nhận xét, đánh giá về vai trò của tiếng cười. - Tổ chức các tài liệu sưu tầm và tự làm một sản phẩm hoàn chỉnh **4. Phân công công việc** Các thành viên trong nhóm đã đăng kí thực hiện những công việc hợp sở trường của bản thân và tham gia với những mức độ khác nhau vào các công việc khác. II. **KẾT QUẢ CHÍNH CỦA BÀI TẬP DỰ ÁN** **1. Sản phẩm 1:** Bộ sưu tập các văn bản hài kịch - Số lượng: 05 tác phẩm - Nội dung của sản phẩm: Các văn bản: + Văn bản *Bệnh sĩ* của tác giả Lưu Quang Vũ

	+ Văn bản *Người lái buôn thành Vơ-ni-dơ* của nhà văn Shakespeare + Văn bản *Quan thanh tra* của nhà văn Gogol. + Văn bản *Lão hà tiện* của nhà văn Molie + Văn bản *Mùa hè ở biển* của Xuân Trình - Ảnh chụp các văn bản: Cảnh trong vở *Mùa hè ở biển* của - Tự đánh giá sản phẩm: Số lượng nhiều, phong phú. Là các văn bản hài kịch tiêu biểu, xuất sắc. **2. Sản phẩm 2:** Bài phân tích, đánh giá vai trò, ý nghĩa của tiếng cười trong văn bản hài kịch + Số lượng: 01 bài + Nội dung của sản phẩm: Phân tích, đánh giá vai trò, ý nghĩa của tiếng cười trong văn bản hài kịch *Quan thanh tra* ++ Tiếng cười trong hài kịch có ý nghĩa lớn đối với đời sống của con người bởi tiếng cười trong hài kịch là lấy từ những câu chuyện của cuộc sống. Với những phẩm chất đa dạng của hiện thực là các sắc thái khác nhau của tiếng cười. Đó có thể là tiếng cười châm biếm, đả kích, giễu cợt, cái cười vui đối với xã hội. Quan trọng hơn cả, tiếng cười trong hài kịch là một phương tiện để truyền tải, phê phán mặt xấu của xã hội, đó là hình thức phê phán đặc biệt và khẳng định cái mới, cái tốt đẹp. Từ đó, giúp thay đổi nhận thức, tư tưởng của con người giúp chúng ta hướng tới những thứ tốt đẹp hơn. ++ Tiếng cười trong *Quan thanh tra* phản ánh, phê phán các thói hư tật xấu của con người trong xã hội qua hình tượng nhân vật: Khlét-xa-cốp, thị trưởng, chánh án,… ++ Qua tiếng cười ấy, nhà văn muốn khán giả nhìn nhận vào chính bản thân mình, nhìn vào con người bên trong thật sự của chính mình, đưa ra lời cảnh báo cho khán giả về lối sống trống rỗng, không có ý nghĩa hiện tại.

	++ Tiếng cười trong *Quan thanh tra* của Gogol đã chỉ ra con đường khai sáng với nhận thức bản thân mỗi người và tiếng cười hài kịch ấy sẽ sống mãi trong lòng mỗi độc giả. + Ảnh chụp bài viết + Tự đánh giá sản phẩm: Sản phẩm ít. Nội dung sản phẩm đã làm rõ vai trò, sức mạnh của tiếng cười trong thể loại hài kịch qua vở kịch *Quan Thanh Tra.* **III. VẤN ĐỀ SỬ DỤNG, LƯU TRỮ KẾT QUẢ BÀI TẬP DỰ ÁN** - Kết quả bài tập dự án có thể được sử dụng vào nhiều thời điểm khác nhau với những mục đích khác nhau, tuỳ theo kế hoạch giáo dục và dạy học của nhà trường. - Người sử dụng có thể là cá nhân hoặc tập thể, việc sử dụng có thể diễn ra theo hình thức mượn tài liệu. - Kết quả của bài tập dự án có thể được lưu lại trong không gian riêng của lớp học hoặc trong thư viện nhà trường. **IV. MỘT SỐ KINH NGHIỆM VỀ VIỆC THỰC HIỆN BÀI TẬP DỰ ÁN** - Các thành viên tham gia dự án đều tích cực, chủ động với nhiệm vụ được giao. - Tài liệu văn bản hài kịch chưa nhiều nên việc sưu tầm, đọc, tìm hiểu, phân tích còn gặp nhiều khó khăn; dự án lợi thế hơn với những bạn đọc - dịch được tài liệu bằng tiếng nước ngoài vì nguồn tài liệu này dồi dào hơn. - Dự án được thực hiện trong thời gian ngắn nên tập trung làm sáng tỏ sức mạnh của tiếng cười qua một tác phẩm cụ thể. Nếu có thời gian, nên chọn phân tích 2 - 3 tác phẩm cụ thể. **V. TỰ ĐÁNH GIÁ VÀ KIẾN NGHỊ** - Tự đánh giá: Sản phẩm của dự án đã cung cấp đầy đủ về những thông tin, ý nghĩa của sức mạnh tiếng cười hài kịch. Từ đó, thấy được tầm quan trọng của tiếng cười hài kịch trong cuộc sống. - Kiến nghị: Không có Thay mặt nhóm thực hiện bài tập dự án Trần Văn A

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức bài học vào giải quyết tình huống cụ thể

b. Nội dung: Thực hiện một dự án học tập và viết bản báo cáo kết quả dự án học tập

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập

Bài tập về nhà: Em cùng với các bạn trong lớp thực hiện dự án sáng tác video giới thiệu về các tác phẩm văn học yêu thích. Dự kiến ngày 15/2 sẽ báo cáo dự án trước lớp. Em hãy viết bản báo cáo kết quả dự án học tập của nhóm em.

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

- HS thực hiện nhiệm vụ học tập ở nhà.

Bước 3. Báo cáo, thảo luận

- HS hoàn thành nhiệm vụ và trình bày trong buổi học sau.

Bước 4. Kết luận, nhận định

GV nêu nhận xét về phần làm việc của HS, tuyên dương, khen thưởng hoặc chấm điểm cho HS có sản phẩm tốt.

Gợi ý: Bản báo cáo kết quả dự án học tập *Sáng tác video giới thiệu về các tác phẩm văn học yêu thích*

BÁO CÁO KẾT QUẢ BÀI TẬP DỰ ÁN
Nhóm 2 lớp 12A trường THPT B
Dự án:
SÁNG TÁC VIDEO GIỚI THIỆU CÁC TÁC PHẨM VĂN HỌC YÊU THÍCH

1. Mục tiêu của dự án:

- Sưu tầm các tác phẩm văn học tiêu biểu
- Giới thiệu được nội dung và nghệ thuật đặc sắc của các tác phẩm tiêu biểu
- Đưa ra nhận xét, đánh giá về vị trí của các tác phẩm văn học đó trong dòng chảy văn học của thế giới, Việt Nam.
- Hình thành năng lực sử dụng CNTT; năng lực giao tiếp, hợp tác

2. Nội dung của dự án:

- Tìm hiểu và đọc các tác phẩm văn học
- Nêu được giá trị nội dung và giá trị đặc sắc của tác phẩm

3. Kết quả của thực hiện dự án:

3.1. Sản phẩm 1: Bộ sưu tập các tác phẩm văn học

- Số lượng: 05 tác phẩm
- Nội dung của sản phẩm: Các văn bản:

+ Văn bản *Những người khốn khổ* của Victo Huygo
+ Văn bản *Người lái buôn thành Vơ-ni-dơ* của nhà văn Shakespeare
+ Văn bản *Truyện cổ tích về loài người* của Xuân Quỳnh
+ Văn bản *Chí Phèo* của nhà văn Nam Cao
+ Văn bản *Mãi mãi tuổi hai mươi* của Nguyễn Văn Thạc

- Ảnh chụp các văn bản:

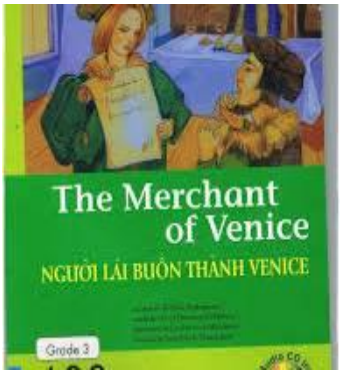

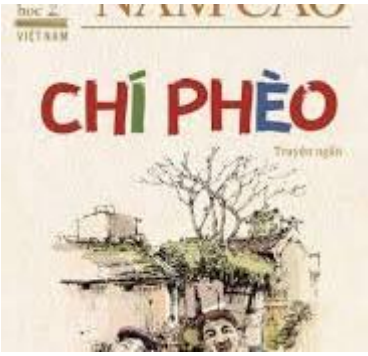

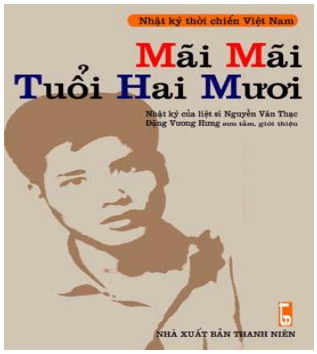

- Tự đánh giá sản phẩm: Số lượng nhiều, phong phú. Là các tác phẩm văn học tiêu biểu, xuất sắc.

3.2. Sản phẩm 2: Bài giới thiệu về nội dung, nghệ thuật của từng tác phẩm

+ Số lượng: 05 bài

+ Nội dung của sản phẩm: Bài giới thiệu về nội dung, nghệ thuật của từng tác phẩm:

++ *Những người khốn khổ* của Victo Huygo
++ *Người lái buôn thành Vơ-ni-dơ* của nhà văn Shakespeare
++ *Truyện cổ tích về loài người* của Xuân Quỳnh
++ *Chí Phèo* của nhà văn Nam Cao
++ *Mãi mãi tuổi hai mươi* của Nguyễn Văn Thạc
+ Ảnh chụp bài viết
+ Tự đánh giá sản phẩm: Sản phẩm đa dạng, nhiều. Nội dung sản phẩm đã làm rõ giá trị nội dung, nghệ thuật từng tác phẩm.

4. Tự đánh giá và kiến nghị

- Tự đánh giá: Sản phẩm của dự án đã cung cấp đầy đủ về những thông tin về giá trị nội dung và giá trị nghệ thuật của các tác phẩm văn học tiêu biểu. Từ đó, thấy được vị trí quan trọng của các tác phẩm trong dòng chảy của văn học nhân loại nói chung và Việt Nam nói riêng.
- Kiến nghị: Không có

HƯỚNG DẪN HỌC Ở NHÀ:

- Hoàn thiện các bài tập còn lại.
- **Chuẩn bị bài:** Nói và nghe, Trình bày báo cáo kết quả của bài tập dự án

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Sách giáo khoa, SGV Ngữ văn 12 Kết nối tri thức với cuộc sống, tập 2
- Nội dung công văn 5512/BGD-ĐT.
- Nội dung modul 1, 2, 3 được tập huấn.
- Một số tài liệu, hình ảnh trên mạng internet.

RÚT KINH NGHIỆM

.....
.....
.....
.....
....

Tiết:65,66	NÓI VÀ NGHE TRÌNH BÀY BÁO CÁO KẾT QUẢ CỦA BÀI TẬP DỰ ÁN

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực. Giúp HS:

- HS biết sử dụng bài báo cáo đã được thực hiện theo yêu cầu của phần Viết để xây dựng bài thuyết trình về kết quả của bài tập dự án.
- HS biết thuyết trình về kết quả của bài tập dự án một cách thuyết phục, có sự tương tác tích cức với người nghe.

2. Phẩm chất: HS biết học hỏi từ người thuyết trình những kinh nghiệm bổ ích về cách trình bày kết quả của bài tập dự án.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị: Máy chiếu, máy tính,...

2. Học liệu: SGK, SGV, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, phiếu học tập, bảng tự đánh giá và đánh giá về ý kiến trao đổi, đánh giá…

III. TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu:

- Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.
- HS huy động được tri thức, kinh nghiệm cho bài trình bày

b. Nội dung: GV hướng dẫn HS xem đoạn Clip, GV đặt câu hỏi, HS trả lời.

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong tiết học.

d. Tổ chức thực hiện:

TỔ CHỨC THỰC HIỆN	SẢN PHẨM
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ GV nêu yêu cầu: Xem video ngắn sau và trả lời các câu hỏi: https://youtu.be/58FwsZfsBj8 - Đoạn video nói về điều gì? - Theo em, để có trình bày báo cáo kết quả của bài tập dự án, em cần lưu ý những điều gì? **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ** HS quan sát, suy nghĩ thực hiện nhiệm vụ. **Bước 3. Báo cáo, thảo luận** GV gọi 2 – 3 HS trả lời. HS khác lắng nghe, nhận xét, góp ý. **Bước 4. Kết luận, nhận định** Giáo viên đánh giá, kết luận, dẫn vào bài mới.	HS thể hiện quan điểm cá nhân

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

a. Mục tiêu: HS nắm được các yêu cầu và quy trình của bài Nói và Nghe.

b. Nội dung: Trao đổi, thảo luận các yêu cầu và quy trình chuẩn bị Nói và Nghe.

c. Sản phẩm: Bài thảo luận đúng yêu cầu và quy trình.

d. Tổ chức thực hiện:

TỔ CHỨC THỰC HIỆN	SẢN PHẨM
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ GV nêu yêu cầu: Đọc SGK tr.34 và trao đổi với bạn bên cạnh về các câu hỏi sau: - Thế nào là trình bày báo cáo kết quả của bài tập dự án?	**I. Khái niệm và yêu cầu của bài nói và nghe** **1. Khái niệm** Trình bày báo cáo kết quả dự án là sử dụng ngôn ngữ kết hợp với phương tiện như hình ảnh, âm thanh, bản trình chiếu, hành động, cử chỉ, … để báo cáo tóm tắt những kết quả thực

- Khi trình bày báo cáo kết quả của bài tập dự án, cần đảm bảo những yêu cầu gì? **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ** HS thực hiện các yêu cầu. **Bước 3. Báo cáo, thảo luận** Đại diện HS trình bày kết quả làm việc của mình, HS khác lắng nghe, bổ sung. **Bước 4. Kết luận, nhận định** GV nhận xét câu trả lời của HS, chốt vấn đề.	hiện các nhiệm vụ được giao trong dự án học tập. **2. Yêu cầu** - Nêu tên của bài tập dự án và người thực hiện (cá nhân hoặc nhóm). - Trình bày được thông tin cơ bản về quá trình thực hiện bài tập dự án với các bước cụ thể. - Làm nổi bật được các kết quả chính thể hiện đóng góp riêng của người thực hiện bài tập dự án, kèm theo các minh chứng chọn lọc được trình bày bằng các hình thức, phương tiện phù hợp. - Gợi mở được hướng sử dụng kết quả bài tập dự án và nêu các công việc cần tiếp tục thực hiện có liên quan đến bài tập dự án. - Rút ra được bài học kinh nghiệm từ việc thực hiện bài tập dự án.

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: HS biết trình bày báo cáo kết quả của bài tập dự án.

b. Nội dung: HS trình bày bài giới thiệu. HS khác lắng nghe, trao đổi.

c. Sản phẩm: Bài thuyết trình, các câu hỏi, ý kiến nhận xét của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

TỔ CHỨC THỰC HIỆN	SẢN PHẨM
1. Thao tác 1. Tìm hiểu các bước tiến hành trình bày báo cáo **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ** GV nêu yêu cầu: Đọc SGK tr.35 và trao đổi với bạn bên cạnh về các câu hỏi sau: - Quá trình trình bày bản báo cáo gồm có mấy bước? - Nêu cụ thể nội dung trong từng bước **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ** HS thực hiện các yêu cầu. **Bước 3. Báo cáo, thảo luận** Đại diện HS trình bày kết quả làm việc của mình, HS khác lắng nghe, bổ sung. **Bước 4. Kết luận, nhận định** GV nhận xét câu trả lời của HS, chốt vấn đề.	**II. THỰC HÀNH** **1. Các bước tiến hành thực hành trình bày báo cáo kết quả của bài tập dự án** a. Bước 1: Chuẩn bị nói - Lựa chọn đề tài. Đề tài bài nói cũng là đề tài của báo cáo kết quả bài tập dự án đã hoàn thành yêu cầu ở phần *Viết* - Tìm ý và sắp xếp ý Xem lại dàn ý đã nêu ở phần Viết và bổ sung các ý cho phù hợp với đối tượng, yêu cầu, thời gian, điều kiện trình bày báo cáo. b. Bước 2. Thực hành nói **Yêu cầu của người nói, người nghe** **Người nói**: - Nội dung trình bày: + Trình bày bài giới thiệu theo dàn ý đã chuẩn bị + Tập trung vào trọng tâm, trình bày lo gích, có lí lẽ và bằng chứng. - Hình thức trình bày **Người nghe**: - Tập trung lắng nghe; hiểu được những nội dung chính và quan điểm của người nói. - Ghi lại các thông tin chính và những nhận xét, đánh giá về nội dung, cách thức và tình cảm, thái độ của người thuyết trình. - Nêu các vấn đề cần hỏi, các ý kiến cần

+ Bài trình bày có đầy đủ ba phần. + Sử dụng công cụ, thiết bị hỗ trợ, các yếu tố phi ngôn ngữ phù hợp. + Có sự sáng tạo khi trình bày. - Tác phong, thái độ khi trình bày: + Tự tin, thân thiện + Trình bày và diễn đạt hấp dẫn. + Tốc độ nói vừa phải, có ngữ điệu phù hợp, đảm bảo yêu cầu về thời gian.	trao đổi về nội dung bài nói một cách ngắn gọn, rõ ràng,...; có thể trao đổi thêm quan điểm cá nhân về nội dung trình bày. - Tôn trọng người thuyết trình; sử dụng yếu tố cử chỉ, nét mặt, ánh mặt để khích lệ người thuyết trình.

c. Bước 3; Trao đổi, đánh giá

Người nghe	Người nói
- Nêu nhận xét về nội dung bài nói, cách thể hiện bài nói, có đối chiếu với kết quả thực tế của việc thực hiện bài tập dự án. - Đặt các câu hỏi cần thiết về việc thực hiện bài tập dự án. - Đề xuất các hướng thực hiện khác, mang tính khả thi đối với bài tập dự án, giúp cho người thực hiện rút kinh nghiệm về sau. - Gợi ý hướng sử dụng kết quả bài tập dự án vào hoạt động học tập (tiếp nối ý có thể đã được người nói đề cập)	- Tiếp nhận một cách tích cực các ý kiến phản hồi, góp ý. - Làm rõ một số vấn đề còn khiến người nghe băn khoăn, thắc mắc. - Mở rộng thêm ý nói về vấn đề rút kinh nghiệm sau khi thực hiện một bài tập dự án.

2. Thực hành trình bày

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ

GV nêu nhiệm vụ cho HS:

- Yêu cầu: Trình bày báo cáo kết quả của bài tập dự án đã thực hiện ở phần "Viết", trong đó có sử dụng phương tiện hỗ trợ phù hợp.

- Mỗi nhóm trao đổi và cử 1 đại diện **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ** - HS làm việc theo nhóm, kiểm tra lại phần trình bày và phương tiện hỗ trợ. **Bước 3. Báo cáo, thảo luận** - GV chọn 01 đại diện lên trình bày trước lớp - GV hướng dẫn HS thực hiện nhiệm vụ nói và nghe. - GV hướng dẫn HS dưới lớp theo dõi và đánh giá người nói (Phiếu đánh giá) **Bước 4. Kết luận, nhận định** - GV nhận xét phần trình bày, phần trao đổi của người nói và người nghe. - Nhấn mạnh các yêu cầu cần đạt của bài trình bày kết quả của bài tập dự án để HS rút kinh nghiệm.	**Bài tập:** Trình bày báo cáo kết quả của bài tập dự án đã thực hiện ở phần "Viết", trong đó có sử dụng phương tiện hỗ trợ phù hợp **Gợi ý:** **BÁO CÁO KẾT QUẢ BÀI TẬP DỰ ÁN SỨC MẠNH CỦA TIẾNG CƯỜI QUA CÁC TÁC PHẨM HÀI KỊCH** **Người thực hiện: Nhóm 2 lớp 12A trường THPT B** **Nhóm trưởng: Trần Văn A** **I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN** **1. Yêu cầu của bài tập dự án:** Sức mạnh của tiếng cười qua các tác phẩm hài kịch **2. Thời gian thực hiện:** 3 tuần (từ…đến) **3. Xác định các công việc cụ thể** - Sưu tầm các văn bản hài kịch nổi tiếng. - Tìm hiểu và đọc một số tác phẩm hài kịch nổi tiếng - Phân tích về vai trò của tiếng cười qua một số tác phẩm hài kịch nổi tiếng - Đưa ra nhận xét, đánh giá về vai trò của tiếng cười. - Tổ chức các tài liệu sưu tầm và tự làm một sản phẩm hoàn chỉnh **4.Phân công công việc** Các thành viên trong nhóm đã đăng kí thực hiện những công việc hợp sở trường của bản thân và tham gia với những mức độ khác nhau vào các công việc khác. **II.KẾT QUẢ CHÍNH CỦA BÀI TẬP DỰ ÁN** **1. Sản phẩm 1:** Bộ sưu tập các văn bản hài kịch - Số lượng: 05 tác phẩm - Nội dung của sản phẩm: Các văn bản: + Văn bản *Bệnh sĩ* của tác giả Lưu Quang Vũ + Văn bản *Người lái buôn thành Vơ-ni-dơ* của nhà văn Shakespeare + Văn bản *Quan thanh tra* của nhà văn Gogol. + Văn bản *Lão hà tiện* của nhà văn Molie + Văn bản *Mùa hè ở biển* của Xuân Trình - Ảnh chụp các văn bản:

Cảnh trong vở *Mùa hè ở biển* của

- Tự đánh giá sản phẩm: Số lượng nhiều, phong phú. Là các văn bản hài kịch tiêu biểu, xuất sắc.

2. Sản phẩm 2: Bài phân tích, đánh giá vai trò, ý nghĩa của tiếng cười trong văn bản hài kịch

+ Số lượng: 01 bài

+ Nội dung của sản phẩm: Phân tích, đánh giá vai trò, ý nghĩa của tiếng cười trong văn bản hài kịch *Quan thanh tra*

++ Tiếng cười trong hài kịch có ý nghĩa lớn đối với đời sống của con người bởi tiếng cười trong hài kịch là lấy từ những câu chuyện của cuộc sống. Với những phẩm chất đa dạng của hiện thực là các sắc thái khác nhau của tiếng cười. Đó có thể là tiếng cười châm biếm, đả kích, giễu cợt, cái cười vui đối với xã hội. Quan trọng hơn cả, tiếng cười trong hài kịch là một phương tiện để truyền tải, phê phán mặt xấu của xã hội, đó là hình thức phê phán đặc biệt và khẳng định cái mới, cái tốt đẹp. Từ đó, giúp thay đổi nhận thức, tư tưởng của con người giúp chúng ta hướng tới những thứ tốt đẹp hơn.

++ Tiếng cười trong *Quan thanh tra* phản ánh, phê phán các thói hư tật xấu của con người trong xã hội qua hình tượng nhân vật: Khlét-xa-cốp, thị trưởng, chánh án,…

++ Qua tiếng cười ấy, nhà văn muốn khán giả nhìn nhận vào chính bản thân mình, nhìn vào con người bên trong thật sự của chính mình, đưa ra lời cảnh báo cho khán giả về lối sống trống rỗng, không có ý nghĩa hiện tại.

++ Tiếng cười trong *Quan thanh tra* của Gogol đã chỉ ra con đường khai sáng với nhận thức bản thân mỗi người và tiếng cười hài kịch ấy sẽ sống mãi trong lòng mỗi độc giả.

+ Ảnh chụp bài viết

+ Tự đánh giá sản phẩm: Sản phẩm ít. Nội dung sản phẩm đã làm rõ vai trò, sức mạnh của tiếng cười trong thể loại hài kịch qua vở kịch *Quan Thanh Tra.*

III.VẤN ĐỀ SỬ DỤNG, LƯU TRỮ KẾT QUẢ BÀI TẬP DỰ ÁN

- Kết quả bài tập dự án có thể được sử dụng vào nhiều thời điểm khác nhau với những mục đích

	khác nhau, tuỳ theo kế hoạch giáo dục và dạy học của nhà trường. - Người sử dụng có thể là cá nhân hoặc tập thể, việc sử dụng có thể diễn ra theo hình thức mượn tài liệu. - Kết quả của bài tập dự án có thể được lưu lại trong không gian riêng của lớp học hoặc trong thư viện nhà trường. **IV.MỘT SỐ KINH NGHIỆM VỀ VIỆC THỰC HIỆN BÀI TẬP DỰ ÁN** - Các thành viên tham gia dự án đều tích cực, chủ động với nhiệm vụ được giao. - Tài liệu văn bản hài kịch chưa nhiều nên việc sưu tầm, đọc, tìm hiểu, phân tích còn gặp nhiều khó khăn; dự án lợi thế hơn với những bạn đọc - dịch được tài liệu bằng tiếng nước ngoài vì nguồn tài liệu này dồi dào hơn. - Dự án được thực hiện trong thời gian ngắn nên tập trung làm sáng tỏ sức mạnh của tiếng cười qua một tác phẩm cụ thể. Nếu có thời gian, nên chọn phân tích 2 - 3 tác phẩm cụ thể. **V. TỰ ĐÁNH GIÁ VÀ KIẾN NGHỊ** - Tự đánh giá: Sản phẩm của dự án đã cung cấp đầy đủ về những thông tin, ý nghĩa của sức mạnh tiếng cười hài kịch. Từ đó, thấy được tầm quan trọng của tiếng cười hài kịch trong cuộc sống. - Kiến nghị: Không có Thay mặt nhóm thực hiện bài tập dự án Trần Văn A

PHỤ LỤC 1

PHIẾU ĐÁNH GIÁ BÀI THUYẾT TRÌNH VÀ QUÁ TRÌNH NÓI

NGƯỜI ĐÁNH GIÁ:……

STT	Nội dung đánh giá	Kết quả	
		Đạt	Chưa đạt
	BÀI THUYẾT TRÌNH		
1	Bố cục ba phần: Mở đầu, nội dung chính, kết thúc.		
2	Phần nội dung chính đã làm rõ được vấn đề cần trình bày.		
	QUÁ TRÌNH NÓI		
3	Kết hợp được phương tiện ngôn ngữ và phi ngôn ngữ khi trình bày, sử dụng có hiệu quả các phương tiện công nghệ hỗ trợ (nếu có).		
4	Thể hiện bài nói một cách chủ động, tự tin, tạo hứng thú cho người nghe; làm chủ thời gian, duy trì tương tác với người nghe.		
5	**ĐÁNH GIÁ CHUNG** - Những thành công và hạn chế của bài thuyết trình: …… …….. - Hướng khắc phục, sửa chữa: ……		

	....

PHỤ LỤC 2

PHIẾU ĐÁNH GIÁ VÀ KIỂM TRA QUÁ TRÌNH NGHE

NGƯỜI ĐÁNH GIÁ:.....

STT	Nội dung đánh giá	Kết quả	
		Đạt	Chưa đạt
	ĐÁNH GIÁ QUÁ TRÌNH NGHE		
1	Thái độ nghe: tập trung và tôn trọng người nói		
2	Tích cực ghi chép		
3	Câu hỏi phản biện đã hướng đến vấn đề chính của bài nói		
4	**KIỂM TRA KẾT QUẢ NGHE** - Nội dung nghe và ghi chép lại đã chính xác chưa? ..... - Thu hoạch được những gì về nội dung và cách thức giới thiệu một tác phẩm truyện?		

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS biết xây dựng một dự án học tập, biết viết bản báo cáo kết quả và biết trình bày báo cáo kết quả. Biết ứng dụng CNTT vào quá trình học tập.

b. Nội dung: Sáng tác video trình bày báo cáo kết quả của bài tập dự án *Sáng tác video giới thiệu các tác phẩm văn học yêu thích.*

c. Sản phẩm: Video giới thiệu; Biên bản làm việc nhóm.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV chia lớp thành các nhóm. Mỗi nhóm khoảng 7 HS.
- GV nêu nhiệm vụ cho nhóm:

+ Chọn 01 dự án và thực hiện dự án đó.

+ Viết bản báo cáo kết quả dự án đó.

+ Sáng tác 01 video trình bày báo cáo kết quả của bài tập dự án.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS tự thực hiện nhiệm vụ học tập ở nhà.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

Thực hiện trên trang fanpage CLB Truyền thông và trang facebook cá nhân.

Bước 4: Kết luận, nhận xét

GV nhận xét tổng kết trong bài học sau.

HƯỚNG DẪN HỌC Ở NHÀ:

- Hoàn thiện các bài tập còn lại.
- Tự thực hành nói: Giới thiệu về dự án học tập bản thân đã tham gia.
- **Chuẩn bị bài:** Củng cố, mở rộng

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Sách giáo khoa, SGV Ngữ văn 12 Kết nối tri thức với cuộc sống, tập 2.
- Nội dung công văn 5512/BGD-ĐT.
- Nội dung modul 1, 2, 3 được tập huấn.
- Một số tài liệu, hình ảnh trên mạng internet.

RÚT KINH NGHIỆM

.....
.....
.....
.....
....

5. HOẠT ĐỘNG 5: CỦNG CỐ, MỞ RỘNG (CẢ BÀI 6)

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập để khắc sâu kiến thức.

b. Nội dung:

- GV giao bài tập, gợi ý cho HS thực hiện tại lớp hoặc ở nhà.
- HS hoạt động nhóm để hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm: Đáp án đúng của bài tập

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV chia 4 nhóm thảo luận 4 câu hỏi:

Câu hỏi thảo luận nhóm:

Câu 1. Bài học giúp bạn hiểu thêm điều gì về sự thống nhất cao độ giữa sự nghiệp cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh với toàn bộ tác phẩm Người đã viết (trong đó có sáng tác văn học)

Câu 2. Sự đa dạng của phong cách Hồ Chí Minh đã được thể hiện như thế nào qua các văn bản được học trong bài?

Câu 3. Tìm đọc trọn vẹn tập *Ngục trung nhật kí* và các tuyển tập thơ chữ Hán, thơ tiếng Việt của Hồ Chí Minh. Học thuộc lòng một số bài thơ bạn thấy tâm đắc và sưu tầm những tài liệu viết về các bài thơ đó.

Câu 4. Tìm đọc các cuốn sách sưu tầm mảng sáng tác truyện, kí của Hồ Chí Minh và phân loại sơ bộ những tác phẩm truyện, kí đó theo các tiêu chí: thể loại, đề tài, bút pháp, cách viết.

Câu 5. Chọn đọc các tác phẩm chính luận tiêu biểu của Hồ Chí Minh, ghi chép về hoàn cảnh ra đời của từng tác phẩm và trích ra những câu, những đoạn văn mà bạn thấy đáng chú ý nhất.

Câu 6. Tìm hiểu cách tổ chức hệ thống tài liệu về Chủ tịch Hồ Chí Minh trong các phòng trưng bày chuyên đề hoặc trong các viện bảo tàng mà bạn có dịp ghé thăm. Phác thảo ý tưởng về cách tổ chức những tư liệu mà bạn hoặc các bạn trong lớp có được về Người trong không gian học tập phù hợp.

Câu 7. Thảo luận với các bạn trong nhóm học tập hoặc trong lớp về một số dự án cần thực hiện để phục vụ cho hoạt động học tập theo nội dung sách giáo khoa Ngữ văn lớp 12.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS thảo luận, trả lời câu hỏi.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- GV gọi đại diện nhóm HS trả lời câu hỏi.
- GV bổ sung, hướng dẫn HS trả lời.

Bước 4: Đánh giá, kết luận

GV hướng dẫn, yêu cầu HS tự nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của HS.

GỢI Ý TRẢ LỜI

Câu 1. Sự thống nhất cao độ giữa sự nghiệp cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh với toàn bộ tác phẩm Người đã viết:

+ Sự nghiệp cách mạng và các tác phẩm của Hồ Chí Minh không tách rời nhau. Đây là hiện tượng "hai trong một".

+ Hồ Chí Minh viết các tác phẩm để phục vụ cho hoạt động cách mạng; có thể xem các bài viết của Người cũng là một nội dung hoạt động cách mạng cụ thể.

+ Sự nghiệp cách mạng của Hồ Chí Minh rất vĩ đại và do vậy, các tác phẩm của Người cũng đạt được một tầm vóc lớn tương xứng, xét từ đặc điểm loại hình của nó.
+ Cuộc đời hoạt động cách mạng phong phú của Hồ Chí Minh đã cung cấp chất lượng dồi dào cho những bài viết của Người, khiến những bài viết đó cũng có được sự đa dạng, hấp dẫn đặc biệt.

Câu 2. Sự đa dạng của phong cách Hồ Chí Minh đã được thể hiện qua các văn bản được học trong bài:

Mỗi thể loại văn học, Người đều có cách riêng, độc đáo, hấp dẫn:

- ***Tuyên ngôn độc lập (Văn chính luận):*** Ngắn gọn, súc tích, luôn đạt sức thuyết phục cao.

++ Khi hướng về kẻ thù cách mạng: lập luận đanh thép, lí lẽ sắc bén, những chứng cứ không thể chối cãi, mang tinh thần duy kí, tư duy khoa học rất rõ.

++ Khi hướng về đồng bào, đồng chí: giọng điệu chân thành, thân mật, ở sự hoà quyện giữa lí và tình.

- ***Những trò lố hay là Va-ren và Phân Bội Châu (Truyện):*** Mang tính hiện đại, thể hiện tính chiến đấu mạnh mẽ, nghệ thuật trào phúng vừa sắc bén, thâm thuý của phương Đông, vừa hài hước hóm hỉnh của phương Tây.
- ***Mộ, Rằm tháng Giêng (Thơ ca):*** Những bài thơ có sự hoà hợp độc đáo giữa bút pháp cổ điển và bút pháp hiện đại, giàu chất trữ tình và tính chiến đấu.

Câu 4. - HS tự sưu tầm.
Có thể kể tên một số bài tiêu biểu: Đi đường, Nghe tiếng giã gạo, không ngủ được, Nửa đêm, người bạn tù thổi sáo.
- HS đọc thuộc lòng và sưu tầm tài liệu viết về bài thơ đó.

Câu 4, 5, 6, 7. HS tự sưu tầm, tìm đọc và thực hiện các yêu cầu.

HƯỚNG DẪN HỌC Ở NHÀ

- Vẽ sơ đồ tư duy về các đơn vị kiến thức của bài học.
- Hoàn thành các bài tập vận dụng và củng cố, mở rộng, ứng dụng các phần mềm hỗ trợ trên mạng.
- **Chuẩn bị bài 7:** Sự thật trong tác phẩm kí.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Sách giáo khoa, SGV Ngữ văn 12 Kết nối tri thức với cuộc sống, tập 2.
- Nội dung công văn 5512/BGD-ĐT.
- Nội dung modul 1, 2, 3 được tập huấn.
- Một số tài liệu, hình ảnh trên mạng internet.

RÚT KINH NGHIỆM